

SỐ 26 NGÀY 1-2-1966

BACH KHOA

T H Ò I - Đ Ạ I

số tân niên

VŨ-BẢO 10 nhận xét về năm 1965 * LÊ-VĂN-HẢO
câu chuyện An Dương Vương, Mị Châu, Trọng Thủy *
NGỌC-VÂN Gemini 7-6 hội ngộ trong không gian *
VÕ QUANG YẾN kỹ thuật gấp giấy trên không trung *
NGUYỄN VĂN TƯ chung quanh vấn đề nhập cảng *
NGUYỄN HIẾN LÊ Somerset Maugham * VÕ PHIẾN
hoạt cảnh II * Y UYÊN mùa xuân qua đèo * THÀNH
TÔN - ĐYNH TRÂM CA - HƯ CHU - BÌNH HÀNH -
BÙI KHÁNH ĐẢN - GIẢN CHI thơ * MỘNG TRUNG
vấn đề hôn nhân dị chủng * **SINH HOẠT** triển
lãm 100 năm báo chí *
Báo chí trong việc xây dựng
văn hóa * tái băng ở
Cộng hòa Dân chủ Đức.

218



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saïgon 36.625 - 36.626

- SES SIROPS
- SA PARFUMERIE
- SON VINAIGRE
- SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann - Paris (8^e)

Số vốn sung dụng tại Việt Nam : VN\$. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN\$. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MẠI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N^o 27 - 04

TRỤ SỞ :

29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.454/35/36 & 21.019

Điện-tin : FRANCIBANK

CHI NHÁNH :

Hành lang EDEN — SAIGON

Điện-thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime*



SERVICE

DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *American Express*
- *United States Line*

23, Ngô-Dức-Ké — Tél. 22.008 - 22. 618

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St. Lazare — PARIS

VIÊT NAM	SAIGON	AGENCE	: 32, Đại-lộ Hàm-Nghi—Tél. : 20.065, 20.066, 20.067.
		BUREAUX	: 178, 180, 182, Đường Lê-Thánh- Tôn (Marché central)—Tél.: 22.142, — 415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél. : 25.172.
		CHOLON	: AGENCE : 386, Đại-lộ Đông-Khánh (Cholon)— Tél. : 39.105.
	KHANH-HUNG	: AGENCE	: 23, Đường Hoàng-Diệu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-
CHAM.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH - KHOA

THỜI ĐẠI

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Dinh-Phung

Đ.T. 25.539 - H.T. 339

SAIGON

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phượng danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thê thức trả tiền (2) _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm 196_____

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

● Miền Nam		● Miền Trung và Cao nguyên (cả cước phí máy bay)	
Một năm :	200\$	Một năm :	230\$
6 tháng :	100\$	6 tháng :	115\$

Mua dài hạn Bách-Khoa

- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.
- Trả trước 200\$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60\$ (22 số thường 220\$ + số đặc biệt và số Tết 40\$ = 260\$).
- Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà thanh nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu (đề tên Ô. Lê-Ngô-Châu) hoặc bưu-phiếu hay bưu-chi-phiếu gửi cho Tạp-chí Bách-Khoa Thời-Đại, Trương-mục 27-46 Chánh Trung Khu chi phiếu Saigon (xin tại các Bưu-cước thiếp phiếu mẫu số CH. 1418).

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI
Số 26 ngày 1 - 2 - 1966

VŨ-BẢO 10 nhận xét về năm 1965	3
LÊ-VĂN-HẢO câu chuyện An Dương Vương-Mị-Châu, Trọng-Thủy	15
NGỌC-VÂN Gemini 7-6 hội ngộ trong không gian	23
VÕ-QUANG-YẾN kỹ thuật gấp gờ trên không trung	32
NGUYỄN-VĂN-TU chung quanh vấn đề nhập cảng	37
NGUYỄN-HIẾN-LÊ Somerset Maugham	41
VÕ-PHIẾN hoạt cảnh II (tiếp)	49
HƯ-CHU — BÌNH-HÀNH — GIẢN-CHI — BÙI-KHÁNH-	
ĐÀN họa bài thơ «Xuân du thử địa vô phương thảo» của Đông Hồ	64
THÀNH-TÔN thú với mùa xuân (thơ)	66
ĐYNH-TRĂM-CA về miền tuổi nhỏ (thơ)	67
MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng	71
Y-UYÊN mùa xuân qua đèo (truyện)	73
SINH HOẠT triền lãm 100 năm báo chí	81
tái băng tại Cộng-Hòa Dân Chủ Đức	82
báo chí trong việc xây dựng văn hóa	87

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539 — H.T. 339 SaiGon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon

GIÁ : 10\$ CÔNG SỞ GIÁ GẤP ĐÔI
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước-phí

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

trong những số tới

Hội nghị Ấn Hồi tại Tachkent

VŨ-BẢO

10 năm tạp chí

TRẦN-THIÊN

Làm báo xưa và nay

LÊ-PHƯƠNG-CHI

Một năm văn học

VŨ-HẠNH

Một cuộc cách mạng trong giáo dục

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Dưới đất có gì hay ?

VŨ-QUANG-YẾN

Sống và viết với Hồ-Hữu-Tường

NGUYỄN-NGU-Í

Lên cao (dịch truyện của Eugène Ionesco)

NGUYỄN-KIM-PHƯƠNG

Khói rừng (Truyện ngắn)

LÊ-TẮT-ĐIỀU

Khoảng trống sau lưng (Truyện ngắn)

VŨ-HỒNG

Mười một mùa xuân (Truyện ngắn)

NGUYỄN-NGUYỄN



CÁO LỖI

Bách-Khoa Thời-Đại số 217 (15-1-66) số đặc biệt 100 năm báo chí V.N., vì phải hoàn thành trong một thời gian ngắn với rất nhiều trở ngại về kỹ thuật, nên việc ấn-loát có những sơ xuất đáng tiếc. Có chữ in lầm sai hẳn nghĩa như trong bài ký giả Thương-Sinh trang 143: "dành cho tôi một sự khoe khoang nghề nghiệp rất đáng là *cầm phạt*" thì in lầm là "rất đáng là *cầm phục*", truyện ngắn "Hoạt cảnh" của nhà văn Võ Phiến » khi lên khuôn thiếu mất hẳn 3 trang.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng các tác giả có bài mà lỗi ấn loát đã sửa không hết và quý vị độc giả của Bách-Khoa Thời-Đại.

Tòa-soạn BK. TĐ.

THẾ GIỚI NĂM VỪA QUA

● VŨ - BẢO

10 nhận xét về năm 1965

Không có công việc nào nhiều tự mạn và phù khoa hơn là việc tổng kết tình hình thế giới trong năm qua bằng một bài báo. Biết như vậy rồi mà năm nào cũng vậy, người phụ trách cũng vẫn có một bài. Không có thi thiếu, chẳng khác gì một thi sĩ chẳng thấy Xuân đầu mà vẫn có vài câu cảm khái hay là một ông đồ xưa nghe pháo hàng xóm nổ là phải dán đôi câu đối lên cột nhà. Bài thư cảm khái không hay, đôi câu đối chưa chỉnh, nhưng ít ra con người cũng nói lên một khát vọng cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

Nhìn ngược trở lại, năm 1965 chưa phải là năm trả lời những khát vọng của con người. Sân khấu thế giới vẫn rối mù và những diễn viên quen thuộc chưa tìm ra vở mới vẫn « cương » những lớp lang rối loạn. Nhưng ít ra năm 1965 cũng nhắc nhở cho thế giới một số kinh nghiệm của 20 năm qua, chấm dứt một số huyền thoại mà có lúc người ta đã muốn nâng lên hàng một chân lý vĩnh cửu, cùng đặt

các nhà lãnh đạo có trách nhiệm trước những sự thực phũ phàng hơn nhưng có tính cách quyết định cho những ngày sắp tới.

1) Trước hết năm 1965 đã là năm của những kỷ niệm súc tích ý nghĩa :

1) Kỷ niệm 20 năm của *Hội nghị Yalta* nhắc nhở cho mọi người kinh nghiệm đau đớn của các lực lượng dân chủ thắng chiến tranh mà đã mất hòa bình, đè bẹp Đức Quốc Xã, chôn vùi đế quốc trắng nhưng lại trao hàng triệu cây số vuông, hàng trăm triệu dân vào vòng tay đế quốc đỏ, gọi là giải phóng Châu Âu mà lại làm xóa nhòa bao nhiêu ranh giới quốc gia khác 2) Kỷ niệm 20 năm của *Hội nghị Postdam* nghĩa là kỷ niệm 20 năm thành phố Bá Linh bị chia đôi, 20 năm Đức-Quốc bị chia đôi, nghĩa là gián tiếp kỷ niệm 16 năm Trung Hoa bị chia đôi, 14 năm Cao Ly bị chia đôi, 11 năm Việt-Nam bị chia đôi. Không biết từng ấy vết thương chưa lành đã đủ làm chùn tay các

nhà giải-phẫu chuyên-môn của bản-đồ thế-giới chưa ?.

3) Kỷ niệm 20 năm ném bom nguyên tử tại Hiroshima và Nagasaki, thời phủ ba trăm ngàn sinh mạng bay vèo qua hai hơi thở chết chóc. Cũng từ ngày đó trái đất quay theo một quỹ đạo khác vì nếu không có bom nguyên tử, bộ mặt thế giới đã không phải như ngày nay rồi. Nhưng đó cũng chưa phải là điều quan trọng. Điều thật quan trọng là nhân loại nhớ dai đến bao giờ và khiếp hãi sự tàn phá nguyên tử đến bao giờ, nhất là vẫn có những kẻ như Mao - Trạch - Đông cho rằng đối với dân số Trung Hoa thì bom nguyên tử cũng chỉ là con cọp giấy.

4) Kỷ niệm một cách phấn khởi hơn 20 năm thành lập Liên Hiệp Quốc, một tổ chức mà Roosevelt đã muốn dựng lên 4,5 trong ngày trong khi theo lời Churchill Đức Chúa Trời đã mất tới 7 ngày mới hoàn thành được vũ trụ của Người. Bước vào năm thứ 20, Tổ chức Liên Hiệp Quốc vừa thoát qua được một cuộc khủng hoảng trầm trọng, và lại tìm được một sinh khí mới vì các quốc gia hội viên qua phiên đại-hội đồng bế tắc năm 1964 mới bắt đầu ý thức được rằng trong hiện trạng chưa có gì thay thế được Liên Hiệp Quốc và sự vắng mặt của Tổ-chức này sẽ để một lỗ hổng ghê gớm cho sinh hoạt chính-trị quốc-tế.

5) Năm 1965 cũng là năm đề tang Churchill, người đại diện cuối cùng của bộ ba đã vẽ lại bản đồ thế giới tại Hội

nghị Yalta. (Roosevelt đã mất ngay sau Hội nghị, và Staline vào đầu năm 1952). Churchill chết đi, đã để lại một công nghiệp lớn lao và những lời suy ngẫm về chính trị rất sâu sắc. Giữa lúc quốc tế rộn rã nói chuyện chiến tranh với hòa bình tưởng cũng nên nhắc lại quan điểm của Churchill về hai vấn đề đó. Chiến tranh theo Churchill chỉ là một phương tiện chính trị dùng vào những mục tiêu chính trị, còn hòa bình cũng phải tranh đấu gay go mới có chẳng khác gì chiến tranh.

6) Nói chung thì năm 1965 là năm kỷ niệm thứ 20 chấm dứt thế chiến thứ hai. So với thế chiến thứ nhất thì thời gian 20 năm này (1945-1965) quả là một tiến bộ rõ rệt.

Thế chiến thứ nhất chấm dứt với hòa ước Versailles ký kết năm 1919. Chỉ 20 năm sau, ngay vào đầu năm 1939 mây đen đã cuộn cuộn kéo đầy trời báo hiệu cơn giông tố sắp đến. Hitler chiếm Bohême và Moravie, ký hiệp ước liên minh với Mussolini, tràn qua Ba Lan và mở màn cho thế chiến thứ hai.

20 năm sau thế chiến thứ hai, tình thế sáng sủa hơn nhiều. Tuy hòa bình vẫn còn khập khiễng, tuy chiến tranh nóng còn xảy ra ở một vài khu vực, nhưng hình ảnh một cuộc chiến tranh thế giới toàn diện mỗi ngày một lùi xa, hay ít ra người ta cũng chưa dám nghĩ cho nó xảy tới. So sánh năm thứ 20 sau 1919 và năm thứ 20 sau 1945, không biết chúng ta có thể

kết luận được rằng nhân loại đã khôn ngoan ra rất nhiều không?

II. Năm 1965 là năm có nhiều bất ngờ.

Nửa năm sau gần như là không có dính liú gì đến nửa năm trước và người ta khó tin rằng đó là hai phần của cùng một năm.

Nếu vào trung tuần tháng 6 năm 1965 mà có một chiêm tinh gia nào sau khi phân tích các ảnh hưởng tương sinh tương khắc của các vì tinh tú rồi tiên đoán với chúng ta như sau :

« Tôi thấy 6 tháng cuối năm còn nhiều lúng củng lắm. Ảnh hưởng của Hỏa tinh sẽ nặng nhất với ba nhà lãnh tụ: Ben Bella, Soekarno và Shastri. Ben Bella bây giờ đang như là người hùng của Phi châu, nhưng chỉ vài ngày nữa sẽ bị hạ ngục và chủ nghĩa xã hội của ông ta không ai nhắc tới nữa. Soekarno hiện đang dựa vào lực lượng đảng Cộng sản Nam Dương PKI, đảng cộng sản lớn nhất châu Á sau Trung Cộng, nhưng chỉ 3 tháng nữa sẽ bị chính đảng này chủ mưu làm một cuộc đảo chính rồi quân đội Nam Dương đứng ra giải tán đảng PKI. Shastri lúc này còn là một tay quân trung lập và bất bạo động, nhưng không đầy ba tháng nữa sẽ bạo động hơn ai trong vụ xung đột với Hồi quốc tại Cachemire...»

Khi đó nghe nhà chiêm tinh tiên đoán tương lai như vậy, chúng ta chắc chắn sẽ cười lớn hay là có ý muốn đập bẻ trán

của thầy cho thầy bớt nói dốt. Nhưng hôm nay năm 1965 đã qua rồi, chúng ta hẳn lại phục thầy sát đất vì chẳng có câu nào thầy nói sai cả.

Thực ra nếu có bất ngờ thì không phải do tính chất của những diễn tiến trên đây. Những phản ứng mà chúng ta vừa chứng kiến tại các nước đó tất nhiên phải đến nhưng không ai dè là đến lạ như vậy.

III. Năm 1965 đã chứng kiến tại nhiều quốc gia một khuynh hướng bảo thủ hay thiên hữu rõ rệt.

Trước hết là ở Phi châu tại Maroc, quốc vương Hassan đệ nhị với sự ủng hộ của các tướng lãnh đã giải tán quốc hội, tuyên bố tình trạng đặc biệt và tập trung hết quyền chính trong tay.

Tại Cộng Hòa Á Rập thống nhất R.A.U Tổng Thống Nasser, sau những khó khăn về kinh tế, đã phải vất vả lắm mới tránh khỏi được sự nổi dậy của các phần tử cực đoan trong quân đội và vẫn phải tỉnh táo trông chừng các hoạt động rất mạnh mẽ của những nhóm Hồi giáo cực hữu.

Tại Yemen các đảng viên Cộng Hòa thiên Nasser nắm đa số tại các thành thị đã phải bó buộc thương thuyết với phe bảo hoàng tại các vùng thôn quê.

Tại Soudan một cuộc nổi dậy của phe tả đã bị các lực lượng Hồi giáo thanh toán trong 2 tháng.

Tại Burundi phe thiên Trung Cộng

đã bị quét sạch trong 2 ngày sau khi Thủ Tướng Pierre Ngendandumwe bị ám sát.

Tại Kenya, Tổng Thống Jomo Kenyatta mặc dầu được Chu-Ấn-Lai ve vãn, nhưng vẫn lớn tiếng tố cáo các âm mưu đế quốc của Trung Cộng tại Phi-Châu.

Tại Cộng-Hòa Trung-Phi, tới đêm giao thừa sắp bước sang năm 1966 rồi mà đại tá Bokassa còn đảo chính và lật hạn cho các ông Tàu Trung Cộng trong 24 tiếng đồng hồ phải dời khỏi Bangui.

Sang đến Âu-Châu thì ngoài việc Salazar, thủ tướng Portugal từ 1932 tới nay vừa được bầu thêm một nhiệm kỳ mới, người ta phải chú ý đến cuộc bầu cử tháng mười tại Thổ Nhĩ Kỳ đã đưa tới sự đắc thắng rõ rệt của một đảng hữu khuynh. Dân quê đã bỏ phiếu chống cải cách ruộng đất, thợ thuyền đã bỏ phiếu chống các nghiệp đoàn thiên tả để đưa ông Demirel thuộc đảng Công Bằng lên cầm quyền.

Các khuynh hướng thiên hữu trên đây có thể giải nghĩa bằng những phản ứng của dân chúng trước những quá độ của các lực lượng khuynh tả, trước thái độ hung hăng của Trung Cộng hay trước chiến dịch gây rối quá lộ liễu của Bắc Kinh tại Phi-Châu.

Nhưng khuynh hướng thiên hữu đặc biệt nhất trong năm, thiên hữu đến chỗ phản động chắc phải là việc 220.000 ông thực dân da trắng ở

Rhodésie đơn phương tuyên bố độc lập với chính quốc Anh để tiếp tục cưỡi đầu cưỡi cổ gần 4 triệu anh "bản xứ" da đen.

IV. Năm 1965 đã chứng minh một cách rõ ràng là thế giới thực sự không có tổ chức thành 2 khối.

Đã từ mấy chục năm nay người ta nhai đi nhai lại một sáo ngữ là thế giới chia thành 2 khối, khối Tây Phương và khối Cộng sản, và tất cả mọi phân tranh trên trái đất này đều có thể phân tích và tóm tắt lại như là một hình thái của sự xung đột căn bản giữa phe thiên cộng và phe chống Cộng. Sự thực không có giản dị như vậy.

Trong năm 1965, với những chủ trương hết sức riêng biệt của De Gaulle không những Tây-Phương đã chẳng có một chánh sách chung nào hết mà Tây-Phương lại còn chia rẽ nhau một cách trầm trọng về hầu hết các vấn đề: chiến lược phòng thủ nguyên tử, thị trường chung Âu Châu chế độ tiền tệ quốc tế, tổ chức Bắc Đại Tây Dương, tổ chức Liên phòng Đông-Nam Á, liên lạc ngoại giao với Trung-Cộng và các nước Cộng sản Đông-Âu, vấn đề Chypre, vấn đề Việt Nam v.v... Có thể nói là cả năm 1965 De Gaulle chỉ nghi cách chống Hoa Kỳ.

Một bằng chứng nữa về tính cách "hoang đường" khi nói đến sự nhất trí của phe Tây-Phương là việc bỏ phiếu cho Trung Cộng gia nhập Liên Hiệp Quốc trong phiên nhóm của Đại hội đồng lần thứ 20. Mọi năm khác một

đa số vững vàng luôn luôn ủng hộ lập trường của Hoa Kỳ từ chối không cho Bắc Kinh gia nhập Liên-Hiệp-Quốc. Nhưng năm 1965 thì số phiếu thuận đã bằng số phiếu chống và anh Tây phương đứng đầu số « phản thùng » vẫn lại là Pháp.

Ngay trong nội tình của mỗi nước trong phe Tây phương cũng có những lung củng sâu đậm. Điển hình nhất là Liên Hiệp Anh trong năm 1965 đã đi từ đồ võ này đến đồ võ khác: nào Tân gia Ba tách rời ra khỏi Đại Mã-Lai, nào Ấn-Độ đánh nhau với Hồi-Quốc, nào biểu tình bãi Anh và hoãn thi hành hiến pháp tại Aden, nào chính phủ da trắng của ông Smith tại Rhodésie tuyên bố độc lập.

Làm sao mà gọi đó được là « khối Tây phương » nữa khi quyền lợi của mỗi thành phần đã loạn phân ra nhiều hướng ?

Trở về « khối Cộng sản » thì sự tương tranh giữa Nga Sô và Trung Cộng qua 1965 đã bước hẳn vào giai đoạn « bất phục phản ». Không còn là 2 nước anh em lớn tiếng cãi nhau về chủ trương đường lối xã hội, mà là sự ly-dị hoàn giữa những người tự coi là « Mác Lê truyền thống » và bọn « xét lại chủ nghĩa », sự bao vây của « thôn quê » Trung Cộng đến khi nào « thành thị » Nga Sô bị ngộp thở, sự tranh dành ảnh hưởng tại châu Á, châu Phi, và châu Mỹ La-Tinh, đứ dội tới mức một mất một còn. Trong danh sách những kẻ

thù của giai cấp vô sản, Bắc-Kinh đã thực sự xếp Nga-Sô vào cùng hạng với Hoa-Kỳ và người ta có thể nói trước không sợ sai lầm nhiều là trong lịch sử sẽ không có một cuộc xung đột chủng tộc nào kinh khủng hơn là sự đụng độ Nga-Hoa trong những ngày sắp tới. Thứ nhất là gần đây Nga Sô lại cho thế giới biết một cách không mơ hồ Nga Sô thuộc về Châu Á và những chuyện của Á-châu không thể nào chỉ nói với Trung Cộng mà qua mặt Nga-Sô được. Cho nên người ta đã thấy Mạc-Tur-Khoa phái Chelepine sang Hanoi, và Kossyguine triệu tập tại Tachkent một hội nghị thượng đỉnh Hồi-Ấn cho ông Shastri và Tổng Thống Ayub Khan gặp nhau, để Nga Sô đứng ra lần đầu tiên hòa giải 2 nước Á-châu không thuộc phe xã hội. Chắc chắn là Bắc Kinh sẽ không tha thứ cho Nga Sô cái tội đi săn ở những nơi cấm địa đó và đi mũi vào những chuyện Á châu mà Trung Cộng tự cho là mình phải có vai trò quyết định.

V. Thế-giới đã không còn phân đôi giữa hai khối thì các vụ tương tranh trên thế giới cũng không thể cứ mãi mãi được giải thích như là kết quả tất nhiên của sự xung đột giữa hai phe Cộng-Sản và Tây-Phương.

Lối giải thích thô sơ này đã bao nhiêu năm nay được coi như là chìa khóa của tất cả các vụ rắc rối quốc tế. Thực ra nó quá thô sơ để có thể trở nên một lối giải thích đúng mực. Nó quá đơn giản hóa các vấn đề nên đã đưa tới nhiều lỗi lầm về chiến lược cũng như về chiến thuật. Vì nhiều cuộc xung đột hiện nay trên thế giới đã bắt nguồn từ những

tương tranh xa xắm, từ những thù hận lâu đời, xảy ra từ những thời gian mà danh từ «Cộng sản» chưa xuất hiện trong ngôn ngữ loài người: Thí dụ như những vụ tranh chấp giữa người Do Thái và người Á Rập, người Hi-Lạp và người Thổ nhĩ kỳ, giữa Hồi giáo và Ấn độ giáo

Đã đành rằng sau này Cộng sản có khai thác những mâu thuẫn đó nhưng nếu vì thế mà bảo rằng Cộng sản là nguyên nhân của những vụ rắc rối kia thì thực là sai lầm về tính chất của vấn đề.

Cũng vì thế mà gần đây, nhất là trong năm 1965, chúng ta đã thấy một số nước những lớp thanh niên mới lớn lên, bước vào cuộc đời với đôi mắt mới mẻ, không thành kiến, đã không chịu chấp nhận những sáo ngữ của các thế hệ trước, muốn tự mình tìm hiểu những vấn đề hiện đại đang làm các đàn anh bối rối, những vấn đề chóng hay chầy cũng tới những lớp thanh niên đó giải quyết. Những hoạt động của họ đã khiến cho đời sống chính trị trong nước thêm một sinh lực mới. Điển hình nhất trong các hoạt động này là các buổi «teach in» tại các trường đại học Hoa Kỳ. Gần 200 trường đại học trong năm qua đã tổ chức những buổi tranh luận công khai về các vấn đề quốc tế và chính sách của chánh phủ nhất là tại Dominique và Việt nam.

Các lớp sinh viên đó đã chẳng thêm biết đến các giáo điều của Staline hay chiến dịch tố cộng của Mac Carthy trước đây. Họ bước vào chính trị, không mặc cảm, không e sợ, tâm hồn thư thái như

bước vào một trận dã cầu. Điều đáng kể là họ nắm trong tay rất nhiều lá phiếu và trong một nước dân chủ là phiếu là một cái gì đáng kiêng nể như kinh nghiệm chua chát mà De Gaulle vừa biết rõ khi phải đầu phiếu lần thứ hai. Tổng Thống Johnson không thể nào không lo chiếm lấy sự ủng hộ của các lớp thanh niên đó nếu muốn ngay từ bây giờ chuẩn bị cho cuộc tranh cử năm 1965.

Nhưng một mặt khác, trước những phong trào bùng nổ như vậy, cộng sản đâu có chịu ngồi yên và trong hàng ngũ của những bọn người cầm đầu các cuộc biểu tình da đen, trong hàng ngũ bọn «Vietnik» (những người phản đối chính sách Hoa Kỳ ở Việt-Nam) hay những lãnh tụ nghiệp đoàn khởi xướng các vụ đình công, không làm sao tránh khỏi có những kẻ vô tình hay hữu ý làm tay sai cho Bắc Kinh hay Mạc Tư Khoa. Hiện nay dư luận thế giới chưa mấy chú ý tới các họ tên như William Epton, chủ tịch Phong trào Lao-Động cấp tiến ở Harlem, Nữ-Ước, hay tên của các trí thức «không tưởng» mác xít như tiến sĩ Herbert Aptheker hay giáo sư Stanghton Lynd nhưng chắc chắn trong những ngày sắp tới họ còn cho dư luận nhắc nhở đến họ nhiều.

VI Năm 1965 đã đánh dấu sự đắc thắng hoàn toàn của những chế độ tự do kinh doanh trong cuộc chạy đua với những chế độ kinh tế chỉ huy.

Kinh nghiệm mấy chục năm qua đã

không cho chúng ta một thí dụ nào về sự thành công của kế hoạch nhà nước phát triển kinh tế kiểu Nga Xô.

Trong khi tại Hoa Kỳ lợi tức quốc gia trong thời gian 20 năm từ 1945 tới 1965 đã từ mức 200 tỷ mỹ kim lên tới 670 tỷ mỹ kim, thì tại Nga Xô, qua một nửa thế kỷ cách-mạng vô-sản, lợi tức quốc gia mới đạt được khoảng một nửa tổng số của Hoa-Kỳ. Theo những ước tính của các kinh-tế-gia thì năm 1966, lợi tức quốc gia của Hoa-Kỳ sẽ còn lên tới 720 tỷ mỹ kim nghĩa là trên một trăm ngàn tỷ bạc VN (viết ra thành số sẽ là con số 1 đằng sau có 14 số không). Sự chênh-lệch giữa hai hệ-thống kinh-tế sẽ lại càng rõ rệt hơn nữa.

Cho nên người ta đã hiểu tại sao Kosyguine, trong một bài diễn văn dài 15 000 chữ đọc trước Trung-Ương Cộng-Sản tại Mạc-Tư-Khoa vào cuối tháng 9 năm 1965 đã vạch những hướng hoàn toàn mới cho nền kinh-tế Nga-Sô theo đúng thuyết « táo bạo » của giáo sư Evsei Liberman. Những hướng này có thể tóm tắt trong 2 điểm :

1) Ưu tiên cho các kỹ nghệ sản xuất đồ tiêu thụ, chủ trương của thời Staline dành ưu tiên cho kỹ nghệ nặng nay đã thuộc hẳn về dĩ vãng.

2) Đem mức lời vào xí nghiệp. Một xí nghiệp quản trị tốt từ nay sẽ là một xí nghiệp có nhiều lời. Tiền lời có thể tái đầu tư, tăng lương cho nhân viên, trả tiền thưởng chi tiêu vào các công-cuộc xã-hội cho nhân công.

Khuynh hướng cởi mở về kinh tế đó không phải chỉ xuất hiện tại Nga Xô. Tại Tiệp-Khắc, Đông-Đức và các nước Cộng sản Đông-Âu khác, người ta cũng nhận thấy một khuynh hướng tương tự với những mức độ nhiều, ít khác nhau mà thôi. Đó gần như là sự mặc nhiên thú nhận kinh tế chỉ huy, kinh tế nhà nước đã thất bại rõ rệt. Và nhà bình luận Raymond Aron đã nhận xét đúng khi viết rằng « Tại các nước mở mang, chế-độ tự-do đã thắng cuộc chiến-tranh lạnh ».

Có một điều đáng chú ý là khi đưa ra những cải-cách mới, Liberman và các kinh-tế-gia tại các nước cộng-sản chỉ coi đó là một cách áp-dụng mới của học thuyết Mác Lê, chứ tuyệt nhiên họ không dám đặt lại giá trị các giáo-điều cộng-sản. Nói một cách khác thì mặc dầu trên thực tế họ có đi tới những kết luận như phe tư bản, nhưng họ đã rút những kết luận đó ra từ học thuyết Mác-Lê và giá trị của học thuyết này theo họ vẫn nguyên vẹn.

Có một điều họ không ngờ tới là chính những kết luận thực tế đó sẽ đội ngược trở lại lý-thuyết và làm lung lay căn bản của những giáo điều mà họ vẫn còn lấy làm hãnh diện. Bao giờ căn bản lý-thuyết đó sẽ lung lay, chúng ta chưa biết, - và chắc sẽ còn lâu-, nhưng chúng ta có thể nói được rằng nó bắt đầu lung lay năm 1965 khi Nga Xô phải chấp nhận các khuyến cáo của Liberman về chế-độ kinh tế.

**VII.— Trong năm 1965, SỰ
‘đoàn kết Á Phi’ chỉ còn là kỷ niệm
của một giấc mơ không thành.**

Người ta còn nhớ mới 10 năm trước đây, tại Bandoung Nam Dương đại biểu nước Á Phi đã họp nhau trong một niềm hân hoan khó tả. Họ chợt bừng tỉnh ra rằng họ có sức mạnh của số đông và tuổi trẻ, họ cùng chiến đấu chống một kẻ thù chung là thực dân da trắng, họ cùng một ý chí muốn tiến mau, tiến mạnh. Nếu họ kết hợp được với nhau thành một khối thì còn biên nào không lấp cận được, núi nào không bằng ngang? Và các áo djellabas sặc sỡ của các đại biểu Bắc Phi đã xoắn xít lấy các burnous thùng thình của các đại biểu Á Rập trong khi các saris mềm mại của Ấn độ dập dlu với các sarong óng ả của Mã Lai hay với các áo x nh bốn túi của Trung Cộng nhưng qua 10 năm, họ đã cho thế giới thấy là họ chỉ đủ sức đoàn kết với nhau để chửi rủa trên cái xác chết của thực dân họ không đủ sức đoàn kết với nhau để xây dựng trên một chương trình hoạt động cụ thể. ‘Tinh thần Bandoung’ nhóm lên ở Hội nghị Á Phi kỳ thứ nhất đã tắt ngóm ở Hội nghị Á Phi kỳ thứ hai họp tại Alger trước hết là việc đại tá Boumedienne lật đổ Ben Bella vài ngày trước khi Hội nghị nhóm họp đã làm cho bao nhiêu công trình sửa soạn tiêu tan, Hội nghị được dời đến tháng một năm 1965 nhưng sự tranh chấp Nga Hoa lại làm

cho cuộc gặp gỡ Alger đi hẳn vào trong ngõ cụt,

Người ta đã cố vớt vát bằng cách triệu tập một hội nghị khác tại La Havane, ở Cuba vào tháng giêng năm 1966, lần này mở rộng ra cho cả các đại diện châu Mỹ La-tinh. Hội nghị này mang cái tên rất kêu là ‘Hội nghị tam châu’ (conférence des 3 continents). Nhưng không mấy ai tin rằng Hội nghị sau này sẽ có kết quả vì ở Alger thì Trung Cộng nghĩ cách đá bật Nga đi còn ở La Havane thì đến lượt Nga sẽ nghĩ cách trả đũa Trung-Cộng. Với hai cái ông hội viên kèn càng đang tỉnh ăn thua đủ với nhau thì Á-Phi riêng biệt cũng chết, mà Á-Phi có thêm Nam Mỹ cũng chẳng thọ được nào,

Chỉ bao giờ các quốc gia của 3 lục địa ý thức được rằng họ cần phải gạt ra một bên các vấn đề chính trị đang chia rẽ nhau, mà chỉ tập trung nỗ lực vào các vấn đề mở mang kinh tế là mới lo âu chung thì họa may ra các cuộc thảo luận mới có thể có một nội dung thành tựu được

VIII Cho tới năm 1965 chúng ta phải buồn rầu mà nhận thấy rằng trong tất cả các nước thoát khỏi ách thực dân vào thời hậu chiến và thâu hồi được độc lập, chưa có một nước nào có thể kể ra làm một thí dụ rõ rệt về sự thành công trong việc phát triển.

Ngay sau lúc thế chiến thứ hai chấm dứt, nhìn thấy các đế quốc của người da trắng sụp đổ một cách

giây chuyển, chúng ta không khỏi nghi rằng các chính quốc từ nay mất các nguồn lợi của thuộc địa, chắc sẽ phải suy sụp một cách mau chóng và các cựu thuộc địa vừa thoát ra khỏi những ách trói buộc chắc sẽ phát triển một cách mạnh mẽ.

20 năm sau thế chiến, chúng ta đã chứng kiến một thực trạng khác. Các cựu đế quốc như Hòa-Lan, Pháp, Anh, khi phải tự thu rút lại chỉ còn có lãnh thổ của chính quốc, lại đi tới mức phát triển cao nhất trong 20 năm nay. Ngay Anh-Quốc là nước tương đối có nhiều khó khăn về kinh tế và tài chính cũng đạt tới mức phát triển cao hơn mức của Anh trong thế kỷ 19 là thế kỷ mà Anh có nhiều thuộc địa nhất. Chúng ta thử tưởng tượng Hòa-Lan mà vẫn giữ Nam-Dương, Pháp vẫn còn ôm Đông Dương với Algérie, Anh vẫn còn tự hào là mặt trời không bao giờ lặn trên đế- quốc của mình thì không hiểu ngày nay họ sẽ ra sao? Vì có thuộc địa trong thế-kỷ này là một gánh nặng, là phải lo chuyện mở mang, nghĩa là phải đầu tư những số ghê gớm về nhân lực, vật lực và tài lực. Thành ra chính thực dân phải cảm ơn thuộc địa đã tranh đấu đòi độc lập giúp cho họ thoát khỏi gánh nặng đó.

Trở lại các thuộc địa cũ, chúng ta phải tự hỏi do đâu mà thoát ách thực dân rồi, họ vẫn chưa phát triển như mong muốn? Lý do thì nhiều, khách quan có, chủ quan có. Phạm vi bài này không

cho phép đi sâu vào việc phân tích nhưng nếu các nước đó thành thực với chính mình thì họ phải nhận rằng họ đã không đặt việc mở mang kinh tế vào ưu tiên số một. Các nước mới độc lập lo ăn ở cho ra cách độc lập mà ít lo làm ăn cho được độc lập. Họ quên rằng ngay các nước mở mang cũng đã qua hàng thế kỷ cố gắng nhọc nhằn, hy sinh cả những nhu cầu cần thiết nhất để mà phát triển kinh tế. Trong khi đó tại các nước mới độc lập thì ngay cả những nhu cầu không cần thiết cũng được thỏa mãn một cách rộng rãi. Tiêu thì nhiều, làm không ra, kinh tế nào lành mạnh cho được?

Trong những năm sắp tới thế giới sẽ đi tới tình trạng là các nước đã mở mang lại càng có điều kiện mở mang thêm, các nước kém phát triển lại càng gặp nhiều khó khăn để mà phát triển. Cái hố chia cách sẽ càng sâu hơn và thế giới không chia ra làm 2 khối tự do và Cộng sản sẽ lại chia ra làm 2 loại giàu nghèo: tự do cũng sẽ có tự do no và tự do đói, cộng sản cũng sẽ có cộng sản béo và cộng sản gầy. Cuộc đối thoại giữa hai loại đó sẽ định đoạt thế quân bình cho thế giới ngày mai.

IX. Trong năm 1965, tại « thế giới thứ ba », thế giới kém mở mang mới thâu hồi độc lập, danh sách các nước do quân nhân nắm chính quyền càng thêm mãi.

Hình như không có cách giải quyết

nào tốt hơn nữa. Tại các nước này người ta đã thấy rằng chế độ thực dân cũ đã để lại những ảnh hưởng tai hại lâu dài. Người ta thường chỉ trách thực dân cũ là bóc lột các tài nguyên của thuộc địa, nhưng một trong những tội lớn của thực dân là không chuẩn bị cho thuộc địa trưởng thành. Cho nên đến khi độc lập rồi, các cựu thuộc địa vẫn chưa có thể chế dân chủ, chưa có chính đảng chưa có tập quán sinh hoạt chính trị. Các tay phù thủy tập sự mùa may tranh dành quyền bính, kinh tế thì suy đồi, trong khi đó lại không có cả những tên thực dân cũ để mà dùng chúng làm « sinh vật tế thần » trút đổ các tội lỗi lên trên đầu chúng. Do đó mà mối tương quan giữa chính quyền và dân chúng càng ngày càng đi tới chỗ bất ổn, ấy là chưa kể tại một số lớn các nước mới độc lập, một tên thực dân mới đã lộ mặt, khai thác các mâu thuẫn để dành dứt chính quyền cho đế quốc đó. Giữa một tình thế như vậy, quân đội là lực lượng duy nhất ổn định, nên tại nhiều nước người ta không lấy làm lạ khi thấy sau những thí nghiệm chính quyền dân sự ít nhiều khủng hoảng, quân đội « đã phải đứng ra lãnh trách nhiệm lịch sử ». Trước đây trong thế giới thứ ba, danh sách các nước do quân nhân nắm chính quyền cũng đã khá dài: Cao Ly, Miến Điện, Việt Nam tại Á châu, Ai Cập tại Phi Châu, Guatemala, Honduras, Bolivie, Equateur ở Nam Mỹ là những nước hay được nhắc đến nhiều nhất. Nhưng năm 1965 thì kỷ lục hẳn phải về Phi Châu.

Vừa mới cuối tháng 6, đại tá Boumedienne lật đổ Ben Bella tại Algérie, chỉ trong vòng có 40 ngày cuối năm đã có tới 4 chính phủ dân sự khác ở Phi Châu được quân đội cầm ơn:

— Tại Congo (Leopoldville), tướng Mobutu lên cầm quyền.

— Tại Dahomey là tướng Soglo.

— Tại Cộng Hòa Trung Phi là đại tá Bokassa và gần đây tại Haute Volta trung tá Sangoule cũng lại vừa làm cuộc đảo chánh lấy lại quyền bính trong tay chính phủ dân sự.

Đáng chú ý trong tất cả vụ này là các nước nói trên mới độc lập trong vài năm gần đây, Algérie độc lập được hơn 3 năm và 4 nước kia đều mới lấy lại chủ quyền từ 1960.

X. — Trong năm 1965 đã xuất hiện một lực lượng ngoại giao mới: Đức Giáo-Hoàng.

Người ta còn nhớ năm 1964, đức Giáo Hoàng đã có hai chuyến đi, đầu năm đi Jerusalem và cuối năm đi, đi Bombay. Nhưng cả hai chuyến đó đều chỉ có tính cách tôn giáo, về Jerusalem là để trở về nguồn thống nhất của Thiên chúa giáo, tới Bombay là để tỏ thiện chí đoàn kết với các tôn giáo khác và nhắc nhở cho thế giới vấn đề then chốt của thế kỷ là vấn đề các nước nghèo. Chuyến đi năm 1965 lại có một tính cách khác: Đức giáo Hoàng đã sang Nữu Ước và kêu gọi hòa bình tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc.

Người ta có thể coi đó là một hành động chính trị. Vì tổ chức Liên Hiệp Quốc là một tổ chức chính trị và Đức Giáo Hoàng đã cất tiếng nói của mình giữa những cuộc thảo luận ồn ào thế tục, và đã mang uy tín của mình đề ủng hộ mục đích và chương trình hoạt động của Liên Hiệp Quốc.

Nhưng thực ra Đức Giáo Hoàng đã tránh đề cập đến những "trường hợp cụ thể" đang chia rẽ thế giới, mà chỉ kêu gọi trên các nguyên tắc chung có thể kết hợp được tất cả những người có thiện chí.

Dấu sao thì cử chỉ của Đức Giáo Hoàng cũng là một vận động ngoại giao độc đáo của năm 1965. Ở một bán thế kỷ mà võ lực, dù là nguyên tử, cũng không giải quyết được gì, vị nguyên thủ của quốc gia Vatican, một quốc gia không có sự đoàn nào hết theo như Staline đã nhận xét, một quốc gia không được kể trong thành phần Liên Hiệp Quốc, vị nguyên thủ đó đã mượn diễn đàn của Tổ chức này đề nhắc nhở các vị lãnh đạo các quốc gia khác chỉ nên dùng đường lối ngoại giao để giải quyết các tương tranh. Và về phương diện này, Giáo Hội dưới sự dúi dắt của Đức Giáo Hoàng Phao lô đệ lục đã là Giáo Hội của đối thoại. Đối thoại trong công đồng Vatican, với những người cùng tôn giáo, đối thoại với Chính thống giáo cùng một nguồn gốc mà phân cách đã gần 1000 năm, đối thoại với các tôn giáo khác, đối thoại với những người không tôn giáo, đối thoại ngay cả với

những chính thể thù nghịch với tôn giáo. Và những thông điệp mà Đức Giáo Hoàng gần đây gửi cho Nga Xô, Trung Cộng và Bắc Việt đã chứng tỏ rằng Giáo Hội cảm thấy mình chỉ làm tròn sứ mệnh tôn giáo của mình nếu dám lãnh trách nhiệm trước một vấn đề căn bản cho sự sống còn của nhân loại như vấn đề Hòa Bình.

oOo

Trên đây là những nhận xét tổng quát về năm 1965 đã qua. Một câu hỏi tự nhiên lớn vồn trong đầu óc mọi người là năm 1966 vừa tới sẽ mang lại những gì ?

Trên các hè phố Tokyo, người ta thấy bày bán các cuốn lịch có đoán vận niên trong đó các thầy quý cốt Nhật Bản tiên đoán rằng năm 1966 sẽ là « năm của ổn định và an toàn ». Chúng ta không có tài tiên tri nhưng nhìn vào năm 1965 chúng ta cũng tạm thấy bóng dáng của năm 1966 vì trong nhiều vấn đề quốc tế, các diễn biến của năm mới sẽ chỉ là nối tiếp các khuynh hướng đã thành hình trong năm cũ. Nhưng nếu có ai bảo chúng ta nói rõ hơn về những sự việc sẽ xảy ra thì chúng ta dè dặt. Vì trong đời sống quốc tế cũng như trong đời sống mỗi người, đều có những bất ngờ. Đó là mối băn khoăn và đó cũng là nguồn thú vị cho cuộc sống. Thành ra chỉ có một cách nói chắc chắn là chờ cho hết năm 1966 rồi lại tổng kết tình hình trong một bài : « Thế giới năm qua »

VŨ BẢO

U
i
e
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
o
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
PHẦN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHÚT THỂ-GIỚI

của
ĐƯƠNG BAY *Haasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG - 800 CÂY SỐNG NGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI. MÁT-MÈ - ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN. ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
116, NGUYỄN-HUY, SAIGON. 21.624-625-649

Câu chuyện AN DƯƠNG VƯƠNG
MỊ CHÂU - TRỌNG THỦY

bi-kịch một thời hay vấn đề muôn thuở

● LÊ - VĂN - HẢO

Truyền thuyết An dương vương, với các hình tượng Loa thành, Rùa vàng nở thần, ngọc trai-nước nước giếng, là một truyện cổ rất quen thuộc trong tâm trí chúng ta.

Khác với thần thoại, loại truyện cổ về thần, mang yếu tố hoang đường kì diệu và xuất hiện vào thời kỳ khuyết sử, truyền thuyết là loại truyện cổ về những con người hùng vĩ trong đó yếu tố tưởng tượng và kì dệu gắn liền với sự thực lịch sử: khuynh hướng căn bản của truyền thuyết là thần thánh hóa những anh hùng lực sĩ xuất hiện vào cuối thời kỳ khuyết sử và đầu thời kỳ lịch sử, còn khuynh hướng của thần thoại là thần thánh hóa những hiện tượng thiên nhiên.

Đến sau Lạc Long quân, sau các vua Hùng và vua trời Phù đổng, An dương vương là nhân vật Lạc Việt đầu tiên đã rời khỏi miền mịt mờ của lịch sử hoang

đường để bước hẳn vào vùng ánh sáng của những trang lịch sử anh hùng ca mà dân tộc ta đã viết từ hai ngàn năm lẻ. Hơn thế nữa, câu chuyện của An dương vương, trong quá trình diễn biến từ cơ sở lịch sử đến hình thức truyền thuyết, đã thu thập dần dần nhiều tình tiết li kì mà ý nghĩa vượt hẳn khuôn khổ hạn hẹp của một biển cổ địa phương và nhất thời để trở thành những bài học chính trị và tâm lý: thành công và thất bại của An dương vương cũng như thiên bi tình sử Mị châu. Trọng thủy có những duyên do sâu xa của nó, những duyên do khách quan và chủ quan không hoàn toàn xa lạ với con người của thời đại chúng ta, là con người đang đụng độ với những vấn đề rất mới và rất cũ: chiến tranh, tình yêu trong thời loạn, ý thức chính trị và ý chí nhập cuộc.

Truyện thuyết An dương vương đã nêu ra những vấn đề đó và đồng thời cũng đã cung cấp một số giải đáp: đề cao cảnh giác chống chiến tranh xâm lược nói riêng hay lên án chiến tranh nói chung? Ngợi ca tình yêu chung thủy hay phê phán một thái độ tình cảm vô hiệu, một quan niệm yêu đương hư ảo? Phát dương một bài học dựng nước và giữ nước? Truyện thuyết An dương vương đã minh chứng tấn bi kịch một thời hay bao hàm một số vấn đề nan giải của con

người muôn thuở?

Đi từ khía cạnh đơn giản nhất đến hình thái phức tạp nhất, chúng ta hãy dựng cơ sở nghiên cứu trên 3 điểm:

1- Xác minh các tài liệu sử học và văn học có dính dáng đến truyền thuyết;

2- Qui định một cốt truyện thống nhất cho truyền thuyết;

3- Tìm hiểu ý nghĩa căn bản, bài học sâu xa của truyền thuyết.

I. TÀI-LIÊU SỬ-HỌC VÀ VĂN-HỌC VỀ TRUYỆN THUYẾT AN-DƯƠNG-VƯƠNG

a) Truyện thuyết An dương vương qua sự chứng thực của một số tài liệu khảo cổ học và dân tộc học.

Vết tích thành Cổ-loa do An dương vương xây nên nay còn ở làng Cổ-loa (Vinh phúc). Truyện nổ thần, phản ánh tài năng của người Lạc Việt trong việc chế tạo và sử dụng cung nổ. Thủy kinh chú có ghi lại lời tâu của Mã Viện gửi Hán Quang vũ đế (25-57 sau C.N.): «... thần đem hơn vạn người Lạc Việt, quân quen chiến đấu, có hơn hai nghìn người, cung khỏe tên sắc bắn một lần mấy phát tên bắn ra như mưa trúng ai nấy chết» (1)

Việt kiều thư cũng có chép: « Đông man xưa ở nước Nam Việt về thời Tần

rất mạnh, về phép dùng nổ thì lại càng giỏi lắm, mỗi phát tên bằng đồng xuyên qua hơn chục người » (1)

Cách đây mấy năm (1959) người ta đã phát hiện được một kho mũi tên đồng cách chân thành Cổ loa 300 m, đếm được khoảng 1 vạn mũi; tên đồng cũng được phát hiện ở nhiều nơi khác (Thanh hóa, Thái bình). (2)

Nhân dân làng Cổ loa nay còn kể rằng sau khi hoàn thành nổ thần, An dương vương bắn thử 4 phát tên đi rất xa, phát thứ tư tới làng Kim-nỗ cách Cổ-loa chừng 15 km. Rõ ràng truyền thuyết địa phương ca ngợi tài bắn cung

(1) Thủy Kinh chú, quyển 37, dẫn trong Trần quốc Vương. Bàn thêm về Truyện thuyết Mị Châu-Trọng Thủy (Xét về phương diện dân tộc học), tạp chí Văn học số 1/1965, tr. 101.

(1) Việt kiều thư, dẫn trong Trần quốc Vương, bài đã dẫn, tr. 101

(2) Những vết tích đầu tiên của thời đại đồ đồng thau ở Việt-Nam, (nhiều tác giả), 1963, tr. 175.

nỏ của dân Lạc Việt (3).

Cái tên Mị-Châu trong truyền thuyết cũng có ý nghĩa sử học và dân tộc học: Mị đây không phải là tên đệm mà cũng không có nghĩa là thủy mị đáng yêu; nó gần với tiếng me, mẹ, mệ, mễ (là những danh từ Việt-Mường) và là tên chung chỉ đàn bà như mấy chữ cô, nàng, ả ngày nay. Châu là tên riêng và có nghĩa là ngọc. Đất nước ta khi xưa nổi tiếng là có nhiều châu ngọc, một số nhân dân chuyên làm nghề khai thác ngọc; đất Hợp phố thuộc Giao chỉ có chợ ngọc và thời Bắc thuộc dân ta phải cống ngọc cho nhà Hán, nhà Đường.v.v Hậu Hán Thư chép: « Xưa đất Giao chỉ có nhiều sản vật quý, ngọc minh cơ, lông trả, sừng tê, ngà voi, đồi mồi, hương xạ gỗ đẹp không gì không có » (4). Sách *Thuật di ký* (thế kỷ thứ VI) lại chép rõ: « Tục người (Lạc) Việt cho ngọc châu là quý nhất vì vậy khi sinh con gái người ta thường đặt tên là nàng Châu, sinh con trai thì đặt tên là cậu Châu » (5).

Do đó ta thấy việc An dương vương đặt tên cho con gái yêu của mình là Châu, nàng Châu, phản ánh một tục cổ của người Lạc Việt.

(3) Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam (nhiều tác giả) 1960, tr. 25 chú thích 2

(4) Hậu Hán thư, quyển 61, dẫn trong Trần quốc Vương bđd., tr. 100

(5) Thuật di ký quyển thượng g tờ 3 b dẫn trong Trần quốc Vương, nt.

Truyền thuyết lại có nói rằng Mị Châu có chiếc áo lông ngỗng và hẹn với Trọng Thủy là sẽ rắc lông làm dấu để tìm lại nhau. Các sách *Linh biểu lục di*, *Bắc hộ lục* (đời Đường) và *Linh ngoại đại đáp* (đời Tống) đều có chép về tục người Lạc Việt may chăn áo bằng lông ngan, ngỗng: « Người Man mùa đông lấy lông ngỗng và bông, mùa hè lấy tơ chuối, tre, gai, đay để may làm áo » (6). Như vậy hình tượng Mị Châu khoác áo lông ngỗng đã bắt nguồn từ hiện thực, và cho đến nay nhân dân vùng Cồ loa vẫn kiêng giết ngan ngỗng trong dịp hội đền Mị Châu vào tháng giêng.

b) Truyền thuyết An Dương Vương qua một số sử liệu Trung Hoa.

Những biến cố lịch sử về An Dương Vương đã xảy ra vào khoảng cuối thế kỷ III trước C.N. nhưng mãi đến đời Tấn (thế kỷ II - IV) nghĩa là khoảng 400 năm sau An dương vương mới thấy sách *Giao châu ngoại vực ký*, lần đầu tiên, ghi chép về vấn đề này:

« Ngày xưa, khi Giao chỉ chưa thành quận huyện, đất đai có Lạc điền. Nhân dân theo nước thủy triều lên xuống khai khẩn làm ăn trên ruộng ấy, vì vậy gọi là Lạc dân. Có Lạc vương, Lạc hầu làm chủ các quận huyện (...) Về sau con

(6) *Linh ngoại đại đáp*, quyển 10. mục Man tục, dẫn trong Trần Quốc Vương, bđd. tr. 101.

vua nước Thục đem ba vạn quân đến đánh Lạc vương Lạc hầu, chinh phục các Lạc tướng rồi xưng là An dương vương. Sau đó vua nước Nam Việt là Triệu Đà đem quân đến đánh. An dương vương nhờ có thần Cao thông xuống giúp, chế cho một chiếc nỏ thần. Vua Nam Việt biết không đánh nổi (...) sai thái tử tên là Thủy đến hàng xin làm bề tôi An dương vương (...)

Con gái An dương vương là Mị Châu thấy Thủy xinh trai, qua lại cùng chàng. Thủy hỏi Châu bảo lấy nỏ của vua cha cho xem. Thủy lén lấy cưa cưa nỏ, xong trốn về báo với vua Nam Việt. Vua kéo quân đến đánh. An dương vương đem nỏ ra bắn. nỏ gãy, liền thua. An dương vương xuống thuyền, thẳng dong ra bể (...) Vua Nam Việt chinh phục ngay được các Lạc tướng» (1)

Sách *Nam Việt chí* (sáng tác vào khoảng rước thế kỷ VI chép có hơi khác: «(...) An dương vương có nỏ thần, bắn mỗi phát giết vạn người. Triệu Đà giảng hòa với An dương vương rồi cho con trai là Thủy sang làm con tin. An dương vương gả Mị Châu cho Thủy. Thủy tìm được nỏ, phá hủy đi. Quân Nam Việt kéo đến An dương vương, chiếm đất đai.» (2)

Ta thấy câu chuyện An dương vương kết thúc ngay sau khi An dương vương mất nước. Trong sử liệu Trung Hoa, câu chuyện chưa được truyền thuyết hóa, với những chi tiết lí kì đẹp đẽ như chi tiết ngọc trai nước giếng sẽ thấy về sau.

c) Truyền thuyết An dương vương qua sử liệu Việt Nam.

Hai bộ sử cũ nhất của ta sau *Đại Việt Sử ký* của Lê văn Hưu (sách này đã mất) là *An Nam chí lược* và *Việt sử lược*, khi chép về An dương vương, đã ghi thêm một vài tình tiết ý nghĩa. *Việt sử lược* chép:

« (...) (Triệu Đà) cho con trai là Thủy sang làm con tin (...) Con gái An dương vương tư thông với Thủy. Thủy dỗ Mị Châu lấy nỏ thần ra xem nhân đó làm hỏng bộ phận máy nỏ xong cho người về báo (...) Khi quân của Triệu Đà đến, An dương vương đem nỏ thần ra bắn như xưa. Không dè nỏ gãy, quân lính tan rã. An dương vương ngậm sừng tê liệt vào nước, nước rẽ đường cho vua đi; đất đai thuộc về Triệu (3).

An Nam chí lược bắt đầu câu chuyện An dương vương bằng một tình tiết thật quan trọng:

«Thành (Nam) Việt vương tục gọi là thành Khả-lũ có ao cồ. Người trong nước hằng năm mò ngọc trai về, đem rửa ở nước ao này, màu sắc ngọc trai càng tươi đẹp».

(1) *Giao châu ngoại vực ký*, dẫn theo *Thủy kinh chú* quyển 37; dẫn trong Trần Nghĩa, *Truyền thuyết Mị Châu - Trọng Thủy phát triển qua các thời đại*; *Nghiên cứu Văn học* số 4/1962; tr. 32.

(2) Dẫn trong Trần Nghĩa, bài đã dẫn, nt.

(3) nt. tr. 34.

Nhưng phong tục này vẫn chưa liên quan gì đến truyền thuyết mà *An Nam chí lược* ghi lại, theo *Giao chỉ thành ký*, như sau:

« (...) Con gái An dương vương là Mị Châu phải lòng thái tử Thủy, hai đảng đi lại với nhau. Mị Châu lấy nõ cho Thủy xem, Thủy ngắm ngắm đánh đổi máy nõ. Triệu Đà đem quân đến đánh, An dương vương thua, cầm sừng tê rã nước ra bề. Triệu Đà chiếm đất đai. Nay tại huyện Bình đạo di tích cung thành An dương vương vẫn hầy còn (1).

Vậy cho đến *An Nam chí lược* đầu thế kỷ XIII. truyền thuyết An dương vương vẫn chưa có tình tiết ngọc trai nước giếng, mặc dầu đã có — và có lẽ từ lâu — phong tục lấy nước ao cõ ở thành khả lữ để rửa ngọc trai.

d) Truyền thuyết An dương vương theo Lĩnh Nam chích quái:

Phải chờ đến cuối thế kỷ XIV mới thấy tình tiết quan trọng này xuất hiện lần đầu và gắn liền với truyền thuyết trong tác phẩm *Lĩnh nam chích quái*, một tập sách ghi chép những thần thoại và truyền thuyết cũ nhất của dân tộc ta. *Lĩnh nam chích quái*, chép:

« (...) [Triệu Đà] cử binh nam xâm, cùng vua giao chiến. Vua lấy nõ ra bắn quân Đà thua lớn, chạy về Trâu-sơn cầm cự với nhà vua, không dám đối chiến, bèn xin hòa. Vua cả mừng, hẹn rằng phía Bắc sông Tiểu giang thuộc

Triệu Đà cai trị, phía Nam thì vua cai trị.

« Không bao lâu, Đà cầu hôn. Vua vô tình gả con gái là Mị Châu cho con trai Đà là Trọng Thủy. Trọng Thủy dỗ Mị Châu cho xem trộm nõ thần rồi ngấm làm một cái lấy nõ khác thay vuốt rùa vàng, nói dối là về phương Bắc thăm cha. Nói rằng: « Tình vợ chồng không thể lãng quên, nghĩa mẹ cha không thể rút bỏ. Ta nay trở về thăm cha, nếu như đến lúc hai nước thất hòa, bắc nam cách biệt, ta lại tìm nàng, lấy gì làm dấu? » Đáp: « Thiếp phận nữ nhi, nếu gặp cảnh biệt li thì đau đớn khôn xiết, thiếp có áo gấm lông ngỗng thường mặc trên mình, đi đến đâu sẽ rút lông mà rắc ở ngã ba đường để làm dấu, như vậy sẽ có thể cứu được nhau ».

« Trọng Thủy mang lấy thần về nước Đà được lấy cả mừng, bèn cử binh sang đánh. Vua cậy có nõ thần, vẫn điềm tình đánh cờ, cười mà nói rằng: « Đà không sợ nõ thần sao? » Quân Đà tiến sát, vua cầm lấy nõ, thấy lấy thần đã mất bèn bỏ chạy. Vua đặt Mị Châu ngồi đằng sau ngựa rồi cùng nhau chạy về phương Nam.

« Trọng Thủy nhận dấu lông ngỗng mà đuổi. Vua chạy tới bờ bề, đường cùng không có thuyền qua bèn kêu rằng: « Trời hại ta, sứ Thanh Giang ở đâu mau

(1) *An Nam chí lược*, của Lê Tác, bản dịch của Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam Huế 1960.

mau lại cứu ». Rùa Vàng hiện lên mặt nước thét lớn : « Kẻ nào ngồi sau ngựa chính là giặc đó ! » Vua bèn tuốt kiếm chém Mị Châu.

« Trước khi chết Mị Châu khẩn rằng: « Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại lại cha, chết đi sẽ biến thành hạt bụi. Nếu một lòng trung hiếu mà bị người lừa dối thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để tẩy sạch mối nhục thù ». Mị Châu chết ở bờ bể, máu chảy xuống nước, trai sò ăn phải đều biến thành hạt châu.

« Vua cầm sừng tê bảy tấc, Rùa Vàng rẽ nước dẫn vua đi xuống bể. Đồi truyền rằng đó là đất Dạ Sơn, tổng Cao Xá, phủ Diên Châu (Nghệ An). Quân Đà kéo tới đấy không thấy bóng vết gì, chỉ còn lại xác Mị Châu. Trọng Thủy ôm xác vợ đem về táng ở Loa Thành, xác biến thành ngọc thạch. Mị Châu đã chết, Trọng Thủy thương tiếc khôn cùng, khi đi tắm tưởng như thấy bóng dáng Mị Châu bèn lao đầu xuống giếng mà chết.

« Người đời sau mò ngọc ở biển Đông lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong sáng; nhân kiêng tên Mị Châu cho nên gọi ngọc minh châu là đại cứu và tiểu cứu» (1).

Truyện thuyết này đã được lưu hành rộng rãi trong dân gian toàn quốc.

đ) Truyện thuyết An dương vương theo Thiên nam ngữ lục.

Cũng như *Linh nam chích quái*, *Thiên nam ngữ lục* là một tác phẩm sưu tập truyền thuyết và cổ tích dân gian nhưng viết bằng lục bát xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Lập trường của tác giả khuyết danh của *Thiên nam ngữ lục* là một lập trường yêu nước và bài ngoại, thể hiện rõ ràng trong cái nhìn phê phán nghiêm khắc đối với nhân vật Trọng Thủy. Theo tác giả, Trọng Thủy chỉ là một tên gián điệp gian hùng và một tên Sở Khanh khéo léo :

Trọng Thủy là đũa gian hùng

Thác đạo vợ chồng thiện sự Mị nương
trong khi đó thì :

Mị nương vui giữ đạo hằng

Ngay chung nhà chúa thảo chung
nhà chồng

Dốc bể trọn đạo tam tông

Chẳng đua quyền quý chẳng lung gian tà

Đợi khi Mị Châu sanh con trai, Trọng Thủy dùng « lời véo von » tán tỉnh nàng cho y coi sóc nỗ thần :

Của vợ cũng là của chồng

Cho anh coi sóc giữ hồng cho con

Mị Châu nhẹ dạ nghe theo, còn An dương vương vì thương quý cháu nên hứa sẽ nhường ngôi cho nó.

Sau khi An dương vương đã thất bại và sửa soạn chém Mị Châu, nàng đã thốt lời :

(1) *Linh Nam chích quái*, bản dịch của Lê Hữu Mục, Khai Trí, 1961, tr. 73-74. hay bản dịch của Nguyễn ngọc Sơn và Đinh gia Khánh, Văn hóa, 1960, tr. 60-61.

(...) Tôi sinh phận gái vốn hòa nết ngay
Tấm lòng đã cậy trời hay

Hiếu trung thờ chúa thảo ngay thờ chồng

Ai ngờ phải chước gian hùng

Đa đoan cho thiếp thác cùng sự oan

Trống ân trời đất thừ khoan

Thịt nguyên nên đá máu nguyên nên châu

Cái chết của Mị Châu làm tên gián
điệp Sở Khanh kia đột ngột trở thành
con người chung tình :

Trọng Thủy thương xót nghĩa xưa

Đạo phu thê ấy xót xa muôn phần

(...) Con này hầu giả nghĩa chi

Ấp thây lẩn lóc một khi bên đàng

Đưa xác Mị Châu về mai táng ở làng
Cồ loa :

Trọng Thủy thăm thiết đêm ngày

Thương vì tiết ngọc giữ ngay lòng vàng

Rồi một hôm ta thấy y :

Giếng sâu bỗng thoát trầm mình hóa
thân

Và sau này.

Hạt châu này có muốn đi

Rửa trong nước giếng lại thì thành
trong

Vì chưng duyên cũ vợ chồng (...) (1)

Qua truyền thuyết An dương Vương
kể theo nhãng quan của Thiên nam ngữ
lục ta thấy một Trọng Thủy trước giả
đối mưu mô nhưng sau biết hối hận và
biết yêu một cách thành thực và tha
thiết : Ở đây tâm lý nhân vật có phần
thiếu tính cách thuần nhất.

e) Truyền thuyết An Dương
Vương theo lời kể của nhân dân
địa phương Cồ Loa.

Lập trường và thái độ của dân làng
Cồ loa khi gọi lại truyền thuyết địa
phương còn nghiêm khắc hơn lập
trường và thái độ của tác giả Thiên nam
ngữ lục một bậc nữa.

Từ khởi điểm cho đến cái chết của
An Dương Vương những nét chính của
truyền thuyết địa phương và của truyền
thuyết kể theo Lĩnh Nam thích quái đều
giống nhau. Nhưng trong phần cuối
của truyền thuyết, nhân dân Cồ loa đã
cho chung quả của mối tình và cái chết
của Trọng Thủy một ý nghĩa tương đối
mâu thuẫn và nghịch thường.

Sau khi Mị Châu bị chém, Trọng
Thủy không tìm thấy xác ; xác đã hóa
ra đá trôi ngược dòng dạt vào Cồ
Loa báo mộng cho dân làng khiêng
về thờ. Khiêng đến chỗ có đền hiện
nay, tảng đá rơi xuống không chịu cho
mang đi nơi khác ; nhân dân lập đền
nhưng tảng đá ngày càng to ra, phải
khẩn vái mãi mới giữ nguyên hình như
ngày nay : một tảng đá to na ná giống
hình một người đàn bà không đầu ngồi
xếp bằng, để hai tay lên gối. Nhân
dân nói tượng không có đầu vì «Ngài»
đã chặt mất đầu.

(1) Thiên Nam ngữ lục, do Nguyễn
Lương Ngọc và Đinh gia Khánh phiên âm và
chú thích, Văn hóa 1959, tr 84-97.

Còn Trọng Thủy đã chết không phải vì hối hận mà tự tử: trái lại Trọng Thủy mở tiệc ăn mừng chiến công ngay tại Cồ loa; giữa lúc say sưa thấy Mị Châu hiện hình lên hát giữa hồ Liên trì, bèn chạy ra, Mị Châu biến xuống hồ, Trọng Thủy nhảy xuống theo và chết đuối; dân Cồ loa không thèm vớt xác mà đào kênh để xác trôi theo kênh ra sông Nguyệt đức đến một làng cách Cồ loa 15 cây số thì dừng lại. Dân làng này vớt xác lập đền thờ.

Cồ loa không hề thờ Trọng Thủy rất oán ghét Trọng Thủy và cho rằng chính hồn Mị Châu đã dìm Trọng Thủy và ở Cồ loa hề có con gái gả cho người làng ngoài thì làng cấm cả cô dâu chú rể không được trở về vì sợ tái diễn tấn trò Trọng Thủy. Nhân dân sùng kính An dương vương mà gọi là «Ngài»; thương xót Mị Châu mà gọi là «Bà chúa», và nói thêm rằng dù sao Mị Châu cũng là người ta; sau hết nhân dân khinh ghét Trọng Thủy mà gọi là «thằng» (1).

Có điều đáng chú ý là, mặc dù nhân vật Trọng Thủy bị phê phán và hạ giá triệt để như vậy, nhân dân cồ loa vẫn kết thúc truyền thuyết địa phương bằng tình tiết ngọc trai nước giếng. Điều này lại được xác nhận bằng một sự

kiện lịch sử: các triều đại Trung Hoa cho đến thế kỷ XVII, vẫn bắt nước ta phải nộp trong lệ cống một hũ nước để rửa ngọc trai lấy ở giếng Cồ Loa

Qua truyền thuyết An dương vương kể theo phản ứng tâm lý tập thể và truyền thống lịch sử địa phương ở Cồ Loa ta thấy một *mâu thuẫn* căn bản Mị Châu chết oan đã không tha thứ thứ cho Trọng Thủy dù là bên kia cõi sống; nhưng hình ảnh cuối cùng và nổi bật của truyền thuyết vẫn như muốn nói lên một mối oan tình đã được đền hồi.

Muốn giải quyết mâu thuẫn đó, thiết tưởng phải đặt vấn đề qui định một cốt truyện thống nhất về An dương vương, Mị Châu Trọng Thủy rút ra từ những hình thức khác nhau của truyền thuyết của chúng ta vừa mới ghi nhận.

L.V.H

Kỳ tới: II Cốt truyện của truyền thuyết An dương vương.

(1) Lịch sử chế độ phong kiến tập I, Sách đã dẫn, tr. 25, chú thích (2); Song Bản, Nên hiểu truyện Mị Châu thế nào cho đúng?, Nghiên cứu văn học số 1/1961, tr. 80-81

THÀNH TÍCH CUỐI NĂM VỀ
CHINH - PHỤC KHÔNG - GIAN

GEMINI 7 - 6

hội-ngộ trong không-gian

● NGỌC - VÂN



Gemini 6. Hình thoảng lại có tiếng rất nhỏ của Stafford trên phi thuyền vọng qua làng sóng vô tuyến. "... 1,7 (dặm) .. 1,3 ...," Rồi im lặng. Phi thuyền đã vượt khỏi tầm vô tuyến của trạm tiếp vận. Trong căn cứ Houston, từ Giám đốc đến nhân viên đều nín thở... Hơn một trăm triệu người Mỹ, và cả thế giới cũng hồi hộp không kém. Dán mắt vào máy truyền hình hoặc áp tai vào máy thu thanh, họ chờ đợi. Từng giây trôi qua. Sau cùng, giọng trầm tĩnh của Stafford lại vang lên :

« 25.000 bộ ... 20 400 bộ ... 18.200 bộ ... 15.000 bộ ... » Qua máy thu thanh rè rè, bằng một giọng đều đều, như cố nén cảm giác hồi hộp, nhân viên trên tuần duyên hạm ở Thái bình dương báo cáo về căn cứ vị trí của phi thuyền

« Chúng tôi ở cách nhau 120 bộ » (40 thước).

Tất cả nhân viên đứng bật dậy, reo hò, ôm lấy nhau, bắt tay nhau, đem cờ Mỹ ra dán la liệt trong trung tâm điều khiển phi vụ. Trong phòng khách ở nhà

Stafford, mấy bà vợ các phi hành gia ôm lấy nhau mà hét : « Whee ! We made it ! » (được rồi !).

Lúc đó là 19 giờ 27 phút (giờ quốc tế) ngày 15 tháng 12 năm 1965. Cuộc đón tàu tốn kém nhất và khó khăn nhất trong lịch sử khoa học đã diễn ra trên cao 300 cây số khi phi thuyền Gemini 7 và 6 đang bay với tốc độ 9 cây số một giây.

Mặc cho thiên hạ nhầy múa, la hét ở dưới đất, ở trên cao, giữa khoảng không gian hoang vu và chói lòa ánh sáng hai cặp Stafford — Schirra và Lovell — Borman vẫn điềm tĩnh thi hành nhiệm vụ coi như không có gì lạ. Nhưng trong giọng nói trầm tĩnh về nhà nghề của các phi hành gia, có chứa đựng một niềm hân hoan kiêu hãnh của cả nước Mỹ và của cả nhân loại. Một nấc thang dài vượt khỏi vòng kiểm tỏa của trái đất, lên cung trăng và xa hơn nữa, vào vũ trụ đã được thực hiện.

Hai chuyến đi

Trước đó mười ngày, Frank Lovell và James Borman đã cưỡi phi thuyền Gemini 7 vượt khỏi trái đất. Suốt trong mười ngày họ đã kiên nhẫn « lượn đi lượn lại » quanh trái đất để đợi cho được « người muốn gặp ». Ở dưới đất Walter Schirra và Thomas Stafford cũng nóng nảy không kém. Hai ba lần chai vào phi thuyền Gemini 6 để sửa soạn đi, hai ba lần lại phải chui ra, và

có một lần suýt nguy đến tính mạng.

Trong cuộc gặp gỡ này, Gemini 7 đóng vai trò thụ động của người con gái còn Gemini 6 đóng vai chủ động của người con trai. Ngay sau khi rời khỏi mặt đất Gemini 7 liền đặt mình vào một vị trí thuận tiện cho cuộc gặp gỡ. Trong những vòng đầu, Gemini 7 bay trên quỹ đạo bầu dục cách trái đất từ 235 đến 315 cây số. Đến vòng thứ 76, Gemini 7 khai hỏa hỏa tiễn điều chỉnh và lọt vào một quỹ đạo tròn cách xa trái đất khoảng 300 cây số. Ở trên quỹ đạo này Gemini 7 có thể tựa cửa không gian chờ Gemini 6 trong đúng 100 ngày. Trong một lúc đùa bỡn, căn cứ Houston đã đề nghị Lovell và Borman ăn Giáng sinh ở trên đó. Nhưng hai phi hành gia đã vội vàng phản đối.

Không muốn cho Gemini 7 phải đợi lâu, người ta hối hả sửa soạn dàn phóng cho Gemini 6. Thường thường phải mất ít ra là sáu tuần mới sửa soạn xong dàn phóng. Nhưng lần này, để thực hiện cuộc hội ngộ, thời gian chuẩn bị chỉ còn rút lại có chín ngày. Cũng may là vào tháng mười, hỏa tiễn Titan II và phi thuyền Gemini 6 đã được chuẩn bị sẵn sàng để thi hành thí nghiệm đón tàu tương tự với hỏa tiễn Agena. Lần đó hỏa tiễn Agena bị nổ trước khi lên quỹ đạo nên hỏa tiễn và phi thuyền không được dùng vào dịp đó, đã được chuẩn bị sẵn sàng để thi hành phi vụ này.

Cuộc chuẩn bị tiến hành điều hòa đến nỗi có lúc người ta cho rằng có thể phóng phi thuyền lên sáu giờ trước thời gian đã định. Nhưng trong khi kiểm lại các bộ phận, người ta thấy máy điện tử trên phi thuyền bị hỏng. Phải thay bằng một máy khác.

Giây phút nguy nan

Ngày 12 tháng 12, hồi 14 giờ 54 phút (giờ quốc tế), hỏa tiễn Titan được khai hỏa theo đúng chương trình đã định. Ngồi trong phi thuyền, Schirra và Stafford thấy hỏa tiễn chuyền mình. Hai người sửa soạn đón nhận sức gia tốc ghê gớm đè xuống người khi hỏa tiễn vọt lên. Nhưng bốn giây qua đi mà vẫn chưa thấy gì khác. Trái lại, đèn trên phi thuyền báo hiệu hỏa tiễn bị mất sức đẩy. Đó là giây phút nguy nan nhất cho sinh mạng của hai người, và cũng là giây phút gần kề thất bại lớn lao nhất trong chương trình thám hiểm không gian của Mỹ. Nhưng cũng trong lúc đó quyết định của Schirra đã chứng tỏ rằng sự xét đoán suy luận của con người là một yếu tố không một máy điện tử tinh vi nào có thể thay thế được. Theo công lệ, khi gặp trường hợp tương tự, các phi hành gia sẽ kéo một cái cần an toàn trên phi thuyền. Và cả hai người sẽ văng khỏi phi thuyền rồi đáp xuống bằng dù ở cách xa nơi phóng 300 thước. Trong hai giây đồng hồ, Walter Schirra, phi hành gia chính, ở trong tình trạng tiến

hoái lưỡng nan. Nếu kéo cần an toàn hai người sẽ thoát nguy nhưng cả một thí nghiệm quan trọng sẽ bị hủy bỏ và chương trình thám hiểm không gian sẽ bị chậm trễ. Nếu ở lại trong phi thuyền để biết rõ tình hình hơn chút nữa thì có thể nguy đến tính mạng nhưng cuộc thí nghiệm mới có cơ tiến hành như dự định. Walter Schirra suy tính rằng nhiên liệu của hỏa tiễn là một loại chỉ bốc cháy chứ không nổ. Nếu có sự gì xảy ra có lẽ cũng còn thì giờ thoát thân. Và anh quyết ở lại trong phi thuyền. Quả như dự đoán của Schirra. Sau khi rằm rộ chuyền mình nhưng không đủ sức lên khỏi mặt đất, hỏa tiễn Titan tắt đi như chiếc pháo xịt.

Chín mươi phút sau, hai anh chàng chui ra khỏi phi thuyền, trông có vẻ bực mình nhiều hơn là sợ hãi. Lúc đó Gemini 7 đang bay qua không phận của mũi Kennedy. Ở trên cao 300 cây số, Lovell và Borman nhận xét sự kiện cũng với một vẻ bình tĩnh khác thường của các nhà thám hiểm. Khi được căn cứ báo là cuộc phóng Gemini 6 đã thất bại, họ chỉ trả lời bằng một câu ngắn ngủi: "Chúng tôi thấy nó phun lửa, rồi nó tắt". Và lại tiếp tục làm các thí nghiệm ghi trong chương trình.

Không may mà lại may

Khi phát giác ra, nguyên nhân của tai nạn đó lại dân dị hết sức. Ở dưới hỏa

tiền có một cái cảm điện lớn khoảng 5 phân, có nhiệm vụ báo hiệu khi hỏa tiễn rời khỏi mặt đất. Vì một lý do nào đó, bộ phận này không được cắm chặt vào đuôi hỏa tiễn. Khi hỏa tiễn rung động mạnh, cái cảm điện rời khỏi hỏa tiễn một phần nhỏ của một giây quá sớm. Bộ phận an toàn tự động ở trung tâm kiểm soát thấy cái cảm điện báo hiệu quá sớm liền tự động đóng ống dẫn nhiên liệu lại. Hỏa tiễn Titan, như chiếc xe hơi đã nổ máy mà dây dẫn điện lại tuột khỏi bu-di, gầm lên một chút rồi đứng yên trên đàn phóng.

Nhưng trong cái không may cũng lại có cái may. Nhờ có vụ « mất lửa » đó mà khi xem xét lại hỏa tiễn các chuyên viên lại ngăn chặn kịp thời một vụ « tắc sãng ». Người ta phát giác một cái nắp nhựa nhỏ bằng ngón tay đã bị bỏ quên trong ống dẫn nhiên liệu của hỏa tiễn. Giá cái cảm điện không tuột ra quá sớm, thì cái nắp nhựa tầm thường giá không quá hai chục bạc này cũng đủ làm nghẹt ống dẫn nhiên liệu, khiến cho hỏa tiễn đứng lì một chỗ. Người hứng lấy hình phạt của sự sơ xuất này không phải ai khác ngoài các ông . . . thầu khoán. Ngay sau đó, cơ quan Hàng không và Không gian Hoa Kỳ tuyên bố phạt vụ công ty chế tạo hỏa tiễn một số tiền là 15.000 mỹ-kim.

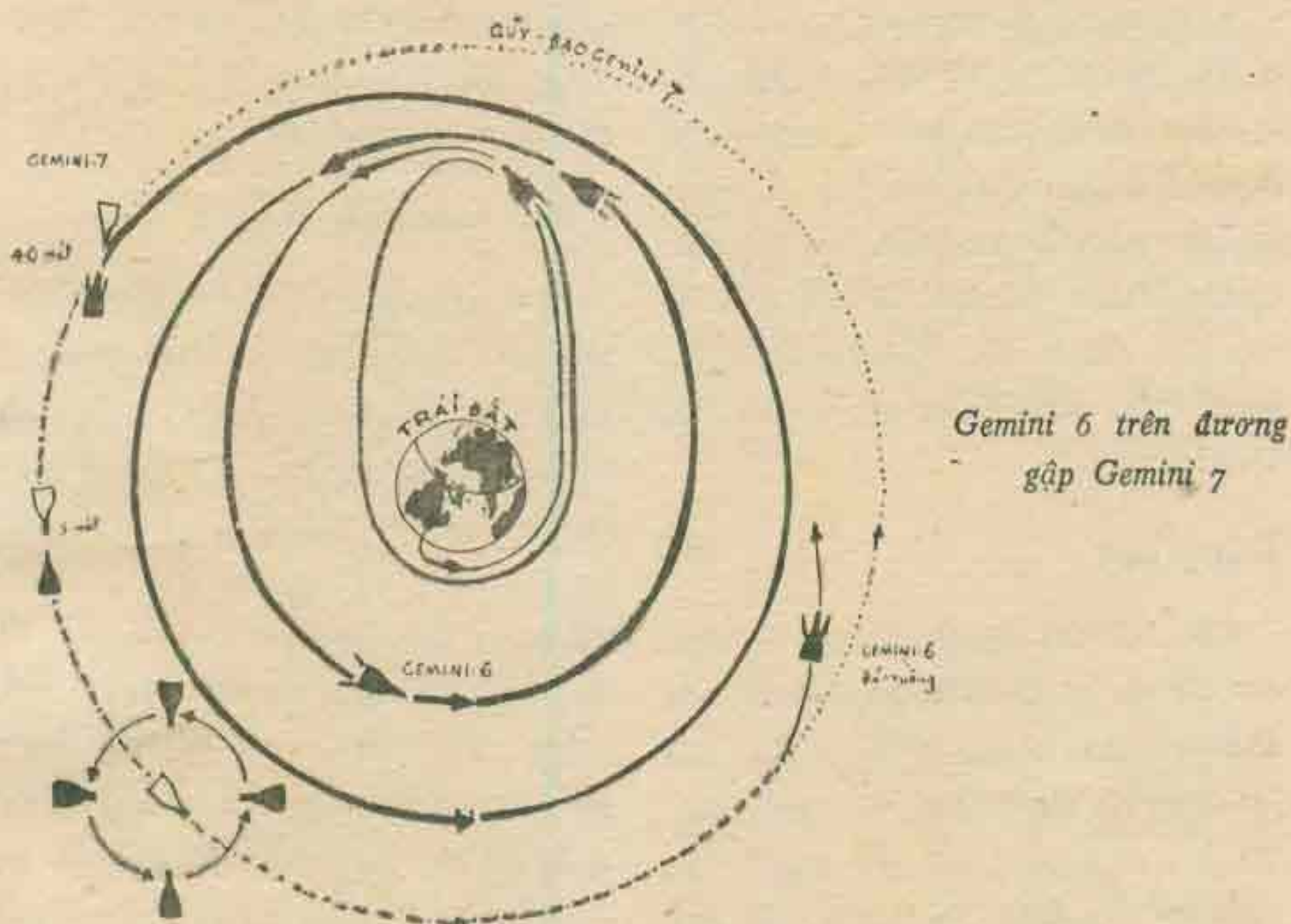
Lại lên đường

Thế là ngày khởi hành của Gemini 6 lại phải hoãn lại bốn ngày. Ở trên trời Gemini 7 vẫn kiên nhẫn chờ đợi. Ở dưới đất các nhân viên lại hăm hở đề chuẩn bị. Ngày 15-12 65, Gemini lại cựa mình lần nữa. Như đề đền bù lại những bực bời của hai lần thất bại trước, lần này Gemini 6 được phóng lên rất hoàn hảo theo đúng chương trình không sai một giây. Sau khi đưa Gemini 6 qua khỏi làn khí quyển dày đặc, hỏa tiễn Titan 2 đặt phi thuyền vào một quỹ đạo bầu dục cách xa trái đất từ 160 đến 260 cây số.

Ở quỹ đạo này Gemini 6 bay với tốc độ 28.000 cây số / giờ. Trong khi đó Gemini 7 bay với tốc độ 27.600 / giờ ở quỹ đạo cao hơn và ở về phía trước Gemini 6 khoảng 2000 cây số. Phi hành gia Walter Schirra, với sự trợ giúp của Thomas Stafford, liền bắt tay vào việc.

Đón tàu

Kế hoạch đón tàu đã được các nhà khoa học và toán học của cơ quan hàng không và không gian Hoa kỳ dùng máy điện tử tính ra từ trước. Nhưng sự thành công của kế hoạch hoàn toàn thuộc vào tài khéo léo và kinh nghiệm của Schirra. Kế hoạch này dựa trên một nguyên tắc căn bản của khoa cơ học thiên thể. Quỹ đạo của một vệ tinh lệ



thuộc vào hai lực đối lập là trọng lực và sức ly tâm. Trọng lực của trái đất kéo vệ tinh xuống còn sức ly tâm sinh ra do tốc độ di chuyển của vệ tinh lại kéo vệ tinh ra ngoài. Vệ tinh di chuyển gần trái đất sẽ chịu sức hút của trái đất nhiều hơn, vì vậy phải đi nhanh hơn để cho sức ly tâm đủ mạnh để cân bằng với sức hút của trái đất.

Dựa trên nguyên tắc căn bản đó Gemini 6 đã ở một quỹ đạo thấp hơn để có thể bay nhanh hơn và bắt kịp Gemini 7. Để đón đường Gemini 7, sau mỗi vòng quỹ đạo Schirra đã khai hỏa hỏa tiễn điều chỉnh để cho Gemini 6 lên quỹ đạo cao hơn. Đường bay của Gemini 6 do đó là một đường tròn ốc đi từ trái đất ra ngoài, cho đến khi quỹ

đạo của Gemini 6 trùng với quỹ đạo của Gemini 7 (Xem hình vẽ).

Trên nguyên tắc thì rất giản dị nhưng trên thực tế thì khó khăn hơn nhiều. Vì theo nguyên tắc cơ học thiên thể nói trên, mỗi khi lên quỹ đạo cao hơn để đến gần Gemini 7 thì tốc độ của Gemini 6 lại giảm đi. Phải tính toán sao cho khi lọt vào quỹ đạo Gemini 7 thì cũng là lúc Gemini 7 vừa tiến tới, nếu không hai phi thuyền chỉ có thể ở trên cùng một quỹ đạo mà không bao giờ gặp được nhau. Ở tốc độ « sai một ly đi một dặm » là chín cây số trong một giây, sự tính toán và điều khiển đường bay lại càng khó khăn gấp bội. Sự thử thách gay go này đối với người khác, có thể đưa đến thất bại. Nhưng với tay phi công và phi

hành gia lão luyện Walter Schirra thì lại là một dịp trở tài biểu diễn khiến cho các bạn đồng hành và các nhân viên theo dõi ở căn cứ phải vỗ tay thán phục. Chỉ sau năm lần khai hỏa, hỏa tiễn điều chỉnh Walter Schirra đã đổi quỹ đạo một cách chính xác, đưa Gemini 6 lên cùng một mặt phẳng quỹ đạo với Gemini 7.

Đúng hẹn

Khi hai phi thuyền ở cách xa nhau 400 cây số, họ đã nhận được vị trí của nhau trên máy Radar và đã có thể liên lạc được với nhau bằng vô tuyến điện. Khoảng cách giữa hai phi thuyền rút ngắn lại dần dần. Thêm một lần điều chỉnh nữa, Gemini 6 lọt vào quỹ đạo tròn cách xa trái đất 270 cây số và ở ngay phía dưới Gemini 7 có 30 cây số. Sau cùng, khi bay qua Hawaii, Gemini 6 đi ngang qua quỹ đạo của Gemini 7 vượt lên phía trên, quay mũi lại: hai phi thuyền chỉ cách xa nhau có 2 thước. Qua cửa sổ phi thuyền Schirra có thể trông thấy bộ râu xanh um của Lovell và thấy anh chàng này đang nhai kẹo cao su.

Gemini 6 lượn vòng quanh Gemini 7 để quan sát và chụp ảnh lẫn nhau. Và lần đầu tiên thế giới được nhìn tận mắt một phi thuyền đang bay trên không gian. Sau đó hai phi thuyền tiếp tục bay gần nhau trong sáu tiếng đồng hồ. Thi hành xong nhiệm vụ, các phi hành gia sửa soạn đi ngủ. Phi hành đoàn Gemini 6 căn phải tinh táo dề trở về trái đất

ngày hôm sau còn phi hành đoàn Gemini 7 căn phải dưỡng sức để ở lại trên quỹ đạo thêm ba ngày nữa.

Phi hành gia nhạc sĩ

Sáng hôm sau, 16-12 65, đúng 1 giờ, giờ quốc tế, bắt đầu cuộc đáp xuống vị trí và thời gian đáp xuống đã được tính toán kỹ lưỡng để Gemini 7 có thể quan sát Gemini 6 khi phi thuyền này bắt đầu lọt vào vùng khí quyển của trái đất. Từ trước đến nay người ta chỉ có thể theo dõi bằng radar khi phi thuyền đáp xuống chứ chưa ai đã có dịp nhìn tận mắt phi thuyền đáp xuống. Cuộc quan sát này chắc chắn sẽ giúp các kỹ sư hàng không thêm nhiều chi tiết để cải thiện các phi thuyền tương lai. Trong mọi chuyến bay, giai đoạn đáp xuống là giai đoạn hiểm nghèo hơn cả. Trong khi các căn cứ dưới đất đang lo lắng bận rộn sửa soạn đón Gemini 6 thì Schirra báo: "Có một vật, có vẻ là một vệ tinh, đi từ phía bắc xuống phía nam bay rất thấp. Có lẽ đang sửa soạn đáp xuống. Sầu sùng, một... Hình như nó đang muốn liên lạc với bọn tôi."

Nhân viên điều khiển hoảng hốt tưởng các phi hành gia bị rối loạn thần kinh chưa kịp hỏi lại cho chắc thì hai anh chàng nghịch tinh đã đã phá lên cười. Rồi Schirra chơi khẩu cầm còn Stafford gõ chuông, hai người hợp tấu bản *Jingle Bells* một bản nhạc vui nhộn cổ truyền thường được chơi vào dịp Giáng

sinh. Không biết rồi đây hai phi hành gia nhạc sĩ này có bị khiển trách về tội mang lên nhạc cụ lên phi thuyền không, nhưng sau khi nghe cuộc hòa tấu đó, hội Liên hiệp Nhạc sĩ Mỹ quốc đã hân hoan trao tặng Schirra và Stafford trước hội viên danh dự vì đã có công « đưa âm nhạc lên tới độ tối cao xứng đáng là một bộ môn văn hóa tiên phong của nước Mỹ » !

Như đề chuộc lỗi cho trò nghịch tính, và vì đã đánh cuộc với phi hành đoàn 7, Schirra và Stafford đã đáp xuống một cách tuyệt mỹ, chỉ cách xa điểm đã định trước có 20 cây số.

Lại pin nhiên liệu

Trong khi Schirra và Stafford được thuyền trưởng và thủy thủ mẫu hạm Wasp đón tiếp trọng thể, Lovell và Borman vẫn tiếp tục bay vòng quanh trái đất để thi hành nốt sứ mạng thử sức chịu đựng của con người trong không gian.

Trong những ngày còn lại, bộ pin nhiên liệu lại bắt đầu trục trặc. Có lúc người ta tưởng phải cho phi thuyền xuống trước thời gian hạn định. Trong chuyến bay Gemini 5, pin nhiên liệu trục trặc đã làm lỡ một dịp thí nghiệm kỹ thuật đón tàu và tí nữa làm hỏng cả chuyến bay. Lần này, ngay trong những vòng đầu của Gemini 7, pin nhiên liệu đã có những triệu chứng bất thường, nhưng chuyến bay vẫn tiến hành. Sau mấy ngày hoạt động, một trong hai đơn vị

phát điện của pin bị hoàn toàn hỏng vì ngập nước còn đơn vị kia thì hoạt động thất thường. Kiểm điểm lại tình trạng, Borman và Lovell quyết định kéo dài chuyến bay cho tới thời gian đã định. Sáng ngày 18-12-1965, họ đã đáp xuống Đại tây Dương và đã thắng cuộc với phi hành đoàn Gemini 6 vì chỉ cách xa điểm đã định có 13 cây số. Từ trên mẫu hạm Wasp, các thủy thủ trông thấy phi thuyền và chiếu đèn hai màu trắng và da cam nổi bật trên nền trời xanh nhẹ nhàng đáp xuống mặt biển.

Thí nghiệm « la-de »

Ngoài nhiệm vụ làm mục tiêu thụ động cho cuộc thí nghiệm đón tàu, Gemini 7 đã thực hiện một loạt các thí nghiệm khác có tính cách khoa học và quân sự. Trong chuyến bay Gemini 5, Cooper và Conrad đã quan sát một hỏa tiễn liên lục địa khi đang được phóng lên. Trong chuyến bay này, Borman và Lovell lại quan sát hỏa tiễn Polaris phóng ra từ tàu ngầm nguyên tử Benjamin Franklin và hỏa tiễn Minuteman khi rơi xuống Thái bình dương. Ngoài ra họ cũng thí nghiệm phương pháp xác định quỹ đạo và vận tốc của phi thuyền bằng cách quan sát vị trí và sự chuyển động của các vì sao đối với phi thuyền. Một thí nghiệm khá quan trọng nữa là liên lạc với trái đất bằng tia laser (đọc là « lây-dơ », viết tắt của tên Light Amplification by Stimulated Emission of Radiation). Laser là một chùm tia sáng nhỏ như đầu mũi kim và mạnh đến nỗi có thể truyền đi

hàng ngàn triệu dặm mà không bị yếu đi hoặc phân tán. Đây là một khám phá mới trong vật lý, đã được áp dụng trong y khoa để giải phẫu óc hoặc hàn vông mô của mắt. Lần đầu tiên người ta thử áp dụng laser vào công cuộc thám hiểm không gian. Trong thí nghiệm này, các phi hành gia của Gemini 7 chiếu bộ phận phóng tia laser vào một căn cứ ở dưới đất rồi nói chuyện với căn cứ qua tia sáng đó. Nhưng thí nghiệm này không thành công vì các phi hành gia không nhận được dấu hiệu của tia laser từ dưới đất phóng lên.

Con người: vật thí nghiệm

Trong những chuyến bay đường trường như vậy thí nghiệm then chốt là các thí nghiệm y học và vật thí nghiệm quan trọng nhất chính là con người. Theo các nhà bác học Nga, trong số các phi hành gia Nga có vài người bị nôn nao và mắc chứng trông thấy ảo ảnh khi trở về trái đất. Gherman Titov cảm thấy chóng mặt sau khi bay trên quỹ đạo một ngày. Nhưng các nhà khoa học Mỹ cho rằng có lẽ các phi hành gia Nga chưa được huấn luyện kỹ càng trước khi bay.

Các chuyến bay Gemini chứng tỏ rằng con người có thể chịu được những chuyến bay khá dài mà không phương hại tới cơ thể. Hai hậu quả sinh lý đáng ngại nhất và đang được các bác sĩ không gian Mỹ nghiên cứu là hiện

tượng xáo trộn hệ thống tuần hoàn và hiện tượng tiêu hao khoáng chất của xương.

Sau chuyến bay Gemini 5 vào tháng tám vừa qua, người ta thấy cơ thể của Gordon Cooper mất đi hơn một lít máu. Số lượng các tế bào hồng huyết cầu giảm đi rất nhiều và đời sống của các tế bào này cũng giảm đi một nửa. Nhịp tim đập bình thường là 60 tới 70 trong một phút cũng giảm xuống chỉ còn có 40 trong khi bay. Lúc trở về trái đất, nhịp tim lại vọt lên trên 100 trong một phút. Phải hai ba ngày sau sự tuần hoàn mới trở lại nhịp độ bình thường. Có lẽ vì trong tình trạng không trọng lực tim không phải làm việc nhiều, sinh ra trễ nải. Cơ thể cũng không phải hoạt động nhiều, tiêu thụ ít ốt-xy hơn, do đó các tế bào hồng huyết cầu giảm đi theo luật đào thải tự nhiên.

Quan sát xương ngón tay và xương gót chân của Cooper, người ta cũng thấy chất vôi trong xương giảm đi từ 9 đến 15 phần trăm sau 8 ngày bay nếu mất nhiều chất vôi quá, xương sẽ trở nên ròn và dễ gãy.

Chuyến bay mười bốn ngày của Gemini 7 có mục đích nghiên cứu xem cơ thể thích ứng với tình trạng không trọng lực ra sao và sau đó cơ thể có thích ứng dễ dàng lại với tình trạng bình thường ở trái đất không. Nhờ phương pháp viễn trắc, suốt trong chuyến bay tình trạng sức khỏe của các phi hành gia đều được các bác sĩ ở

căn cứ theo rồi từng giờ từng phút. Những chất bài tiết đều được giữ lại để phân tích. Ngay cả đến cấu tạo hóa học của mồ hôi cũng được đem ra nghiên cứu. Trước khi lên phi thuyền, các phi hành gia mặc một bộ đồ lót mình thật sạch để thẩm mồ hôi sau chuyến bay, bộ áo lót được ngâm vào nước lọc đã khử trùng. Nước « rữ quần áo » này sẽ được đem ra phân tích rồi so sánh với mồ hôi của các phi hành gia khi chưa bay.

Cho đến nay người ta nhận thấy con người có thể chịu đựng được các chuyến bay dài mà không cảm thấy mệt mỏi hoặc khó chịu quá đời. Ngay cả đến phút cuối cùng của chuyến bay, Lovell và Borman vẫn tỉnh táo cười đùa như thường. Khi đặt chân lên mẫu hạm Wasp hai người cũng không có dấu hiệu mệt mỏi nào khác ngoài bộ râu lờm chờm và dáng đi ngượng nghịu vì phải ngồi một chỗ quá lâu.

Kẻ đến trước ?

Với chuyến bay Gemini 7-6, Hoa-Kỳ đã phá vỡ tất cả các kỷ lục phi hành không gian và đã rõ rệt tiến xa hơn Nga trên con đường chạy đua lên cung trăng. Trước đây đã có lần Nga phóng hai phi thuyền có người liền một lúc và hai phi thuyền này đã bay qua nhau khoảng 6 cây số. Nhưng đó chưa phải

là một cuộc đón đầu thực sự vì hai phi thuyền không thể tự tiến sát tới nhau được. Trong năm qua, không hiểu vì lý do kỹ thuật hoặc tài chánh, Nga không thực hiện được những thành công đáng

SÁCH MỚI

— **Bài giải toán vật-lý** của Arnoult và Delaval do Phạm-Long-Điền dịch, Việt-Nam Đại-Học Tùng Thư ấn hành và gửi tặng. Đây là cuốn sách thứ sáu của V.N.Đ.H. T.T. xuất bản, in ronéo, khổ 21×26, dày 108 trang, giá 40đ.

— **Chiêu-hồn thập-loại chúng sinh**, của Nguyễn-Du, do Đàm-Quang-Thiện hiệu-chú, T.T. Thích-Tâm-Châu đề tựa, Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản trong dịp đệ nhị Bách chu niên Nguyễn-Du và gửi tặng. Sách dày 68 trang; phần chú giải rất công phu và tỉ-mỉ chiếm 3/4 cuốn sách. Bìa họa cảnh cô-hồn «lần thân tìm ra». Bản đặc-biệt không đề giá; bản thường giá 35đ.

— **Cuộc sống chung và mây trắng**, tập thơ của Nguyễn Công Tịnh di cảo do Đại Nam Văn Hiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày 50 trang, gồm 34 bài thơ, giá 20đ.

kể trong các chuyến bay có người. Hiện nay, Nga chỉ có ưu thế hơn Mỹ ở chỗ phi thuyền của Nga lớn hơn phi thuyền của Mỹ. Trong khi các phi thuyền của Nga to bằng cái xe Cadillac thì phi thuyền của Mỹ chỉ lớn bằng cái xe Dauphine. Sau 14 ngày làm việc và sống trong khoảng chật hẹp như vậy, các phi hành gia của Gemini 7 đã gọi thời gian đó là «Hai tuần ngồi trong nhà vệ sinh»! Sự khác nhau đó bắt nguồn ở chỗ hỏa tiễn của Nga mạnh hơn hỏa tiễn Mỹ và có sức chở lớn hơn. Mãi đến năm 1968, Mỹ mới có hỏa tiễn đủ mạnh để phóng phi thuyền chứa được ba người. Hỏa tiễn này sẽ được dùng trong dự án Apollo đưa người lên thám hiểm mặt trăng.

Trong chương trình Apollo, hai phi thuyền gắn liền vào nhau sẽ được đưa

lên quỹ đạo vòng quanh mặt trăng. Tại đó, phi thuyền con sẽ tách rời ra khỏi phi thuyền mẹ, đáp xuống mặt trăng, trong khi đó phi thuyền mẹ vẫn bay ở trên. Sau khi thi hành nhiệm vụ, phi thuyền con sẽ bay lên để phi thuyền mẹ đón lấy, ráp vào, rồi trở về trái đất.

Chuyến bay của Gemini 7 và 6 chứng tỏ rằng có thể thực hiện được phi vụ phức tạp đó trong không trung. Walter Schirra, tự tin và lạc quan hơn, cho rằng làm công việc đó «dễ như bỡn». Giấc mộng «du nguyệt điện» của nhân loại nay đã gần biến thành sự thực. Với đà này mà tiến, chị Hằng chắc hẳn phải học tiếng Anh trước tiếng Nga.

NGỌC VÂN

Kỹ - thuật gặp gỡ trên không - trung

VÕ QUANG-YẾN

Gặp gỡ ngoài không trung vì sao được xem như là một chương trình quan trọng trong cuộc thám hiểm không gian? Có người còn bảo cuộc gặp gỡ này là kế hoạch then chốt của mọi cuộc du hành ra vũ trụ sau này. Thật vậy, ghép lắp nhiều vệ tinh quanh quả đất để lập thành đài quan sát và phi trường tương lai

phóng gởi phi thuyền ra khoảng không gian xa xăm là chuyện cần yếu nhất. Đại tướng Kamanin, đoàn trưởng đoàn phi hành gia Nga, đã từng tuyên bố người Nga sẽ đáp lên cung trăng với một hỏa tiễn gồm có nhiều khúc lần lượt được phóng ra khỏi quả đất. Đáng khác cuộc gặp gỡ cũng cần thiết quanh

những thiên thể ta muốn viếng thăm Kế hoạch Apollo của Mỹ chẳng hạn đã dự định đặt một đài không gian quanh cung trăng, cách khoảng 150 cây số, để rồi thả những phi thuyền nhẹ xuống thăm chị Hằng.

Nhưng gặp nhau trong không trung không phải là chuyện dễ. Từ năm 1962, Nga đã từng muốn thử mà nào có được. Bên phía Mỹ cũng đã phải bao phen thất bại mới đạt được kết quả vừa qua. Trên đại lộ, người cầm lái xe hơi chỉ cần biết một chiều : chiều dài. Trên một công trường, chiếc xe hơi di chuyển trong hai chiều ngang và dọc. Người phi công trong chiếc máy bay phải lo thêm một chiều thứ ba : cao độ. Vệ tinh khí bay quanh quả đất còn chịu một ảnh hưởng không kém phần quan trọng là trọng lực quả đất. Có thể nói «chiều thứ tư» này là khó vận dụng nhất. Chung qui chỉ là một vấn đề thay đổi quỹ đạo, nghĩa là vấn đề thay đổi tốc lực vệ tinh.

Giả thử hai vệ tinh bay cùng tốc lực nhưng một chiếc gần quả đất, chiếc kia xa hơn. Đứng ở mặt đất ta xem như chiếc dưới bay mau hơn chiếc trên. Người ta bảo chiếc dưới có tốc độ gốc lớn hơn chiếc trên. Nếu chiếc dưới lúc ban đầu chạy sau chiếc trên, dần dần ta thấy như chiếc dưới rút kịp chiếc trên. Và thời gian đuổi rút này càng ngắn nếu chiếc trên càng bay cao hơn chiếc dưới.

Bây giờ giả thử cho chiếc dưới tăng

tốc độ lần lần đề chạy lên một quỹ đạo cao hơn nhằm mục đích tiến lại gần chiếc trên. Mỗi một lần thay lên quỹ đạo cao hơn, chiếc dưới mất bớt một ít tốc độ gốc, tuy vẫn luôn còn lớn hơn tốc độ gốc của chiếc trên. Nhưng hai chiếc càng gần nhau thì cuộc tiến gần lại càng chậm

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Vạn Hạnh** số 8 và 9, đặc san kỷ niệm ngày Đức Phật thành đạo, tạp chí nghiên cứu phát huy văn hóa Phật giáo và dân tộc. Chủ nhiệm kiêm chủ bút : Thích Đức-Nhuận, Tòa soạn : 95 b Gia Long Saigon. Đặc-san dày 224 trang, giá 25đ.

— **Xuân văn khoa Vạn Hạnh** giai phẩm do Ban đại - diện sinh-viên văn - học và khoa nhân - văn thuộc Viện Đại Học Vạn-Hạnh phát hành, T.T. Thích Thiện-Ân gửi tặng. Mỗi số 76 trang, khổ 21 x 27 giá 25đ.

— **Nghiên cứu Việt Nam**, Cơ quan nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc, số 1, mùa Xuân 1966, do Ô Lê-Văn-Hảo chủ trương, Nguyễn-Đắc-Xuân chăm sóc tòa soạn, và tòa-đạc tại 2, Lê Lợi (D3) Huế. Tạp san dày 64 trang, in ronéo 2 mặt, khổ 21 x 27, không đề giá bán.

hơn. Đứng ở mặt đất, người ta thấy như chiếc dưới chạy chậm hơn chiếc trên mặc dầu được tăng tốc lực. Đây là một hiện tượng nghịch lý : trong không gian, so với một vật thể chạy trên một quỹ đạo cố định, một sự gia tốc luôn được kèm theo một sự đứng chậm biểu-kiến.

Hiện tượng nghịch lý này còn lan rộng hơn. Khi lên đến một quỹ đạo cao hơn, chiếc vệ tinh dưới bớt một chút tốc độ góc, đồng thời cũng bớt một chút tốc lực trên quỹ đạo. Vậy thì tăng gia tốc lực ở quỹ đạo dưới có hậu quả là làm sụt tốc lực ở quỹ đạo trên.

Với nguyên tắc cuộc đua rượt này, người ta có thể chọn phương tiện tùy với thời gian. Người ta có thể từ từ cho tăng tốc lực vệ tinh dưới và nó chỉ rượt đuổi kịp chiếc trên sau nhiều vòng bay quanh quả đất. Người ta cũng có thể cho tăng một số lượng lớn tốc lực chiếc dưới, như vậy trong một thời gian rất ngắn nó đuổi kịp chiếc trên. Nhưng kỹ thuật cũng cho biết phương pháp thứ nhì này đòi hỏi rất nhiều nhiên liệu, mà nhiên liệu trên vệ tinh thì thật là quý báu. Vì vậy khi người ta bảo trong không gian, thời gian là nhiên liệu, thật là đúng vậy.

Cũng để tiết kiệm nhiên liệu và thời giờ, các chuyên gia Mỹ đã cho phóng hai chiếc vệ tinh G 6 và G 7 kỳ vừa qua theo hai điều kiện cần thiết :

1) Cả hai đều nằm trong một mặt phẳng. Về mặt thực hành, người ta đã cho phóng chiếc G 6 tức là chiếc thứ nhì lên trong mặt phẳng đã có chiếc G7.

2) Cả hai phải chạy gần nhau. Thật vậy, nếu hai chiếc vệ tinh chạy hai bên quả đất thì không bao giờ gặp nhau được hay phải mất rất nhiều thì giờ mới đuổi kịp được nhau.

Hai điều kiện này đã bắt buộc các chuyên gia Mỹ chỉ định lúc bắn một cách chính xác. Và sau đấy chỉ còn có theo dõi để các cuộc thay đổi quỹ đạo được thực hiện hoàn hảo. Mỹ thành công trong kế hoạch G6-G7 phần lớn là nhờ trình độ kỹ thuật điện tử khá cao.

Ta thấy trong hơn nửa giờ, các phi hành gia chỉ hành động theo sự chỉ dẫn của máy radar và máy tính mang theo trong vệ tinh. Máy radar trên chiếc G6 vận dụng như một máy radar thường : những xung lực được phát ra gặp đích tức là chiếc G7 thì dội lại và từ đấy máy tính suy ra độ cách cùng tốc lực tương đối giữa hai chiếc. Để cho máy radar trên G6 khỏi làm lẫn và dễ làm việc, một máy trả lời đã được đặt trên chiếc G 7. Tuy vậy, khi đến quá gần nhau, biết độ cách và tốc lực cũng không còn đủ : các phi hành gia trong chiếc G6 còn cần phải biết vị trí của chiếc G7. Các chuyên gia Mỹ đã tìm

ra một phương pháp dựa theo hiện tượng giao thoa của các luồng sóng điện-từ: Trên chiếc G6 người ta đặt hai dây ăngten cho nên dấu hiệu từ chiếc G7 trở lại được nhận làm hai lúc: biết được thời gian cách nhau giữa hai dấu hiệu và khoảng cách giữa hai dây ăngten, máy tính đã suy ra được vị trí của chiếc G7.

Nói như vậy không phải là từ chỗ; công trạng của các phi hành gia. Kha hai vệ tinh lại thật gần nhau, máy radi không còn dùng được nữa và phi hành gia chỉ còn có biết dùng mắt mình. Trong đêm tối hay dưới ánh mặt trời chói loà, các phi hành gia đã ước lượng độ cách, độ góc, và vận dụng mau chóng, chính xác... Thế đủ biết công phu luyện tập đã lớn lao làm sao!

Sau cuộc thành công của Mỹ, người ta lại tự hỏi có thể chăng hai bên Nga Mỹ cùng chung sức trong một công tác liên quan đến tương lai toàn thế giới?

Có thể chăng cả hai cường quốc, vì tiến bộ mỗi bên trong một phạm vi khác nhau, góp chung tài liệu và phương tiện để rút ngắn được vài năm cuộc tìm hiểu không gian, vũ trụ?

VÕ-QUANG-YẾN

CÁC GIAI ĐOẠN CUỘC CHẠY ĐUA LÊN KHÔNG TRUNG

Vệ tinh đầu tiên: Sputnik-1 : 4-10-57
Explorer-1 : 31-1-58

Thâu hồi vệ tinh

đầu tiên : Discoverer-13 : 10-8-60
: Sputnik-5 : 19-8-60

Phi hành gia

đầu tiên : Y. Gagarin : 12-4-61
: J. Glenn : 20-2-62

Phi thuyền nhiều người

đầu tiên : Voskhod-1 (3 người) 12-10-64
Gemini-3 (2 người) 23-3-65

Ra khỏi vệ tinh

đầu tiên : A. Leonov 18-3-65
E. White 3-6-65

Gặp gỡ không trung đầu tiên : Gemini-6,
Gemini-7 15-12-65.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài «Trên trời có gì lạ?» của ô. Võ-Quang-Yến đăng trên BK. TĐ số 214 (1-12-65) có những chỗ in sai sau đây, mong bạn đọc vui lòng sửa lại giùm cho:

— Trang 28, cột 1, hàng 5-6, đã in: «quasar C.273» và «quasar C147», xin sửa lại là: «quasar 3 C273» và «quasar 3 C147»

— Trang 30, cột 2, hàng 18-19, đã in: (10^{-26} , 10^{-30} là con số 1 chia cho 10^{-26} hay 10^{-30}) xin sửa lại là: (... con số 1 chia cho 10^{26} hay 10^{30}).

Trân trọng xin cáo lỗi cùng tác-giả và quý bạn đọc.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trú

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Không-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE : *Plaplachai, Bangkok*

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

oTokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuō-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sec. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

Chung quanh vấn-đề nhập-cảng

NGUYỄN - VĂN - TƯ

Khi mới xét qua các bảng thống kê ngoại thương, nhiều người không khỏi lo ngại vì thấy xuất cảng sút kém quá nhiều so với nhập cảng, cả về số lượng lẫn trị giá :

	<i>Xuất - cảng</i>	<i>Nhập - cảng</i>
1963	586.521 tấn 2.683.490.000đ.	2.009.223 tấn 10.016.155.000đ.
1964	389.206 tấn 1.696.089.000đ.	1.884.169 tấn 10.411.597.000đ.

Đề tái lập thăng bằng cho cán cân thương mại, chắc ai cũng mong tăng gia xuất cảng, tuy biết rằng sản xuất còn gặp nhiều trở ngại trong thời kỳ chiến tranh. Nên lại có những người muốn rút bớt nhập cảng được bao nhiêu hay bấy nhiêu để tránh nguy cơ kiệt quệ vì kiếm ít tiêu nhiều.

Song chủ trương tiêu cực này khó lòng áp dụng. Vì mức sinh hoạt tối thiểu của một dân tộc không thể ngừng tiến mặc dầu phải chiến đấu, những nhu-cầu cấp bách trong lãnh vực quân sự, và chính sự tăng gia sản xuất vẫn đòi hỏi rất nhiều thực phẩm, được phẩm,

đồ thiết dụng, vật liệu và khí cụ trang bị... Và lại, sự chênh lệch giữa xuất nhập cảng ở một xứ chưa kịp mở mang không phải là sự mới lạ, và chỉ có thể xóa bỏ lần lần. Trong khi chờ đợi, chúng ta đương bị thời cuộc dồn vào cảnh rất khó khăn : Công việc canh tác ở nhiều nơi bị ngăn trở vì thiếu an ninh số nông dân tị nạn lên ngót 800 ngàn, hàng hóa ít so với số tiền tệ lưu hành, thị trường còn bị xáo trộn vì hoạt động của gian thương, chuyên chở gián đoạn vì giao thông bị phá hoại... Tất cả các sự kiện này đã khiến giá sinh hoạt vọt cao.

Bởi vậy, trong một giai đoạn nữa, ta không nên ngăn ngại nhập cảng : Riêng cho năm 1966, lại càng cần mua vào nhiều hơn và thật lạ, đề số cung vượt số cầu, thu hút bớt số giấy bạc, chặn đứng sự tăng giá hàng và giữ vững giá đồng bạc.

Làm thế nào đạt mục tiêu trên ? Ngoại tệ không thiếu, vì theo tin mới đây, số viện trợ thương mại sẽ được chừng 200 triệu mỹ kim, không kể hàng

chục triệu có thể thâu vào quỹ đất biệt do sự đổi đồng đô la đỏ. Ngoại tệ sở hữu dành cho nhập cảng, nếu không nhiều hơn, chắc cũng không kém số cấp trong năm 1964 (124.742.578\$ US).

Song nhiều vấn đề khác lại đặt ra, và giải pháp còn tùy ở sự cố gắng gấp bội của các cơ quan hữu quyền cùng sự hiểu biết sáng suốt của các giới trung gian và giới tiêu thụ.

xXx

Sau mười năm thử thách, và tuy đã nhiều lần sửa đổi về chi tiết, thể lệ nhập cảng nên được xét lại toàn diện để loại bỏ những nguyên nhân chậm trễ, dù liên quan đến thủ tục cấp giấy phép, thời hạn hiệu lực và giao hàng xuống tàu, mở tin dụng, chuyên chở bắt buộc bằng tàu mang hiệu kỳ Mỹ, cách thức tháo khoán và phân phối ngoại tệ cho các nhà nhập cảng, lệ cấm mua ở 19 nước trong thế giới tự do v.v... Tất cả công việc này nên giao cho một Ủy ban riêng nghiên cứu và đề nghị những sự cải cách cần thiết, và sự khó khăn đôi khi gặp ở phía nước bạn, không phải là lý do từ chối một sự tái thẩm hợp lý.

Đồng thời, các tệ đoan thường bị dư luận chỉ trích từ lâu phải giảm bớt nếu không trừ tệt chớ không thể coi mãi như truyền-thống bất-dịch, hoặc huyền-thoại làm tổn thương các giới liên hệ: thói bán lại giấy phép, lui ngày mang hàng về, giấu hàng chờ giá, và mọi hình-thức dẫu cơ khác.

Ở trường-hợp các giới hữu-trách thấy cần xét lại, xin thử nêu ra sau đây một câu hỏi, với mục-đích gợi ý hơn là đề xướng theo nhận định chủ-quan.

oOo

1/ — Từ 1957, số hãng nhập-cảng đã rút xuống vài ngàn, song không vì thế mà số giấy phép giảm đi: tổng số là 39.764 trong năm 1964, kể cả nhập-cảng với ngoại-tệ sở-hữu và nhập-cảng theo chương-trình viện-trợ thương-mại, không kể hàng ngàn hồ-sơ bị bác. Nếu số và loại hàng tăng gấp đôi, thì các cơ-quan chuyên-trách sẽ gặp nhiều nỗi khó khăn trong việc cứu xét; vậy phải tìm cách nào cho việc giấy tờ mau lẹ?

— Tăng số nhân-viên, và chịu tổn kém hơn? Ngân-sách lại đương bị thiếu hụt nhiều.

— Giảm bớt những cấp Phòng, Sở, Nha phụ-trách, vì mỗi nơi là một đoạn đường? nhưng liệu sự kiểm soát có bị lỏng lẻo hay không?

— Can thiệp với cấp hữu-quyền các nước bạn để nói rộng những điều-kiện khắt khe như lệ vận tải bằng tàu mang cờ Hoa-Kỳ. Song việc điều-định chắc không dễ và chóng, vì nhiều sự thay đổi ở lãnh-vực ngoại-viện phải do Quốc-hộ Mỹ chấp thuận.

— Hay là tăng số ngoại-tệ tối-thiểu về mỗi giấy phép, để loại bớt những vụ nhập cảng nhỏ? Nhưng nếu vậy, có

thẻ bắt mua quá số cần dùng, và áp dụng làm sao cho những nhà "trực-dụng" chỉ được mua đủ cho nhu-cầu của xí-nghiệp riêng mà thôi : không lẽ buộc phải mua ít nhất 15 000 mỹ kim dụng-cụ, khi nhà máy chỉ cần số phụ-tùng đáng giá 8.000đ.US\$?

2/ — Nếu tổng-số ngoại-tệ được cấp tăng lên gấp đôi, khi số nhà nhập-cảng đứng nguyên hoặc vì lẽ gì phải rút bớt liệu các thương-gia còn lại có thu xếp được số bạc tương-đương để mua về hai ba lần hàng hóa năm ngoái ? Chắc một số người sẽ bị lúng-túng, nếu các ngân hàng không chịu giúp thêm. Các cơ-quan tín-dụng vẫn tài trợ nhập cảng, nhưng mới cho vay trên 5 tỷ (1964) tuy còn dư chừng 5 tỷ nữa chưa dùng, chẳng hiểu họ có sẵn lòng nâng đỡ nhiều hơn không, mặc dầu phải theo một chánh-sách thậ-trọng ?

— Ở trường-hợp tư-nhân thiếu cả phương tiện, chánh-quyền không thể đứng ra nhập-cảng thay, vì trái với luật lệ hiện-hành của ngoại-viện thương-mại ; ngoại-tệ sở-hữu lại không được dôi-dào đủ sao, vẫn phải có nhiều hàng cho thị-trường. Vậy thì theo cách nào để cung cấp đầy đủ ?

Một số chuyên-viên kinh-tế đã đưa ra ý-kiến lập kho dự-trữ, mua vào để bán ra khi hàng khan-hiếm để phá vỡ mưu-toan đầu-cơ của các nhóm gian-thương.

Chánh-quyền sẽ chỉ bỏ ra một phần

ngoại-tệ riêng, còn thiếu sẽ yêu cầu cơ-quan ngoại-viện giúp đỡ. Tuy cũng là ngoại-viện, song không phải theo các thẻ lệ gò-bó của Viện-trợ Thương-mại. Thủ-tục sẽ rất giản-dị : muốn mua lúc nào thì mua, bất cứ ở đâu, chở bằng tàu không thuộc Hoa-Kỳ cũng được Sáng-kiến này rất đáng chú ý, song chắc chưa thể nhất-đán thực hiện, vì còn tùy thuộc những sự thỏa hiệp và chấp nhận song-phương giữa hai Chánh-phủ.

3) Song các phương-sách kể trên, đâu có được thi hành, cũng chưa đưa tới kết-quả mong muốn, nếu không sớm giải quyết những vấn-đề liên-hệ :

— số bến tàu và số kho chứa hàng hiện còn quá ít ; nên những công tác khuếch trương mà Bộ Công-Chánh đã dự định, cần được xúc tiến và hoàn hành sớm ngày nào hay ngày ấy. Để tránh nạn kẹt bến, liệu có thể theo phần nọ không những đề-nghị đã thấy trình

NGUYỄN - VĂN - CHÂU

ĐÓNG SÁCH VÀ MẠ CHỮ VÀNG

SẢN XUẤT :

Giấy Bông, Giấy Da và Giấy Cầm Thạch v. v. . . . Làm Đèn Giấy đủ kiểu.

59, Lê-văn-Duyệt

SAIGON

bày trong Tuần-san của Phòng Thương Mại Saigon : lập thực-khố, tổ-chức đoàn xà-lan cất hàng ở phao, cho phép tính chi-phí vào giá vốn ?

— Ở mọi ngành và khắp nơi, đều nghe tiếng than phiền khó kiếm nhân-công. Vậy nếu nhập cảng nhiều gấp bội, sẽ có đủ người khuôn vác không ? Có lẽ các cơ-quan chuyên-trách nên căn cứ vào số lượng cho phép mua, mà liệu sẵn số người dỡ hàng, cùng những biện pháp tập hợp khi cần ?

— Hệ thống và cách-thức phân phối chưa được hoàn hảo : việc mua bán xe gắn máy đã tỏ rõ nhiều khuyết điểm. Như lệ bắt buộc ráp bằng 30 0/0 bộ phận nội hóa, đã gây phản ứng bất-lợi, và nhân dịp này, một vấn-đề nữa đã nảy ra, là có nên bảo vệ những đồ chế-tạo thiếu kỹ-lưỡng và kém phẩm-chất, khiến người tiêu thụ phải dùng đồ dẽ

hư ? Hay là chỉ nâng đỡ những ngành nào đã tiến tới mức tinh-xảo tối-thiểu ?

— Nhiều khi giá hàng chỉ tăng mau vì người tiêu-thụ quá lo ngại sự khan hiếm, nên đổ xô vào mua, dù phải trả đắt. Chính tâm-trạng đó đã khuyến khích sự tích trữ đề đầu cơ. Nếu chịu nhịn còn hơn là mắc mưu, và thà không có còn hơn là bị bóc lột, thì gian thương khó có đất làm giàu, và nếu thị-trường có thiếu hàng ít lâu, giá cũng chẳng đến nỗi tăng vọt như trong năm qua. Mua vội chục hộp sữa và trà 25 đ. thay vì 17 đ. mỗi hộp, thì cũng chỉ dùng được một tuần hay mười hôm, chớ nào có trữ được lâu ? Nếu vài bà mẹ cần gấp cho nhi-dồng, thì đa số người mua giá chợ đen chỉ vì không thể nhịn « cà-fê ô lê. » Như vậy, đời sống mắc mớ vì lỗi riêng ai ?

NGUYỄN-VĂN-TU

ĐẦU NĂM MỚI VỀ

NHIỀU SÁCH HAY, GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ I. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính-trị, Triết-học, Văn-học, Khoa-học, Nghệ-thuật v. v...

● NGUYỄN-HIẾN-LÊ



WILLIAM SOMERSET MAUGHAM

(1874 - 1965)

Ông là một trong những nhà văn sáng tác nhiều nhất của thế kỷ, viết đều đều, liên tiếp sáu chục năm (tác phẩm đầu tay: *Liza of Lambeth*, xuất bản năm 1897, và tác phẩm cuối cùng: *Points of view* xuất bản vào khoảng 1959 (1)), lưu lại một sự nghiệp gồm 25 vở kịch, 30 truyện dài, 120 truyện ngắn và vài tập Cảo luận.

Có tác giả viết về nhiều loại hơn ông, chẳng hạn J. P. Sartre còn viết về triết lý; nhưng riêng về tiểu thuyết thì ai cũng phải nhận rằng ít có tài năng nào đa diện như tài năng của ông: Ông tả đời sống dân nghèo trong các ổ chuột

ở khu Lambeth tại Luân Đôn (*Liza of Lambeth*); ông chế giễu xã hội trưởng giả của Anh Mr. Craddock, *The constant wife*, *The Breadwinner*, ông mỉa mai giới văn sĩ Luân Đôn (*Cakes and ale*) ông đả đảo chiến tranh (*For services rendered*), ông tiểu thuyết hóa tiểu sử họa sĩ Gauguin (*The moon and six pence* (2)), ông viết lịch sử tiểu thuyết (*Catalina, Then and now* (3)),

(1) Chúng tôi chưa được đọc cuốn này, nhớ mãi mãi một tờ báo nào đã giới thiệu qua loa bầy, tám năm nay.

(2) Bản tiếng Pháp của Bà E.-R. Blanchet trước mang nhan đề *L'Envouté*, nay đổi lại là *La lune et soixante quinze centimes*.

(3) Bản tiếng Pháp: *Plus ça change* của nhà Plon.

viết một bản tự truyện (Of human bondage (1)), lại viết cả truyện trinh thám (Ashenden or the British agent), ghi chép cả phong tục các quần đảo Polynésie ở Thái Bình Dương (trong nhiều truyện ngắn mà nhà Arthème Fayard đã gom lại và dịch thành cuốn L'archipel aux sirènes và cuốn Le Sortilège malais)...

Bối cảnh tiểu thuyết của ông rải rác gần khắp thế giới: Từ Anh qua Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Ý, Y Pha Nho, Mỹ, Ai Cập, Mã Lai, Hương Cảng, Trung Hoa...

Tác phẩm của ông đã phong phú, đa diện mà lại được nhiều độc giả hoan nghênh nhất. Vở kịch, vở Rain (Mưa) đã được diễn trên bốn năm rưỡi lần, đã được phóng tác ra tiếng Pháp và diễn ở Ba Lê rồi đưa lên màn ảnh tám lần. Riêng ở Nữ Uớc, kịch đó được diễn liên tiếp trên hai năm, và một lần một số nhà phê bình nổi danh ở Nữ Uớc đã bầu kin đề lựa mười vở kịch hay nhất thì kịch Hamlet của Shakespeare đứng đầu sò rồi tới kịch Rain.

Truyện dài, truyện ngắn của ông đã được dịch ra mọi thứ tiếng (2) và từ trước tới nay đã bán được 80 triệu bản (theo báo Time số 24-12-65; Jean Knecht trong tuần báo Le Monde (Sélection hebdomadaire) 16 đến 22-12-65 bảo là 25 triệu, e sai), năm 1965 đã in thêm hai triệu bản; và riêng cuốn The Razor's edge, từ khi xuất bản, (1944)

tới nay đã bán được 5 triệu bản. Truyện Of Human bondage, đã ba lần đưa lên màn ảnh, lần cuối cùng vào khoảng năm kia.

Nhờ những thành công đó mà ông gây được một gia sản đồ xộ (khoảng 50 triệu quan Pháp hiện nay), vào bậc nhất trong số các nhà cầm viết chỉ thua có Tolstoi. Theo Jean Knecht thì những họa phẩm ấn tượng ông sưu trong nửa thế kỷ, đem bán đấu giá giá năm 1962 được bảy triệu quan Pháp, theo hối suất chính thức vào khoảng trăm triệu bạc.



Có lẽ vì sách ông bán chạy như vậy, ông kiếm được nhiều tiền quá như vậy, nên có kẻ đã trách ông là ham tiền

Ông đáp:

« Tiền là cái giác quan thứ sáu của con người, nhờ nó mà năm giác quan kia mới tinh nhuệ. »

(1) Bản tiếng Pháp: Servitude humaine của Bà E-R- Blanchet, bản tiếng Việt cắt bớt: Kiếp người, của Nguyễn Hiến Lê.

(2) Riêng ở nước ta, ngoài bản dịch cuốn Of human bondage: Kiếp người còn có bản dịch cuốn The painted veil: Bức màn sơn của Huyền Hà, xuất bản trước thế chiến; bản dịch cuốn Up at the villa: Cái đêm hôm ấy của Giản Chí (nhà Cảo Thơm 1961); bản dịch The Razor's Edge: Lưỡi dao cạo do sở Tu Thư bộ Quốc Gia giáo dục xuất bản. Truyện ngắn cũng đã dịch được nhiều nhưng mới đăng trên báo, chưa in thành sách.

Có người lại chê ông là chỉ biết kể chuyện, không có tư tưởng lập trường gì cả. Ông không cãi lại :

« Tôi thuộc vào cái lớp trước. Tôi không mấy ưa văn học hiện đại. Xưa kia người ta rất chú trọng tới hình thức và sự bố cục. Ngày nay, chỉ hạng văn nhân mới đề tới cái đẹp trong bút pháp. Chẳng hạn những truyện ngày nay không phải là những câu chuyện nữa, là những ấn tượng thôi. »

Ông tự nhận rằng mình chỉ là một người kể chuyện mà theo ông, thuật kể chuyện không được đưa luân lý vào, không được khen, chê, nhất là không được thuyết giáo. Không bao giờ ông có cái ý dùng nhân vật trong truyện mà đề cao đạo đức hoặc mặt sát trụ lạc.

Về truyện ngắn ông coi Guy de Maupassant là bậc thầy. Trong cuốn Points of view ông ca tụng Guy de Maupassant là viết truyện ngắn rất hay, không ai sánh kịp. Phê bình truyện La parure của Maupassant ông bảo : « ... Ta có thể đem truyện ấy ra kể trong bữa ăn hoặc trong phòng hút thuốc trên chiếc tàu và mọi người đều chăm chú nghe... Cốt truyện được mô tả một cách ngắn nhưng đầy đủ, sáng sủa. »

Ông còn khen Maupassant là có tài viết một truyện hai lần một lần dài vài trăm chữ, một lần dài vài ngàn chữ mà đọc bài thứ nhất không thấy một

chữ nào thiếu, đọc bài thứ hai không thấy một chữ nào thừa.

Cả hai thuật đo, thuật hấp dẫn và thuật thiếu không thừa, ông đã theo kịp, có khi còn vượt Maupassant : nhiều truyện ngắn của ông như Rain, The Fall of Edward Barnard (Sách dịch của Edward Barnard), Mr. Know-All (Ông 'Ái-gi-công biết', bộ cụ rất chặt chẽ, chi tiết đầy đủ dồi dào mà không rườm, hễ đã bắt đầu đọc rồi thì không thể ngừng được.

Còn một điểm nữa, người ta cũng thường trách ông : ông cũng như Maupassant, bi quan đến cái mức « cynique ». Người ta dẫn lời ông nhận xét dưới đây về một nhân vật — bác sĩ Saunders trong truyện Le fugitif — của ông đề đáp lại ông :

« Ông ta coi cái thiện cái ác cũng chỉ như trời nắng và trời mưa thôi. Cũng vậy hết, không yêu không ghét. Ông ta nhận xét chứ không mặt sát. Và chỉ cười. »

Lời trách cứ đó cũng đúng. Nhân vật chính trong truyện nào của Maugham cũng có tật xấu : giả dối, tàn nhẫn, ích kỷ, nghiêm khắc, hoặc lỗ bịch, kỳ cục.

Chẳng hạn trong truyện ngắn Rain, mục sư Davidson tự khoe mình là một người bất khuất, can đảm, rất đạo đức, hết lòng hy sinh cho Chúa và tin đồ thờ dân, ông ta lớn tiếng nói :

(1) Trong bài này, chúng tôi phải miễn cưỡng dùng một ít nhan đề Pháp vì không tra được ra nhan đề Anh.

«*Làm sao tôi có thể bảo dân tin ở Chúa được nếu chính tôi tôi không làm gương cho họ. Trong cơn nguy mà họ cho gọi thì họ biết rằng thế nào tôi cũng tôi trừ phi là một việc ngoài sức con người. Thứ nghĩ coi, Chúa có lẽ nào bỏ tôi không khi tôi làm việc cho Ngài?*»

Và trong những cơn dông tố ông thường ngồi một chiếc ca-nô đi từ đảo này qua đảo khác giữa Thái Bình Dương để cứu giúp, an ủi các con Chiên.

Nhưng con người mà ta tưởng là có thể tử về đạo, rút cuộc tự tử vì một gái điếm: ông ta bậy bạ với à Thompson rồi xấu hổ quá phải tự cắt cõ để à phải ghê tởm chửi tất cả bọn đàn ông:

— *Bọn đàn ông các người! Bày heo nhóp nhúa! thằng nào như thằng nấy. Hết thầy là đồ heo! Đồ heo!*

Maugham mĩa mai hết thầy các hạng người, không chừa một hạng nào, từ bọn buôn Chúa tới bọn trụ cột Đế quốc Anh (tức bọn quan cai trị thuộc địa của Anh), bọn văn sĩ họa sĩ chính khách, quân nhân, con buôn... Trong số cả ngàn nhân vật ông đã tạo ra, ta không gặp được một nhân vật nào dễ thương như Pierre Bekhouzov trong «*Chiến tranh và Hòa bình*» của Tolstoi, hoặc như David Copperfield của Charles Dickens.

The painted veil cũng là một truyện ngoại tình như Anna Karénine, mà Walter, người chồng bị nhục không có thái độ quân tử như Karénine, hằn lăm lì, thâm độc, tìm cách giết vợ một cách tàn nhẫn mà người vợ lại không chết và chính hắn mới chết. Sau khi chồng chết ở một miền hẻo lánh tại Trung Hoa, Kitty trở về Hương Cảng, gặp lại tình nhân cũ mà nàng đã thấy rõ thái bộ Sở Khanh bỏ đi nhưng mặc dù khinh thì khinh, nàng vẫn không chống cự lại nỗi sức quyến rũ của hắn và lại hiến thân cho hắn nữa.

Đó. Đại loại xã hội trong truyện ngắn truyện dài của Maugham là như vậy. Hình như ông không ưa gì bọn đàn ông mà cũng không có cảm tình gì với bọn đàn bà. Đàn ông thì bỏ bê vợ con, phản bội bạn bè, chỉ nghĩ tới nghệ thuật như nhân vật chính, Charles Strickland (tức Gauguin) trong truyện The moon and Six pence. Đàn bà thì chẳng biết gì tới chồng con như Julie Lambert, một đào hát năm chục tuổi tới khi bị nhân tình bỏ rơi, tìm cách trả thù, làm nhục tình địch của mình trên sân khấu La Comédienne. Hoặc họ là một quả phụ sang trọng, đứng đắn, rồi chỉ vì một đêm trăng, thất thân với một gã lang thang, gần như một tên ăn xin (Up at the villa). Hoặc họ là một con người kỳ cục như Larry trong The Razor's Edge thắc mắc đi tìm ý nghĩa của đời sống mà tìm không ra đến nỗi như quân hết cả mọi nhu cầu

trong lúc ái ân mà « y như một người bạn quá đến nỗi quên cả ăn, nhưng có ai bày những món ăn ngon ở trước mặt thì ăn ngấu ăn nghiền, ngon lành lắm ».

Trong tác phẩm của ông ta chỉ thấy một số ít nhân vật là dễ thương, nhưng những nhân vật đó hầu hết là phụ, chẳng hạn những bà phước ở Mei-tan-Phu trong *The painted veil*, hoặc gia đình Athelmy trong *Of human bondage*.

Cho nên người ta chê ông thiếu lòng trắc ẩn là phải. Đọc truyện ông, ta nhớ lại vẻ mặt của ông : nghiêm khắc, lạnh lùng, kiêu căng, mỉa mai, cay độc, trán rộng và cao, cặp mắt thì gòm gòm mà đặc biệt là cặp môi mỏng, mím chặt lại, hai mép trệ xuống.

Cặp mắt và cặp môi đó rõ là khinh đời. Cơ hồ như ông cho con người là thiếu nghị lực, bị hoàn cảnh chi phối; mà hoàn cảnh thì rất bất ngờ : hoặc là những trận mưa day dứt, ranh mãnh đều đều từng giọt đập vào căn não của ta làm cho ta hóa điên lên có những hành động bậy bạ như trong *Rain* ; hoặc là một ánh trăng huyền ảo và những tiếng nhạc du dương làm mê loạn cả ngũ quan của ta như trong *Up at the villa*, hoặc là một cái đầm trong veo, mát rượi và tịch mịch ở giữa rừng nó thu hút ta, ta rời nó không được rồi cuộc gởi xương ta ở đáy đầm, như trong *l'Étang*.

Muốn hiểu tại sao ông có nhân sinh quan chua chát đó, ta cần biết tiểu sử ông.

Ta có thể nói rằng Maugham có đủ những hạnh phúc mà một người cầm viết nào cũng ước ao. Danh vọng cũng như ai : tại biệt thự La Mauresque ở Cap-Ferrat ông đã tiếp những bực vua chúa và danh nhân như Churchill, Wells, Cocteau, quận công Windsor, vua Thụy Điển, vua Thái Lan... Giàu có thì ít nhà văn nào bằng ; mà thọ hơn cả Tolstoi (ông 91 tuổi, Tolstoi 82 tuổi). Muốn cái gì được cái nấy : muốn đi du lịch khắp thế giới thì ông đã du lịch gần khắp thế giới, chỉ trừ Nam Phi và Nam Mỹ là chưa đặt chân tới, thích chơi tranh thì tha hồ mua tranh, một bức Picasso của ông bán đấu giá được 1.200.000 quan.

Xét bề ngoài như vậy thì ai mà chẳng bảo rằng ông được Trời biệt đãi, nhưng sự thực trời cũng chẳng chiều gì ông hơn ai. Hồi nhỏ ông đã khổ sở, điều đứng, nhờ một nghị lực gan thép ông mới tự gây dựng được sự nghiệp ; và khi gây dựng được rồi, ngoài cái vui du lịch, chơi tranh, cơ hồ ông không được hưởng cái vui nào khác : gia đình lủng củng, tới phải li dị, rồi về già bất hòa với người con gái độc nhất tới nỗi cha con đưa nhau ra tòa, và mấy năm trước khi chết, vừa lòa vừa điếc, ông thường phàn nàn : « Tôi ngán cái đời này quá rồi. Tôi chỉ muốn chết thôi ! »

Ông sinh ngày 25 - 1874 ở Ba Lê. Nơi đó thân phụ ông, J. O. Maugham làm cố vấn pháp luật trong tòa đại sứ Anh. Hồi nhỏ ông học tiếng Pháp, cho nên sau này khi về Anh, ông chỉ bập bẹ được ít tiếng Anh, bị bạn bè khinh bỉ gọi là "Frenchie" thẳng nhãi con Pháp.

Mười tuổi mồ côi mẹ. Bà cụ bị bệnh lao m. cả y sĩ thời đó lại kh. yêu bà nên sách để nhiều, càng hiểu càng có lợi cho sức khỏe; và trước sự b. sanh lên tiếp năm gười con rồi thì mất. Hai năm sau, thân phụ ông cũ g. quý tiền. Thế là năm anh em ông phải về Anh, sống nhờ một ông chú hay bác làm làm mục sư ở Whitestable, miền Kent.

Ông đau khổ vì tính tình nghiêm khắc của ông chú (hay bác) đó, vì không khí lễ giáo mục sư thời đó ở Anh. Mười tám tuổi ông vào học một trường quý phái ở Canterbury, trường King's College, sống ba năm trong những phòng tối tăm của một thánh đường cũ. Ở đó người ta huấn luyện những học sinh dự bị vào các trường đại học Oxford hoặc Cambridge. Ông có tật cả làm bạn bè chế giễu; nên hóa ra l. l. ít giao du. Tật đó làm ông đau khổ tới già, ông chú muốn cho ông thành một mục sư, luôn luôn thuyết phục ông tin Chúa, thờ phụng Chúa. Nhưng tính tình ông độc lập, không chịu sự câu thúc, càng bị thuyết phục, ông càng xa đạo và sau cùng ông bỏ đạo luôn. Không những vậy, ông

còn chán các mục sư là giả đạo đức, cho nên sau này trong tác phẩm, thường mỉa mai cay độc.

Ông không vào Oxford hay Cambridge, mà xin qua Heidelberg (Đức) để học về sinh ngữ và triết lý. Được ít lâu, ông qua Ba-Lê, muốn tập nghề viết văn, nhưng ông chú ngăn cản, ép ông học Y khoa như thân phụ ông. Ông miễn cưỡng vâng lời về Luân Đôn học ở Saint Thomas's Hospital. Trong mấy năm học, ông chịu cực khổ: ăn uống thiếu thốn, không có tiền tiêu vặt, ngày nghỉ chỉ vào Viện Tàng-cổ ngắm tranh, hoặc đọc những truyện du ký để mơ mộng những phương trời xa lạ. Năm 1898 ông tốt nghiệp, được làm hội viên Hội các nhà giải phẫu và y sĩ. Nhưng ông không trị bệnh cho ai cả, chỉ muốn viết văn thôi.

Trong hồi học Y-khoa, ông tiếp xúc thường với bọn dân nghèo, sống trong những ổ chuột ở xóm Lambeth (Luân Đôn) và ông viết truyện Liza of Lambeth (1897). Ông dùng bút h. h. hiện thực bên nhọn tố cáo xã hội Anh nhưng thời đó còn là thời phong kiến lễ nghi nghiêm khắc của Nữ hoàng Victoria, nên độc giả không ưa loại truyện đó và ông ông bị chỉ trích dữ dội.

Ông không thất vọng, vẫn tiếp tục tập viết luôn trong mười năm, nhận đôi đề viết, quyết chí lập nên sự nghiệp để thiên hạ phải kính trọng mình để bù lại mặc cảm tự ti vì tật cả l. l.

Cả quãng đời đau khổ đó, sau này ông chép lại gần đúng trong truyện *Of human bondage*, chỉ thay đổi ít chi tiết. Nhân vật Philip trong chuyện chính là ông: Cũng mồ côi cha mẹ, cũng nhờ một ông bác làm mục sư, ông Carey, ở *Blacksstable* cũng vào học trường *King's Skhool* cũng có một tật, bị bạn bè chế giễu vì tật thọt chân.

Nỗi đau khổ, tủi nhục của Philip là nỗi đau khổ tủi nhục của ông.

Philip mới vô trường đứng một mình trong sân thì một đứa bạn ngó chân nó:

— « Chân trò làm sao đó ! »

Bắt giác Philip kéo bàn chân tàn tật lại, giấu nó sau chân kia »

Rồi thằng kia thỉnh linh đá mạnh vào ống chân Philip. Vì không ngờ nên Philip tránh không kịp. Nó đau điếng đi rất đôi ngạc nhiên.

« Một lát sau một đứa khác hỏi nó có chơi đánh cầu không. Nó đáp :

— Không, tôi có tật ở chân.

Đứa kia cúi xuống nhìn rồi đỏ mặt. Philip biết rằng bạn ân hận vì lỡ lời ».

(...) Từ đó Philip hóa ra dễ cảm một cách ghê gớm. Nó ráng tránh không bao giờ chạy đề người ta khỏi đề ý đến tật của nó, và nó có một thái độ đặc biệt. Thường thường nó đứng yên một chỗ, chân có tật giấu sau chân lành. Không thể nhập bọn chơi với bạn được, nó sống như lạc lõng làm khách bàng quan mà ngó hành động của bạn. Nó thấy như có một hàng rào giữa

mình và bạn ».

Cả ông Carey, cả thầy giáo của nó, sau này lớn lên, cả nhân tình của nó ở *Mildred*, tóm lại là bất kỳ ai, hệ bất bình với nó một chuyện gì là cũng đem cái tàn tật của nó ra mà làm nhục nó, và lần nào nó cũng đỏ mặt tía tai lên.

Khi cuốn *Of human bondage* được hoan nghênh nhiệt liệt, một nhà phê bình nặng lời chỉ trích *Maugham*, ông đáp :

« Nhờ tôi là một thằng tàn tật khốn nạn mà ông nói đó, nên tôi mới viết được đời nhân vật trong truyện đó. Cái tật thọt chân của nhân vật đó chính là cái tật cả lăm của tôi đấy. »

Thốt ra lời đó, giọng ông run run, ò rưng rưng nước mắt muốn phát điên lên.

Cũng như *Maugham*, Philip không chịu vào *Oxford* để sau này làm mục sư cũng qua *Heidelberg* (Đức) học trong một hai năm rồi qua *Ba-Lê* học vẽ trong vài năm nữa, sau cùng trở về Anh, học nghề Kế toán ít lâu, rồi bỏ nghề đó, vô học Y-Khoa ở trường *Saint Luke* (Luân-Đôn). Và cũng như *Maugham*, nhân vật Philip đã có hồi đói, hết nhãn tiền, không dám trở về nhà trọ, phải ngủ ở công viên và uống nước máy :

« Philip dạo trên bờ sông êm đềm và mát mẻ, phía *Chelsa Embakment*, cho tới khi mệt quá, bước không nổi nữa mới ngủ thiếp trên một cái ghế. Chàng ngủ như vậy được bao lâu ? Chàng bỗng giật mình tỉnh

dậy : một người cảnh sát đánh thức chàng bảo đi chỗ khác. Nhưng đó chỉ là giấc mộng : mở mắt ra không thấy ai cả. Như cái máy chàng lại tiếp tục dạo mát. Tới Chiswick chàng lại đánh một giấc, nhưng không lâu vì nằm ghế đau mình quá. Đêm sao mà dài thế. Chàng rùng mình. Sa đọa tới nước này ư ? Chưa xót quá ! Như mình — lúc đó Philip là sinh viên Y khoa mà phải ngủ bờ ngủ bụi ! (, . .) Chàng lại đi. Trời đã sáng. Trong cảnh tỉnh mịch, huyền ảo của bình minh con sông chảy uy nghi. Trời hôm đó sẽ đẹp, không có một gợn mây. Philip thấy mệt lắm và đói như cáo ruột, nhưng không dám ngồi sợ bị cảnh sát đuổi. Chàng muốn rửa mặt (. . .) Chàng lang thang như vậy nhiều ngày. Đói quá muốn té xỉu, không còn đủ sức để kiếm việc nữa. Gân cốt như té liệt rồi. Chàng thầm khóc, mới đầu cho vậy là xấu hổ, nhưng sau thấy nhờ khóc mà dễ chịu (. . .) Nhìn đói đã quen rồi, chàng không thấy khổ vì đói nữa mà vì mệt. Ý tự từ ám ảnh chàng và chàng rần gạt nó đi. Đêm nào chàng cũng tự hứa rằng hôm sau sẽ viết thư cho ông Nixon hoặc cho Lawson (bạn học, đề cầu cứu) nhưng rồi xấu hổ quá vì phải tự thú, chàng lại thôi, không viết. »

Chắc chắn Maugham đã dùng những kinh nghiệm của ông để viết đoạn đó. Trong mười năm tập viết, ông phải chịu cảnh cơ hàn, bạn bè, họ hàng khuyên ông bỏ nghề đó đi, trở lại nghề y sĩ, nhưng ông không nghe, kiên quyết đeo đuổi mục đích cho tới ngày thành công, năm 1907.

Thành công tới một cách rất bất ngờ

Hồi đó ông đã bỏ tiểu thuyết để viết kịch. Ông viết xong một vở kịch nhan đề là Lady Frederick. Bản thảo nằm trong ngăn kéo một ông bầu gánh hát đã mấy năm, rồi một hôm, vì một vở kịch nào đó thất bại, ông ta kiếm một kịch khác để diễn đờ, đợi ngày gặp được một kịch ấn khách hơn. Ông ta rút ra vở Lady Frederick mà ông đã đọc qua, cho là chẳng hay ho gì, may ra thì diễn tạm được ít tuần. Bất ngờ vở đó thành công rực rỡ. Khắp thành phố Luân-đôn ai cũng nói tới. Từ hồi Oscar Wilde tới nay chưa có kịch gia nào làm cho người Anh vui thích như vậy. Tên William Somerset Maugham bỗng nổi lên như cồn :

« Tức thì hết thấy các ông bầu hát ở Luân-Đôn tranh nhau xin kịch của ông (. . .) và chỉ trong có vài tuần, ba kịch của ông được đem diễn trong các rạp lớn. Tác quyền chảy vô như suối. Các nhà xuất bản xả vô xin ký giao kèo với vị thiên tài mới xuất hiện đó » () .

Hết bị sự đói rét ám ảnh rồi, ông cố hăng hái viết những hài kịch. Mrs Dot, Jack Straw Giọng ông mỗi ngày một chua chát hơn, ông mĩa mai xã hội Anh ông chế giễu tục lệ hôn nhân trong Penelope và Smith, và danh ông truyền khắp thế giới. Khi thế chiến thứ nhất sắp bùng nổ, ông cho diễn vở The Land of Promise. Ông phải qua Gia-Nã-Đại sống mấy tháng để thăm nhuần cái không khí mà ông muốn diễn trong vở kịch.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

() Dale Carnegie — Five minutes biographies — The World's work.

● **VÕ - PHIÊN**

HOẠT CẢNH II

Xe quẹo vào đường rẽ. Con đường hẹp lẩn, hai bên cây cao làm tối hẳn lại. Đoàn xe đi chậm, sát đuôi nhau. Tiếng máy vang trong rừng sâu nghe khác lạ..

Một người đàn bà òa lên khóc. Những người khác châu lại nhìn, nét mặt kỳ dị, không biết cái gì sẽ xảy đến cho mình.

Xe đi đầu dừng lại, bỡ ngỡ. Một người mặc bộ đồ trây-di, tay áo xắn lên trên cùi chỏ gầy, ở sẵn đấy từ hồi nào, quơ tay ra dấu hướng dẫn. Các xe tiến lên, ì ì, khó nhọc. Người đó là địa điểm trưởng, một địa điểm trưởng tháo vát, sốt sắng, vui vẻ.

Đàn bà xuống xe, khóc ran lên như ve kêu. Trời chạng vạng tối, giữa núi âm u, một vùng cây cối vừa đốn ngã ngổn ngang. Ba chiếc *Caterpillar* màu vàng nằm rải rác, lẩn lộn giữa đám cây hoang vu mà cuộc triệt phá còn lở dở.

Một người nào đó văng ra cục lốc :

— Tồ cha lão thôn trưởng. Nó gạt mình đi vô trong hang hoi tìm cái mả cha nó trong này.

Người địa điểm trưởng ngó qua, khái quá, ước định tình hình nhanh chóng' tiến thẳng về phía Nguyên, túm lấy cánh tay chàng, kéo đi, Hai người đi về phía trại, một nhà trại lớn, tranh lợp trên mái và cây mằm cây trĩ hây còn xanh tươi.

— Đêm nay cậu ở lại với tôi.

Nguyên vội vã :

— Xe nó quay về Pleiku liền bây giờ.

— Mai tôi có xe khác đưa cậu về. Cậu phải ở lại với tôi đêm nay. Không có không xong. Cậu là người địa phương, có cậu họ còn yên lòng. Cậu bỏ đi về ngay

lúc này, không được. Sang năm tới, nghe nói có chủ trương lấy người cùng địa phương với di dân làm địa điểm trưởng. Nghĩa là phải chuẩn bị trước vài tháng, chọn người đưa đi huấn luyện v.v. Đem vừa rồi tôi hạ ba con nai...

— Thiệt hả?... Anh đưa cả gia đình lên rồi đấy à?

— Đâu có. Nói bậy, cậu ơi. Cô y tá đó. Tôi có vợ đâu. Cậu vô đây; tôi nhờ cô tiếp chuyện...

— Địa điểm mới khai phá chừng này...

— Khá rồi đó. Từ đây đến mùa mưa, tiếp tục thêm, kịp chán. Doanh trại một cái này, thế là vừa. Đề cho đồng bào mai kia họ chia toán ra đi cắt tranh đốn cây, tự dựng nhà lấy. Cho có công việc họ làm lai rai, chờ mưa. Ngồi không, họ buồn, sinh loạn ra, khó quản trị... Cô Biện ơi, cô tiếp ông khách này, ông đem thân chủ tới cho cô...

Người địa điểm trưởng vội vàng quay ra với đám di dân.

Nửa phút sau, một người đàn ông vụt lao vào, đứng trước mặt chàng :

— Cha tôi đẻ tôi một lần, ông đẻ tôi lần nữa. Ông cho tôi trở về.

Nguyên ngàng lên và ngạc nhiên hết sức. Đây là một người còn trẻ, tên Thạch, chàng quen biết từ lâu, sao anh ta có thể bỗng chốc biến ra người khác, nói năng với chàng như ai đâu xa lạ. Chàng kêu trời :

— Anh Thạch ! Anh là cán bộ, phải gương mẫu. Anh nói gì lạ vậy, Anh về, đồng bào họ về hết, tôi ở tù liền.

Thạch buông mình xuống chiếc ghế gần đấy, mặt tái xanh.

Nguyên chợt e dè không dám nhìn thẳng vào anh ta. Chàng không biết cái gì đã xúc động anh ta đến bậc ấy, không biết trước khi lên đường anh ta tưởng tượng khung cảnh ở đây ra sao mà bây giờ thất vọng đến thế.

Cô y tá đặt chiếc đèn dầu hôi lên bàn, rồi đứng lui ra, khép nép, tránh mọi can thiệp.

Nguyên đưa bao thuốc về phía Thạch :

— Hút đi một điếu !

Thạch như không nghe. Một lát sau, Nguyên nói nhỏ :

— Anh ráng ở lại năm mươi ngày. Thấy không chịu nổi, rồi sẽ liệu xosy xở lấy.

Cô Biện nhìn lên đầu chình một lúc lâu. Xúi như vậy hèn quá, Chàng bứt rứt. Thạch vẫn cứ ngồi trên ra. Chiếc xe đầu tiên nổ máy, bật đèn sáng, chiếu lóa vào sương mù dày đặc. Đèn xe từ từ quét một vòng tròn, khó khăn. Một vòng ánh sáng, lại vòng ánh sáng... Các xe nối nhau quay đi. Thạch ngồi trên ra.

oOo

Nước lạnh thực, quá lạnh đối với ai chưa quen khí hậu ở đây. Người đàn bà xối nước đến đâu con chó run bắn lên đến đấy. Mấy lần quá mức chịu đựng nó toan chạy, nhưng người đàn bà kêu « Suyt ! Vàng ! Im », nó lại vâng lời, nằm sát bụng xuống, rên ư ử. Nó liếc quanh van nài. Mắt nó trắng xác, chỉ còn chút xiú tròn đen lẩn ở trong khe. Nó khiếp sợ quá rồi.

Người đàn bà hiểu cái khổ sở của nó, nên làm vội vã : xối nước, cào rửa, xoa xà phòng, xối nước .. Nhưng không có cách nào xong công việc nhanh chóng được : mình mẩy nó bê bết, tẻ quá. Lần đầu tiên nó đi xe hơi, nó bị nhốt cả ngày trên xe, nó bài tiết bậy bạ.

Công việc cũng bị trở ngại, trì hoãn vì người đàn ông. Ông ta đứng lom khom, hai chân dậm lại lùi xa tránh những giọt nước văng đến, khom người xuống, một tay gác sau lưng, một tay chỉ chỗ, ông ta điều khiển vợ : « Bà cho một gáo nữa tạt phía bên này. Bà coi : đã sạch đâu. Nửa đi, chưa ăn thua gì. Trời ơi, lệ tay một chút, bà coi : nó run kia... Uầy ! Còn chỗ khác nữa chứ, xoa gì xoa mãi một chỗ. Hừm ! Vàng ! Im ! »

Ngón tay của ông ta chỉ chỗ từng ly từng tý, nhưng bao giờ cũng giữ một khoảng cách không dám động tới lông ướm của con chó. Mỗi khi nước tạt đến gần, ông ta rút tay nhanh như cắt. Tiếng nói của ông hạ thấp, vừa đủ bao vây lấy người vợ mà cố ý để cho khỏi đụng chạm đến ai khác. Người vợ suốt ngày gần như lúc nào cũng ở trong cái màn lưới bao vây ràng rịt đó. Luôn luôn, bất cứ làm công việc gì, nàng cũng nghe bên tai những lời hướng dẫn, chỉ vẽ, điều khiển tỉ mỉ, thao thao bất tuyệt, canh chừng, đề phòng, gìn giữ cho mỗi cử chỉ, mỗi động tác của nàng không vượt cái mức thích đáng. Những tiếng nói hướng dẫn ấy tự nó cũng giữ đúng một mức thích đáng, không thấp quá như tỉ tê thì thầm mà cũng không cao quá, nó vừa đủ gói hai người trong một màn lưới chung.

Di nhiên là trong cái lưới chật hẹp thường xuyên có sự va chạm. Làm sao được ? họ sống gần nhau đến thế. Mỗi lúc giữa hai vợ chồng lại có một sự bất hòa, rồi thỏa thuận, lại xung đột, rồi giàn hòa.... Cứ thế mãi. Và mọi sự lục đục đều được cố gắng gói ghém trong màn lưới, không cho động chạm đến người ngoài.

Con chó được tắm rửa xong chạy lại đứng bên bếp lửa. Giữa trại có một cây đèn măng-sông kêu khò khò, nhưng một số đông vẫn vây quanh bếp lửa để sưởi ấm.

Bất ngờ, con chó rùng mình rầy mạnh một cái, nước văng tứ tung. Tiếng bắt

binh nổi lên. Con chó khiếp sợ, hạ dít xuống thấp sát đất, cúp đuôi quặp vào giữa hai chân sau, chờ đợi sự trừng phạt.

Nạn nhân bị ướt nhiều nhất là người trẻ tuổi cụt tay. Nhiều giọt nước văng cả lên mặt, văng đúng vào miệng anh ta. Sự tức giận lóe lên dữ dội trong mắt anh ta, rồi tắt đi nhanh chóng. Không phải là tắt mắt đi nhưng bị vùi giấu. Anh ta lặng lẽ lấy một mép áo chùi nước bần trên mép. Người đàn ông trông lên, bắt gặp vẻ mặt ấy, vội vã ngoảnh đầu tránh đi.

Một ông già râu cảm hoe vàng, có một búi tóc nhỏ sau đầu, nước da rám nắng, đen đui, rắn chắc, tiếp tục câu chuyện về dinh điền của ông ta: "...Ở đó ngoài ruộng lúa, thích nhất là còn làm được cá, quanh năm. Cá nước ngọt, cá đầm. Thoạt tiên đầm lầy đầy cả tranh, cao ngập, tràn lan mênh mông. Người thương du địa phương khoét đây đó một lỗ hồng nhỏ giữa tranh, câu một ít cá. Như thế thắm gì. Vả lại, cá sống dưới chân tranh thịt dờ lắm, da nó đen và dày như da heo. Sau này đi dân tới ở, nuôi trâu, cho nó xuống ven đầm đập tranh ngã rạp, lội nước ăn tranh, cho bùn đen quấy lên. Cá từ đó mập và ngon thịt. Tranh ngã rồi, chùng đó mới hạ sòng, hạ xuống xuống nước được mà làm cá, kéo lưới. Xuống nan kéo trên cỏ tranh chóng hư. Nhưng ở đây thiếu gì cây to! Hạ nó xuống làm thuyền độc mộc, tha hồ kéo lết, không sợ hư hao gì. Cá tràu bốn năm ký cũng có. to khiếp lắm. Cua đình, con ba ba đó, có những con sáu người bắt, lật ngựa không kịp, nó lôi cả sáu người nó chạy. Cá sấu, a! cá sấu vẫn câu được luôn, lột bán lấy da, mỗi con hơn bạc ngàn. Mỗi ngày làm cá được một buổi sáng cũng trên mười ký, mỗi ký cho đi bốn đồng rưỡi, ban đêm cũng chùng ấy nữa, tính đi mà coi hàng tháng mình kiếm được bao nhiêu. Chưa kể hoa màu nông sản..."

— Chỗ đó ở đâu?

— Thầm-Trạch

— Thầm-Trạch — Đâu vậy? — Gần đây không?

Không ai biết rõ. Kẻ hỏi qua người nói lại. Rốt cuộc chỉ có những chi tiết mơ hồ. Nơi đó có vùng lầy, có hồ, có con sông nghe nói chảy qua tận bên xứ Cao Mên, tận bên Biên hồ. Nghe đâu Thầm-trạch thuộc quận Lạc-thiện.

Một người thông thạo lên tiếng.

— Lạc-Thiện ở Ban-mê-Thuật. Dinh liú gì tới đây!

Ông già vẫn tiếp tục: "Qua tháng chạp, nước rút, phát tranh cho ngã xuống, đốt tranh đi. Rồi tìm theo hang cá. Cá lúc nó rút vào lỗ hang tìm nước. Bắt từng khiêng cá . . ."

— Đây đi Lạc - Thiện, lên con đường 14, đi vào, xa lắm, bốn năm trăm cây số. Dính lư gì tới đây ?

Ông già ngừng lại, chờ dẫn một lúc lâu. Sau, lại tiếp tục : « Cá sấu mắc câu, ban đêm cứ đề mắc nó, đừng vội ra bâu mà nguy. Nó kêu gào, kệt nó. Nó gào như bò rống... đêm khuya... »

Câu chuyện của ông ta không can dự gì tới vùng rừng này, nhưng đó là câu chuyện dinh điền của ông ta. Ông ta chỉ có một câu chuyện đó về dinh điền. Một đứa cháu kêu ông bằng cậu, xung phong đi cư kỳ đầu tiên, làm ăn khá giả, tết năm rồi trở về, kể lại cho người nhà nghe việc làm ăn của anh ta. Ông cậu cũng giỏi làm cá, nghe chuyện thích ý, kỳ này ông ta ghi tên đi cư. Trong trí ông ta dinh điền chỉ có một chữ, một nghĩa, gọi lên một khung cảnh. Ông ta không có một ý niệm gì về hình thể nước nhà. Ông ta không tưởng tượng được rằng chỗ ông ta đến đây với chỗ đứa cháu cách xa như vậy, khác biệt nhau. Mỗi năm di dân chở lên cao nguyên rải rác đôi ba mươi địa điểm, càng ngày càng xa nhau. Ba năm rồi, ông ta làm sao đến chỗ đứa cháu cho được.

Tuy nhiên, đêm nay ông ta vẫn còn nói về trâu, cá, vùng lầy Thầm - trạch, và tranh.

Cả chó cả chủ bị đuổi ra xa bếp lửa, nhưng người chủ tìm được mấy người nghe chuyện chó. Họ nghe, cười, vui vẻ, không nghiêm khắc ghét bỏ đối với con chó nữa : « Mấy ông để ý coi, con chó nó biểu lộ tình cảm bằng cái đuôi. Khi mừng nó đánh đuôi rộng vòng, nó quơ đuôi có vẻ huyênh hoang. Khi sợ hãi, lo lắng nó quơ đuôi nhanh, rối rít, mà hẹp vòng, coi bộ tíu tit. À, này : mừng rõ thì nó quơ đuôi cao, lo lắng nó quơ đuôi thấp xuống ; khi nào sợ hãi quá nó quơ sát đất, giữ riết lấy đất, che lấy đất. Mình để ý cái đuôi nó, ít lâu quen đi, mình thấy nó diễn tả rõ ràng lắm, cũng như trông qua vẻ mặt con người. Người ta biểu lộ bằng con mắt, nét mặt ; chó, bằng cái đuôi. Chỉ có cái đuôi chó mà thôi, không phải con vật nào có đuôi cũng vậy đâu. Con bò, con ngựa, con mèo đuôi chúng nó ngờ nghệch, khờ khạo, cầm điếc, có biểu lộ gì đâu . . . Con heo, vâng, bà nói con heo, tôi đồng ý phần nào. Con heo khi ăn ngon, cái đuôi nó có tỏ ra sung sướng. Nhưng còn các tình cảm khác ? Nghèo lắm... »

— Đuôi chó là nhất.

— Không sao ? Cái đất của nó cũng hay nữa...

— A !

— Khi mừng rõ, nó cao đất. Khi lo sợ, nó hạ xuống. Sợ quá thì

nó hạ thấp, lết dít sát đất, nó không đi, nó bò tới, trườn tới..

— Từ nãy giờ chỉ nghe ông nói có mừng với sợ. Chớ như vậy...cũng «nghèo» lắm.

— Nó thông minh chứ. Ông đề ý coi: khi nào nó vừa làm cái gì bậy, mình gọi nó, nó nằm xuống sát đất, vừa lết tới vừa rên ư ử, như van nài, năn nỉ. Nếu xem chừng được tha thứ, không bị đánh, nó rúc đầu vào lòng mình, nó nịnh nọt. Nghe tiếng gọi của mình, nó biết phân biệt chuyện lành chuyện dữ, lúc giận lúc vui. Ngay đến con người ta, cũng phải là người tinh ý mới nhận được...

— Ông nói một hồi, chớ với người lẫn lộn hết.

Ông già Năm, có vợ nhỏ, đã men men đến bên cạnh ông già có cháu ở Ban-mê thuật. Xung quanh hai người, kẻ khác tản dần ra.

Khi mở sợi dây buộc, lấy ra tấm vật giường, rút ra chiếc chiếu, cái chăn, trải ra đất để đặt một đũa bé nằm xuống ngủ, các người đàn bà lại sụt sịt khóc. Những cái ấy động tới là nhớ nhà nhưc nhối không chịu được. Như động tới nước là lạnh.

Bên ngoài trại, sương muối xuống trắng xóa.



Sau bữa ăn, người con trai đi lảng một mình ra ngoài trại. Thờ thần một lúc gần đó, rồi đi lẩn ra xa. Anh ta ngồi xuống một gốc cây. Lúc sau buồn buồn, anh ta rờ rẫm vỏ cây, lượm mấy miếng dăm đưa lên mũi ngửi, cúi xuống nhìn kỹ khúc gỗ và đoán chắc mình đang ngồi trên một gốc cây.

Tại sao chưa thấy người con gái đến tìm? Để có tới hai mươi phút, anh ta ngồi một mình, ngoài sương. «Còn làm cái quái gì trong đó? Chén rửa rồi, đĩa bát cất rồi... nó còn ở làm gì trong đó?» Mỗi lúc con giận mỗi lớn lên.

Anh ta không hẹn, lén đi không báo trước, nhưng yên trí là người con gái sẽ phải tìm đến với anh. Họ vẫn lặng lẽ tìm nhau tách khỏi mọi người như thế, không cần ai nói với ai, rủ rê ai. Sự chằm trể của người con gái ám anh ta hờn giận. Anh ta muốn đứng dậy bỏ đi xa tận cuối khoảnh đất trống, đến trèo lên chiếc xe ủi đất đằng kia mà ngồi ẩn trong đó. Như thế cho bỏ ghét. Người con gái sẽ lạc trong sương mù, lo sợ, khắc khoải, mà không dám gọi kêu.

... Một năm rưỡi trước đây, một hôm người con trai tát nước ngoài đồng, miếng cỏ lát trên cái bờ con mới đắp dưới chân sụt thình lình, anh ta ngã chúⁱ

xuống sông nước. Cây nọc tre xóc vào dạ dưới, làm rách bàng quang. Y tá xā băng bó, rồi kêu là bị " hư đường tiểu ", phải đưa gấp đi bệnh viện tỉnh. Gia đình anh ta đâu còn có ai ; đưa em gái con ông chú theo anh để săn sóc.

Bệnh viện tỉnh gồm mấy dãy nhà lợp tôn, xây cất trên những nền xi măng cũ đã lở lói. Trên nền ấy, trước chiến tranh, là những tòa nhà kiên cố gồm thành một khu bệnh viện đầy đủ tiện nghi . Hai anh em vào đến đây lúc một giờ chiều ngày chủ nhật, ngỡ ngác trước quang cảnh vắng vẻ. Một người con gái xinh xinh từ trong một căn phòng mở cửa bước ra, trông thấy, tiến đến nhìn nạn nhân nhắm nghiền mắt được khiêng trên một chiếc võng. Người con gái vội vã xô cửa vào phòng. Lát sau, một ông cụ già mặc pi-gia-ma mang dép Nhật bước ra. Đó là bác sỹ giám đốc bệnh viện.

Ở phòng giải phẫu ra, bệnh nhân được đưa về một gian phòng có ba mươi lăm giường bệnh. Theo chiếc băng ca đưa anh vào đó, thoát tiên cô em gái trông thấy ngay một bệnh nhân đã già, gầy còm, gia đùn lại nhiều chỗ và sạm đen, đứng trần truồng, quay mặt vào vách, để yên cho một người đàn bà có lẽ là vợ ông ta dùng khăn lông ướt lau cẩn thận khắp người. Cảnh ấy diễn ra trước sự thản nhiên của mọi người.

Khi các y công chuyển bệnh nhân từ băng - ca sang giường thì cô em gái nhận thấy rằng dưới tấm chăn anh mình cũng lỏa lồ. Một ống cao su nhỏ hơn ngón tay út chuyển nước tiểu từ bàng quang xuống một chiếc hũ nhỏ treo lưng láng bên giường. Trong cả phòng bệnh chuyên về khoa tiết niệu này, hầu hết mỗi bệnh nhân đều có một chiếc hũ như thế bên giường. Và sau cuộc giải phẫu ai nấy đều lỏa lồ phần dưới. Bệnh nhân thêm thiếp mắt vài ngày vì thuốc mê, rồi trong tuần lễ sau đó vẫn cần người đỡ trong những nhu cầu bản thiêu.

Anh con trai nằm ở bệnh viện hơn ba tháng, chịu hai lần giải phẫu. Từ nhà ra đi cô em gái không tưởng tượng được rằng việc săn sóc bắt buộc một sự tiếp xúc tối cận với thân thể của bệnh nhân như vậy. Ba tháng trời gồm những ôm đỡ bằng bế, những lau rửa khắp các chỗ kín, những nưng niu đêm ngày...

... Cô em nhớ tới cặp mắt của người con gái nọ đã nhìn nàng khi nàng vừa đưa anh vào đến nhà thương. Người con gái mà sau này nàng biết không phải là một y tá trực. Đó là cô con gái bác sỹ giám đốc. Cô gái nề nếp ấy nhìn nàng ngạc nhiên, thương hại. Nghĩ đến cô gái ấy, nàng khó chịu gợn gợn, có cảm tưởng mình làm lỗi. Nàng cố ý lánh mặt, để không bao giờ gặp lại cô ta.

Còn những người khác trong phòng — bệnh nhân và người nuôi bệnh — khi đã biết mối liên hệ giữa hai anh em, đều ái ngại. Nhưng tất cả ở đây đều

là dân nghèo, dân làm ăn như nhau, ai nấy thông cảm những cảnh ngộ ngặt nghèo. Và thực ra lắm khi đạo lý cũng không được tôn kính đúng mức. Nhiều lần, có những người đàn bà nói xa gần, trêu đùa nàng. Như thế, nàng cảm thấy như được tha thứ, khuyến khích.

Nhưng người con trai thì không. Anh ta không đầu hàng cảnh ngộ dễ dàng. Anh ta cự nự, phản kháng. Anh ta muốn phản trần, muốn cải chính, muốn đánh bạt mọi ý nghĩ xấu trong đầu óc mọi người xung quanh. Anh sai bảo đồng dục, xưng hô mày tao với đứa em. Cô em gái thấy rõ người anh nghiêm khắc, rắn rỏi hơn bao giờ hết. Tuy nhiên cô ta cũng thấy mỗi lần đụng chạm anh ta mềm nhũn và run lên trong tay mình. Cô ta biết chắc hơn ai hết những gì sẽ đến cho cả hai người.

Sau ba tháng rưỡi, người con trai lành bệnh, họ trở về làng, nhưng họ không thể tiếp tục sống trong làng nữa. Và bây giờ, mặc dù đã ra đi xa làng cũ ba trăm cây số rồi, anh con trai vẫn cứ e thẹn, mập mờ. Anh ta vẫn tiếp tục cự nự, chống lại cảnh ngộ...

... Con giận ùn ùn bốc lên. Anh tưởng tượng mình đứng lên rời bỏ gốc cây, tiến xa về phía chân rừng. Như thế nguy hiểm, anh biết, Ở đây, thú dữ có thể quanh quẩn sát trại. Nhưng thú dữ, cọp beo hãy cứ vồ anh, xoi thịt anh. Anh không cần. Đề cho người con gái tha hồ ân hận về sự hờ hững vô tình của cô ta lúc này. Cô ta phải khổ sở, thật khổ sở mới đáng. Phải thất tha thất thểu tìm kiếm, lo sợ, hãi hùng...

Những ý nghĩ tàn bạo làm cho anh thỏa mãn một cách đau đớn. Và sự tàn bạo như lửa thêm dầu vào cơn tức giận.

Có tiếng chân khua động sau lưng. Anh quay đầu. Người con gái đứng lại. Anh tiến đến gần. Người con gái đề một tay lên ngực, thì thào :

— Anh đó hả ? Trời, em hết hồn.

Anh con trai không nói. Người em hiểu ý liền :

— Em tìm từ hồi nào đến giờ. Trời ơi, xừ gì mà sương xuống dày đặc, cách ba thước không trông thấy gì hết. Em tưởng chuyến này lạc vô rừng, cọp tha rồi...

Anh con trai lầu nhàu gì trong mồm. Họ trở lại cùng ngồi xuống một gốc cây cày.

Từ phía trại có tiếng vọng ra :

« Hồ nô đã biết đường xa thăm,

Lâu la tua nổi gót lùn dò (nghe)

(Ấy ấy) Chớ ngại ngùng núi rậm hang sâu

Miền thoát dặng dây oan lưới họa...

(Hà à!) Thoát dặng dây oan lưới họa

Bước gập ghềnh điu dờ theo nhau »

Người con gái :

— Lại hát. Đêm nào ông cũng hát... Còn chỗ cho anh ngồi không ? Cái gốc cây búa chặt lăm nhăm quá.

Nhiều sợi tóc cứng của cô ta quệt lên cằm và mép anh con trai. Hồng cô gái ấn vào hông anh. Anh nói :

— Tuồng Tiết Cương chống búa hoại. Hôm nào cũng Tiết Cương chống búa.

Hm...

Một ý nghĩ lòng lộn dử dội trong đầu óc anh : "Nó chắc nịch ! Nóng hổi và chắc nịch !"

Một đoàn tớ trước thày sau

Chim kêu vượn hú thêm đau đớn lòng.

— Tiết Cương chống búa hả anh ?

— Hùm ! («Nó nóng hổi», người con trai vẫn ngồi cứng ngắt, khốn khổ) :

Lao xao sóng vỗ cội tùng

Gian nan là nợ anh hùng phải vay.

— Anh không có thuốc đề hức ? Chưa lấy gói thuốc trong va-li ra sao ?

Người con gái cho tay vào túi bên này của anh, rồi ngả người lên mình anh, chồm sang tìm kiếm trong túi áo bên kia. Lưng nó áp vào ngực anh, nóng hổi.

oOo

Vào khoảng hơn một giờ sáng, Nguyên chợt thức giấc. Chàng khát nước, trong bữa cơm tối, người địa điền trưởng ép chàng tới hai chén rượu thuốc. Thịt nai được chia khắp mọi người, cả di dân. Ăn xong, Nguyên ngủ vùi. Lúc chàng chợt tỉnh, đèn măng-sông đã tắt từ hồi nào. Hai ngọn đèn dầu lửa nhỏ chong ở đầu và cuối trại. Trại sáng lò mờ.

Nguyên lắng nghe như có tiếng nước xối đều đều ở xa. Một ngọn suối đâu đây ? Có tiếng gì như tiếng trống đánh bập bùng, xa lắm. Một vật gì rơi chạm vào mặt thùng phuy rỗng. Có tiếng gì như hai thanh gỗ đập vào nhau, lại có tiếng gì như ai mở một chai rượu vang, xa xa... Những tiếng động bất thường mỗi lúc mỗi có, không ngừng.

Nguyên nhận thấy ngay cạnh nơi chàng nằm có cái bàn con trên để bình nước và chén. Chàng xách thử chiếc bình. May quá, còn nước. Chàng rót ra, uống vài hớp. Lạnh ngắt và đắng nghét : trà chế đậm quá. Chàng chịu, không thể tiếp tục uống hết.

Nằm yên trở lại một lúc, chợt Nguyên đề ý, nhận ra rằng tiếng kêu vừa rồi không phải là nước sôi, đó chỉ là tiếng ngáy của một người, có lẽ của nhiều người hợp lại. Người nằm ngòn ngang la liệt, cách chàng một vách ngăn chỉ có cây màn cây trỉ mà chưa kịp trét đất cho kín. Ngay dưới ngọn đèn chong, một đứa bé vừa thức húc đầu vào ngực mẹ, ngọ nguậy. Người mẹ gối đầu lên chiếc tráp gỗ. Gối như thế vừa cao quá vừa đau đầu, nhưng có lẽ bà để phòng kẻ cắp. Ở góc kia có cái gì lờm cờm ? A ! con chó... Bấy nhiêu con người la liệt. Ngày mai thức dậy, họ lại mở mắt hoang mang. Hơn 128 nghìn di dân ; đến cuối năm ngoái đã có 128.374 người như thế, 25 nghìn gia đình. Thành tích đó đã được trình bày bằng thông điệp trước quốc hội. Thành tích chỉ kể 48 nghìn mẫu đất được khai phá. Vị lãnh tụ không nói đến những gì khác, phiền toái hơn. 128 374 người này, kể được đưa tới những địa điểm chọn lựa để trồng trọt, mở mang kinh tế ; họ sẽ thành công, no ấm, giàu có. Nhưng còn những kẻ khác, tới những địa điểm chọn lựa vì lý do quân sự ? Sự có mặt của họ sẽ hữu ích : họ bành trướng khai khẩn lần hồi các vùng rừng núi hẻo lánh, biến thành những nơi đông đảo tập nập, xua đuổi các sào huyệt cộng sản ; họ sẽ canh giữ cương giới nước nhà, không để cho cái nước láng giềng kiếm chuyện cãi vã mãi về lần ranh bất phân ở cõi hoang địa không người... Chính phủ có lý do để rải họ đây đó trên đất này. Nhưng những địa điểm cần thiết ấy lại nghèo nàn. Mai sau số phận họ sẽ ra sao ? Không thông điệp nào đề cập tới. Không hội nghị nào bàn cãi tới. Không ai nêu chuyện đó ra. Họ, những kẻ ra đi, không nghe nói tới bao giờ. Mà chính họ nữa, họ cũng rắc rối hết sức : kẻ ra đi vì một mối tình, người ra đi vì một mối thù... Rồi từng người, từng địa điểm sẽ ra sao ? Nguyên tự thấy kẹt giữa cái ý định không tiện giải bày phân trần của người lãnh tụ và những phức tạp phiền toái của quần chúng di dân. Cái ý định đặt người chủ trương vào một hoàn cảnh khó khăn phải che giấu. Chàng lè loi giữa cái như là tội lỗi của bên này và những lầm lỗi của bên kia. Chọn lựa người đi thế này không tệ quá sao ?

84 địa điểm kết thúc thành tích năm ngoái. Đến giờ phút này, số người có lẽ đã trên trăm rưỡi nghìn, số địa điểm có lẽ ngót một trăm. Nơi chàng đưa người đến hôm nay đây là thế nào ? Được chọn vì lý do kinh tế hay vì lý do quốc phòng ? Tương lai có chỗ ấm u, bối rối.

...Ở chỗ góc trại, tối lơ mờ, con chó chồm tới chồm lui như giỡn với cái

bóng. « Mọi người đều mê, một mình ta tỉnh », con chó cô độc, Nguyên trầm nghĩ. Nhưng chàng chợt thấy nó bị một bàn chân đá vào mõm. Con chó ngừng lại, ngồi yên, nhìn chăm chú. Hai người chủ của nó trùm kín mền, ôm siết nhau, quần quai trong sự thân thiết tận cùng. Đêm đầu tiên lạc loài đến chỗ xa lạ lạnh lẽo này... chỉ có bằng cách ấy, họ mới tránh nỗi sợ xót xa cồn cào vì nhớ nhà cửa xóm làng, sự lo hãi hoang mang về ngày mai mờ mịt. Người chồng cúi đầu húc xuống cõ vợ. Con chó nhìn theo đồng chần mèm lúc nhúc cử động. Nó ngạc nhiên, lại đưa chân khoèo thử, ban đầu rụt rè...

Nguyên sực nhớ đến đôi anh em khốn khổ. Chàng đảo mắt tìm. Không thể nào phân biệt được họ trong đám người ngồn ngàng lộn xộn.

Hồi lâu, Nguyên buồn ngủ. Chàng toan khép mắt thì một lần ánh sáng vụt di động làm chàng chú ý. Một người ngồi yên không biết từ lúc nào ở một góc trại khác vừa mới vớt mầu thuốc hút còn thừa. Trong cử chỉ anh ta sửa soạn đề ngả mình nằm xuống, chàng nhận ra người ấy tỉn tật, cụt tay.

VÕ PHIẾN

(trích Về đầu)

SÁCH THỜI MỚI

Phát hành đầu xuân :

★ **QUAY TRONG GIÓ LỐC**

Tập truyện ngắn của Lê-tất-Điêu

44 đ.

● **TẬP BÚT I và II**

tiểu luận văn học của Võ-Phiến

60 đ.

● **THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM**

tập truyện ngắn của Võ-Phiến

phụ bản của Phạm-Tăng (in lần thứ hai)

Một tặng phẩm trang nhã và có ý nghĩa sâu xa.

42 đ.

Đang in :

— **DỊCH HẠCH** của Albert Camus do Hoàng-văn-Đức dịch.

— **KỶ NGUYÊN NGỜ-VỰC** của Nathalie Sarraute do Lương-Ngọc dịch

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Hoạt cảnh II » của Võ Phiến đăng trên BK.TĐ số 217 (số trước đây) chúng tôi có sơ xuất trước khi lên khuôn bỏ sót mất 3 trang giữa các trang 157 và 158. Chúng tôi xin đăng lại 3 trang tiếp theo đây (trang 61, 62, 63) đánh số 157a, 157b, 157c để bạn đọc tiện cắt ra và dán vào giữa 2 trang nói trên trong số BK. TĐ. 217 số 100 năm báo chí V.N.

Chúng tôi xin chân thành cáo lỗi cùng bạn Võ-Phiến và quý vị độc giả.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Noro dom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

— Người Thượng hết ?

— Thượng ở hết. Mọi trên đây, coi khéo lắm ông ơi. Mọi Vân-Canh Vinh Thanh còn coi xấu xí, chứ ở trên này coi đũa nào đũa nấy nở nang, tốt con lắm.

— Đắt tốt người cũng tốt ra. Gõ vẩy mới đũa đồng bào ở dưới kia lên đây.

— Hai năm nay tôi thấy ông đi luôn. Chuyến nào cũng ông hả? Trờ lại chuyện đàn bà đẻ. Ông còn nhớ hôm có người đẻ ngay tại phòng ông quận Hòa qui đó không ?

— Năm ngoái hả.

— Phải rồi, năm ngoái.

— Có nghe nói, nhưng tôi không đi tới quận. Ở quận cứ người đưa đồng bào về. Tôi đưa từ tỉnh đi.

— Hôm đó, tôi gặp xui đủ thứ, ông ơi. Xe tới quận từ hồi năm giờ sáng. Đồ đạc vừa chất lên, bà nọ phát đau bụng. Đau bụng đẻ rõ ràng mà ông quận cứ kêu không phải, bảo chờ bà nọ dứt cơn lên xe đi. Chờ hoài chờ mãi. Càng chờ càng đau. Sau cùng, đến khi bà ta vỡ đầu ối ra, quận mới chịu cho xe chạy và đi kêu cô mụ...

— Quận muốn đưa bà nọ ra cho khỏi...

— Tôi biết lắm mà. Gia đình ấy bán cái nhà được trăm rưởi bạc. Cái nhà trăm rưởi, vậy mới thăm chớ. Hai vợ chồng, hai đứa con nhỏ rồi, lại đẻ thêm đứa nữa, mà trong tay chỉ có tất cả trăm rưởi bạc. Khổ cho ông quận lắm đa ! Ông muốn đưa cái gánh nặng đó về tỉnh...

— Nhưng trước khi tới...

— Phước nhà bà đó còn khá. Chuyến đó mà bà ta bước lên xe thì nguy đa. Ông biết không ? Xe vừa ra khỏi quận bốn cây số thì sụp mẹ nó ở cầu Đình. Cái cầu sập tre ọp ẹp quá, đã cho hành khách xuống xe hết mà chịu cũng không nổi. Gãy bộ nhịp, bẻ đứt xe .. Từ chỗ sụp xe ra tới quốc lộ non mười cây số... Tôi muốn khóc bừa đó...

— Bác có biết cái bà đẻ có phước đó rồi ra sao không ?

— Không.

— Đẻ ra, con chết. Mẹ, sản hậu, rồi cũng chết luôn.

— Tại quận đó hả ?

— Chớ còn tại đâu. Chuyến đi đó là chuyến chót năm ngoái. Hết chuyến đó là hết rồi. Nhà bán mất, cha con ông đó biết về đâu. Thành thử ông quận Hòa Qui ngồi họ gần một năm. Họ mới đi chuyến đầu năm nay.

— Cũng ngặt chứ, ông.

— Ngặt chứ. Nhất là ông quận phải chạy tiền đủ cách. Làm gì có khoản đãi thọ cho gia đình di dân ăn năm cả năm tại quận !

— Hi. l. l. Chỗ queo này đây. Không biết hôm xe trượt tháng trước ông ngồi xe nào ?

— Đúng trên cái xe ấy đấy.

— Thằng Tư Quang, thằng đó tay lái nó vững lắm a !

— Nhưng anh ấy không bình tĩnh đâu nhé. Hôm đó tôi ngồi sát cửa ca-bin, cũng như hôm nay. Đang đi số hai, xe mất trớn, i ạch tiến không nổi, dốc đứng quá, anh ta bỏ xuống số một. Âm-bai-da không ăn. Tuột gai nghe rẹt rẹt. Xe bắt đầu trượt. Tôi trông thấy anh Tư anh ấy quỳnh lên, mặt cắt không còn hột máu. Tay anh ấy luống cuống. Hành khách ai nấy đều thấy rõ. Họ la um lên : « Chết ! Chết ! » Nghe kêu đánh ầm một tiếng tôi tưởng chết thiệt rồi, không ngờ may quá. Theo tôi hôm đó là hoàn toàn nhờ may. Đít xe tông vào tảng đá đó là cái may vậy thôi, không phải do anh Tư cố ý lái đâu. Tôi biết anh Tư thất thần rồi.

— Vậy mà hè hội cũng ngót tiếng rười đồng hồ mới đi được...

— Hôm đó rớt xuống hố thì là bốn mươi sáu mạng.

— Buồn cười là xe cứ nổ máy rồi tắt. Xúm nhau tháo mở trước máy, coi bơm xăng, lọc xăng v.v... Không thấy có gì cả. Tức muốn chết. Rớt cuộc coi lại vì cái ống khói xe bị bẹp trít lại không có lối cho thoát ra... Dạ vâng. Thành thử xe bệnh sau khu mà cứ chữa trước đầu...

— Hôm đó, lên tới nơi rồi các bác quay về liền...

— Về liền. Đi đêm. Ủa ! chuyển về không có ông sao ?

— Đầu đó. Đêm đó tôi khờ tới chết...

— Lướt về bọn tôi gặp may. Xò đèo gần hết rồi, xuống tới Vinh Thanh lại cán được một đàn heo rừng...

— Vậy hả ?

— Ba con : một mẹ, hai con. Còn bao nhiêu nó kêu eng éc chạy lung tung, mình không làm gì được.

— Vậy hả ? Còn tôi, đêm đó tôi cũng bị kẹt, một mẹ hai con ! Lên gần tới Pleipiom I thì một bà chữa ốm bụng kêu đau. Hỏi mấy tháng bảo mới có bảy tháng rưỡi. Tôi ngờ bị tai nạn xe vừa rồi động thai, không khéo có thể nguy. Nhờ mấy người đàn bà trong xe coi giùm cho, ai cũng nói chưa đẻ

được. Vậy mà tới Pleiku xe vừa ngừng là đứa con tuột ra. Không kịp tới nhà thương. Chao ! từ bé tới lớn tôi chưa biết lo việc đàn bà đẻ bao giờ. Mà sau này vợ mình sinh nở cũng chưa chắc mình cực như vậy...

— Bà đó có chồng chớ ?

— Trời. Từ cha sanh mẹ đẻ ông ấy mới ra khỏi làng lần đầu tiên. Lên đây ông ấy biết đâu xoay xử. Tới chừng bà vợ được đưa vô nằm nhà thương rồi, ông ấy theo niu tay tôi, nói : « Tôi với một vợ và hai đứa con phải ở lại đây ít ra là mười lăm ngày. Hiện trong túi chỉ có tám chục đồng. Tôi chạy được cho ông ta một bao gạo...

— Minh quanh đi quanh lại, toàn gặp chuyện đàn bà đẻ !

— Hi. ì. Nè, gần tới Plei-piom I rồi.

— Chỗ này hồi trước người ta kêu Trà-dôm. Tôi chạy xe đường này cũng nhiều.

— Trà-dôm ?

— Trà-dôm thôi. Không có một, hai, gì hết. Đặt ra Plei-piom I, Plei-piom II là tại mấy ông dinh điền. Pleiku, thiệt ra người mình gọi là Trà-cu.

Không có tiếng Nguyễn đáp lại. Một người di dân già ngồi gần bên xen vào :

— Ông nói phải. Plei là Tây nó nói. Còn người mình vẫn kêu là Trà. Trà-cu, Trà - dôm.

Nguyễn bảo :

— Không phải Tây đâu. Tiếng thượng du hình như Plei có nghĩa là làng đó.

— Làng Cu. Làng Dôm ? Dôm là chữ Piom đọc trạnh ra. Mỗi ngày mỗi sai lạc hết. Sau này đổ ai biết...

Người tài xế :

— Ở Quảng Ngãi có chỗ Trà Bồng, cũng thượng du. Trước, có ai kêu Plei bồng không.

— Ừ. Không biết. Có lẽ mỗi nơi một khác...

Một lúc sau, người di dân già lên tiếng :

— Ra đi cả gia đình chỉ có tám chục đồng. Tệ thiệt. Xã tôi kỳ này đi một trăm bốn mươi ba người cả thầy. Các tài hào góp được hăm ba ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng, tặng di dân. Tính chia đều mỗi đầu người cũng trên trăm sáu bạc. Thưa ông đoàn trưởng, có lẽ xã tôi khá hơn hết đấy...

— Vâng.

Người tài xế :

Thơ họa bài «**XUÂN DU THỦ ĐỊA...**»

của thi sĩ **ĐÔNG HỒ**

Thơ HƯ CHU

Vó ngựa về đâu lừa nghẽn đường
Nào ai nhật thúy để tìm phường
Đồng khô vương giả thương chòm xóm
Gối mối đông quân ngại phố phường
Đành nhẽ thêm buồn hoa tiếc cỏ
Thôi thì hãy lấy khói làm hương
Chiều nay rượu đục say mềm chén
Cho biết lòng xuân cũng chiến trường

HƯ - CHU

Thơ BÌNH-HÀNH

Xuân mộng đào nguyên lạ bước đường
Lối mòn dẫm úa kẻ hồi phường
Sắc hoa không động cuồng thi khách
Vó ngựa sao thù Ngu mỹ nương
Lá đại không thơm lòng dặng tử
Nhạc hoang còn át giọng Nghê Thường
Muốn dài túy mộng không người chuốc
Chợt tỉnh nghe thềm hơi Giáng Hương

BÌNH - HÀNH

THƠ GIẢN CHI

Nắng dãi thiều quang đẹp nẻo đường,
Tắc riêng dư từ ý tằm phương
Gấm thêu sẵn đó thơ đầy túi,
Lan chỉ tìm đâu cỏ ngát hương?
Khiên hững lu trầm may khói đượm
Tương tư lối bướm lạc canh trường.
Ngành trông vườn Bắc muôn trùng khói
Thêm xót xa gầy mấy giậu sương.

GIẢN CHI

THƠ BÙI-KHÁNH-ĐÀN

Thời khắc già theo mỗi bước đường
Xuân nào rồi hẹn sử lưu phương?
Bút nghiên tạm khuất vòng dâu bể
Hoa thảo xin đành nghiệp gió sương
Mộng ấy chưa phai hồn nguyệt cũ
Đàn ai sao rộn ý đêm trường
Tâm tư đọng mãi trên dòng chữ
Dị khách tàn niên hựu dị hương (1)

BÙI-KHÁNH-ĐÀN

(1) Khách lạ, năm tàn, lại ở đất Khách.

THÚ VỚI MÙA XUÂN

lời ru mẹ tan tành theo súng đạn
ôi quê hương xơ xác lũy tre buồn
khói lửa đã hun vàng bao nếp trán
tôi nhọc nhằn lớn dậy nỗi bi thương

mùa xuân đến dừng đứng niềm mới lạ
cha âm thầm năm xuống mỗi bữa khoản
tình đất đủ làm xanh tươi sắc lá
nhưng mẹ hiền mắt đỏ nỗi ăn năn

loài cỏ mọn mượt vòng tay cao vọng
đã cong đi nỗi sợ súng tham tàn
hoa muốn nở nhưng bom còn chuyền động
xuân cũng ngập ngừng đôi cánh mệnh mang

tôi thầm hẹn thấp tình lên đất chết
cho cây xanh lá biếc lại quê nghèo
nhưng nhỏ bé trong vô cùng mỗi một
nên đành lòng mặc lũ gió mang theo

nhìn thấy mùa xuân tan tành xứ sở
máu nhục nhằn chua sót chảy trong tôi
con bất lực xin mẹ hiền tha thứ
em nữ nào buông lời nói xa xôi

THÀNH TÔN
(thấp tình)

Hôn nhân dị chủng

(Xin xem BK DT từ số 215, 216)

Về phương diện tình cảm :

Sống trong hoàn cảnh và điều kiện xã hội như vậy, với một căn bản giáo dục chưa đủ dùng làm vốn, làm lợi khí để chống lại mọi cám dỗ của chốn phù hoa nước giàu, người xinh, vật đẹp, thì vấn đề tình cảm đối với những người ôm nổi khồ ly hương cũng là vấn đề then chốt. Chỉ có một lý do nào đó cũng đủ làm cơn gió lốc đầy người ta ngã qua làn nước nên hư chỉ được ngăn cách bằng sợi tóc sợi tơ.

Những thanh niên sang đây khi còn nhỏ dại hoặc được sanh trưởng bên này, như bạn đã biết, các cậu không sành hoặc có khi không biết tiếng mẹ thì việc đi đến kết thân với thiếu nữ Việt để nói chuyện tâm tình không phải dễ dàng ; vì còn gì lỗ bịch cho bằng hai người Việt mà nói chuyện ấy với nhau bằng ngoại ngữ ?

Những thiếu nữ có thể hợp với số thanh niên nói trên, chính là những cô cùng trong trường hợp và hoàn cảnh của các cậu. Nhưng khi quyết định việc quan trọng cho đời mình người ta cân nhắc và so sánh. Những thiếu nữ này không biết hoặc không rành tiếng Việt, lại chịu ảnh hưởng giáo dục Âu Châu, nếu không phải là con cái của những gia đình có một giáo dục di truyền của tổ tiên để các cô được hấp thụ phần nào giáo dục đó, nếu cha mẹ không tận tâm cố cho con cái mình một tâm hồn Việt, thì các cô là những cô đắm trong lớp vỏ người Việt. Điều này không làm thỏa mãn người thanh niên Việt muốn cưới vợ Việt vì về hình thức bên ngoài các cô không bằng thiếu nữ Âu Châu, mà ưu điểm về tánh tình đức hạnh của phụ nữ thuần túy Việt Nam, thì các cô thiếu kém.

Trong thực trạng đó, những thiếu nữ Việt « chính cống » lại không mấy khi tự mình chịu mở đầu cuộc gặp gỡ hoặc kết thân với thanh niên Việt một cách tự nhiên dễ dàng như thiếu nữ Pháp. Trong hoàn cảnh đặc biệt, tập quán của hai dân tộc vô tình tự nó đã thành một lối ngăn cách giữa nam nữ thanh niên cùng một nơi giống.

Giữa lúc thân đơn, lòng lạnh, tình cảm đòi được ấp ủ bằng nhiều hình thức, người ta lại ở trong một xã hội đã bị thứ văn minh rẻ tiền hôn độn về phong hóa chi phối cùng khắp làm cho phần đông phụ nữ Âu châu có một thói quen nay đã trở thành tự nhiên là họ không có quan niệm khắt khe về hai chữ trinh tiết. Có bao nhiêu tình nhân vẫn không thành vấn đề đối với người chồng sẽ cưới họ ; miễn lúc sống chung họ trung thành với chồng là được. Gặp trường hợp cách bức hay hết thương nhau, họ chỉ sống cho họ chứ không như phần đông phụ nữ Á Đông đợi chờ hay thủ tiết nuôi con. Không do dự, họ ly dị và cái việc thủ làm lại cuộc đời, đối với họ, rất tự nhiên bất cứ với tuổi nào. Như thế bạn thấy không có một xiềng xích nào do tập quán tự nhiên bắt buộc họ thu hình lại khi trái tim họ đã nói tiếng yêu thương, cho nên từ việc họ giao thiệp với bạn trai rồi đi đến kết hôn rất là dễ dàng.

Một khi dẫn đo không quan hệ, thương thì lấy, thì cưới nhau, hết thương thì bỏ, thì ly dị nhau, ái ngại gì mà chẳng thử một lần ? Nhưng cái trò chơi « thử » vừa đơn giản, vừa hấp dẫn lại vô cùng nguy hiểm có pháp luật bảo đảm đó, đã gây rất nhiều tai hại và đánh ngã bao nhiêu thanh thiếu niên sống ở hải ngoại ; rồi tương lai trong việc hôn nhân, nên hư và sướng khổ bắt đầu từ đó đều ở sự may rủi.

Dẫu biết vậy, nhưng trong hoàn cảnh xã hội mà tình cảm cứ mãi bị kêu gọi và được mời mọc bằng đủ cách ; kia đóo như những vẻ dáng yêu kiều trong các buổi dạ hội khiêu vũ, tự nhiên gần gũi như cách giao thiệp giữa bạn bè nam nữ, mừng rỡ thân mật trong những cái bắt tay khi gặp gỡ, đậm đà như những chiếc hôn từ giã lúc chia tay, nam nữ quấn quít hẹn hò cặp tay nhau đi dạo một cách tự nhiên vẫn là thứ lễ phép thường thức của người Âu-châu. Rồi trước những tấm quảng cáo của những vở tuồng khiêu dâm, những cặp tình nhân hay uyên ương ôm nhau hôn hít ngoài đường hay bất cứ ở đâu, những cảnh tượng trắng trợn lỏa thê trong các hộp dâm, làm sao cái sức sống mạnh mẽ xông xáo của tuổi hoa niên, những lý do thiết thực và những nhu cầu cần yếu đừng làm chủ bản năng con người trước nhất ? Cho ra, theo họ, chẳng mất mát gì lại được thêm vui sống ở đời thì dẫu là những bộ óc đầy kinh nghiệm cũng có thể bị sóng đời nhồi đập không biết dựa thân hồn mình vào đâu để tránh khỏi câu Khôn ba.

« năm đại một giờ » nói chỉ đến những thanh thiếu niên, làm sao họ có đủ cứng rắn để giữ vững lòng mình ? Đó là chtra kẻ trường hợp đau ốm trước sau một thân, nhà thương là trạm đời buồn thảm, nơi đó ngày ngày chỉ thấy những bộ mặt xa lạ, đau thương, được bao bọc đầy đủ những hỏi han săn sóc của bạn bè thân quyến. Trong cảnh cô quạnh đau yếu, lúc vấp phải trở lực, cơn thất vọng chán nản, khi va chạm những den bạc ngang trái ở đời, người ly hương nơi xứ sương mù tuyết giá này mới cảm thấy tất cả cái trống lạnh ghê gớm bên ngoài và bên trong cuộc đời mình. Gắn gũi nhất là những người láng giềng mà có khi quanh năm đầu cho cửa nhà trở ngõ vào nhau cũng vẫn im lìm đóng kín ; nếu có gặp nhau trong thang gác chào hỏi nhau cũng đã nhiều lắm rồi.

Sống trong những thiếu thốn đó mà như bạn đã thấy giao thiệp, thương yêu, cưới hỏi và ly dị lại không khó khăn, cho nên quan niệm về chọn lựa bạn trăm cũng do đó mà không câu chấp. Giống như Công chúa Anh Cát-Lợi lấy anh thợ chụp hình, Công chúa Thụy-điền lấy anh chủ hiệu bán y phục, cháu nhà tỷ phú Rockefeller lấy người sinh-viên ở làm việc cho mình, một cô giáo lấy anh làm rẫy, một bà nam tước Anh, một bà bác si Pháp lấy chồng lính thợ Việt Nam v.v..., phụ nữ Âu-châu khi thương thì ưng, không cứ phải là « Ông » làm nghề gì cũng xong, miễn người chồng đem lại cho vợ hoặc hạnh phúc yêu đương, hoặc nuôi

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai Nạn

Hỏa Hoạn

Hàng Hải

Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MÉDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh: Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane

— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

sống nổi gia đình là được. Vì vậy trừ số Việt kiều cưới vợ đồng chủng thì những «Ông Chồng» Việt (có cấp bằng đại học) đã được những thiếu nữ Âu-Châu khó tánh — hoặc vì muốn cho đời sống «Mondaine» của mình được bảo đảm — bợc kỹ trong cái rây của hoàn cảnh và điều kiện xã hội, còn lại những «anh chồng» (không có cấp bằng đại học) cũng vẫn được thiếu nữ Âu-châu chọn lựa một cách không kém nòng hậu và thi vị.

Ngoài việc kén chọn, còn có biết bao sinh viên Việt-kiều cô độc đã tìm êm-ấm mà kết thân với những bạn gái Âu người bản xứ để được thường trực tới lui với gia đình họ trong lúc các cậu cần đến không khi gia đình và tình chăm sóc của thân quyến. Rồi lần lần mối tình đầu được nhóm nhen và kết quả là một đám cưới ; mặc dầu trước khi thực hành quyết định này họ cũng thắc mắc rất nhiều về cuộc sống tương lai, về cha mẹ và về đất nước của họ.

Đấy bạn cũng biết con người vốn phức tạp, có vậy đời mới có lắm thăng trầm lắm lỡ, ghét thương, vinh nhục, nếu không thì ấm áo no cơm kê cũng sung sướng rồi. Ngũ quan con người có mấy khi được làm đúng cái thiên chức của nó y như trong các bài học thuộc lòng về «khoa học quan sát» chúng ta đã thuộc lâu khi còn thơ ấu, mà con người vẫn muốn ăn ngon, thấy đẹp, nghe hay, thở khỏe vượt sờ những vật êm tay. Ở xứ này người ta không dám đòi hỏi sướng thỏa về mọi phương diện, nhưng cảnh cô độc khiến người ta thêm nảưng nhu cầu tuy là lật vật nhưng cần thiết cho đời sống hàng ngày và cố nhiên nó phải được pha màu tình cảm. Một mớ đồ mặc đơ, một đôi vớ rách, một nút áo đứt, cái lai quần sút chỉ, chiếc sơ-mi xười vai, một bình trà nóng, một bữa cơm ngon ăn chung với một người thân khiến cho người ta thêm ấm cúng trong mọi thứ. Người ta thêm được một bàn tay mềm mại để mạng, vá, kết, đơm, nghe tiếng nói trong lành, thấy những cử chỉ hiền dịu, ngửi làn khói thơm trong bếp, nhìn mọi nét đẹp để thứ tự trong nhà rồi ao ước một cuộc sống với tình thương đầy đủ.

Đến đây bạn thấy rằng : nếu người thanh niên Việt vì một lẽ gì mà không cưới vợ người Việt, hoặc không do cuộc gặp gỡ tình cờ, hoặc không có ai cố ý đưa đến cho họ một cơ hội để họ kết thân với những thiếu nữ Việt trong khi lòng họ đang mong mỗi một luồng gió thơm, khao khát một lòng tử ấm, thì với bao nhiêu lý do trên đây tưởng cũng đủ cho họ kết hôn với người ngoại quốc ; hướng chi đi đến hôn nhân, nhu cầu vật chất cũng là một lý do không kém phần quan trọng.

(Còn tiếp)

Balê hè 1965

MỘNG - TRUNG

VỀ MIỀN TUỔI NHỎ

khi đến đây ta chợt nhìn trở lại
con đường qua đầy vết-tích cô đơn
ta ăn-năn thăm cúi đầu ái-ngại
ơì mùa xuân hoa cỏ cháy trong hồn!

vùng quá khứ trồng đầy cây kỉ niệm
ta lần về năm khóc một mùa trăng
loài chim én trên trời xanh bay liệng
như vô tình không thấy sầu ta giăng

ơì ta nhớ, ta thương từng hơi thở
từng bước chân sáo nhỏ bờ dậu thừa
đuôi bướm-bướm bắt cánh màu sắc sỡ
ta lạc đường một buổi nắng vàng trưa....

hương cỏ lá cùng lời chim hút mật
mùa trẻ thơ đã vàng-liệm bao giờ
nương bãi nhớ gió reo buồn phảng phất
tuổi nhỏ xưa rồi cũng lắm bơ vơ!

lần về đó thấy cảnh hoang lá đổ
và bây giờ đứng giữa mùa hai mươi
với đời sống như nghìn con sóng vỗ
ta nhìn ta sầu dằng lắp nụ cười..

ĐYNH TRẨM CA

(trích Thủa làm người)

QUY-VỊ HÃY ĐẶN ĐẶN LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐẶN CHỮ LẶM TẶI THUY-SẶ



HERMES

HERMES



LOẠI XÁCH TẶI

LOẠI ĐỂ BẶN GIẶY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTREME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 1-20-821 — SAIGON

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTREME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trung-Tổ (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

tìm đọc

đất sống

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học

của lớp người ý-thức hiện đại

Y UYÊN

mùa xuân qua đèo

Hồ về tới phi trường tỉnh, trời đã quá trưa. Hai người Mỹ trên chiếc trực thăng lại ngồi xuống trên cát phơi nắng uống Coca như lúc ở sân bay của lực lượng đặc biệt. Hồ và người đồng hành vừa kịp làm quen chia tay nhau ở cổng phi trường. Quận lỵ cách đây không đầy bốn chục cây số sau mười phút bay đã thành một vùng đất di vãng có những ngày cuối năm ra sân bay ngóng một chuyến về vô vọng. Nỗi vui mừng lúc được chui vào máy bay và điều lo ngại sẽ phải ăn tết ở tỉnh đã đầy lùi thiệt mau những điều thuộc về mấy ngày hôm trước.

Hỏi giục người phu xe đạp mau về bến xe. Giờ này làm gì còn một chuyến xe khởi hành để băng qua hơn trăm cây số đường núi. Nhưng biết đâu. Chuyến phi cơ vừa rời đã là một sự bất ngờ. Biết đâu... Hồ móc sẵn tiền xe cầm tay. Tới bến. Hồ nhảy xuống xách « sắc » lại gần hai chiếc xe hơi không người. Hồ nhìn quanh tìm chủ xe. Không có ai. Bàn bán giấy có người đàn bà đặt một thúng nem, giở khăn bịt lại đầu. Trời nắng vàng thoảng những hơi gió lạnh.

— Có còn chuyến xe nào chạy về... nữa không bà ?

Hồ hai lần hỏi người đàn bà. Người đàn bà tò mò nhìn Hồ, giọng chềnh mảng :

— Giờ này đâu còn xe...

Hồ chậm một điếu thuốc hút một hơi dài. Trên con đường vòng ngoài thị xã, những chiếc xe Lam bét ta ba bánh đầy người và hàng hóa ì ò chạy về các làng lân cận. Chỉ những người về ăn tết muộn cách tỉnh một vài đoạn đường ngắn còn có xe đi. Hồ sa-g đường kiếm một tiệm nước ngồi uống. Chiếc « sắc » được đặt dưới chân Hồ không còn là một sự thôi thúc như trong những ngày gần đây. Hồ uống nước chậm rãi, hút từng hơi thuốc dài. Một phòng ngủ ở bên

kia đường, sau tấm cửa xếp đóng nửa chừng, có những chậu thực được đầy bông đặt trên nền gạch bông. Một đám người bao quanh một đồng dưa hấu ở gần lối vào bến xe. Những người đi trên đường đều có vẻ vội vã.

Hồ đi sâu vào trung tâm thị xã. Những chiếc xe vụt qua, những người đi rào bước chỉ gọi được những giờ cuối cùng trong năm đang trôi mau, không lấp được nỗi vắng vẻ. Thị xã thường ngày nhộn nhịp được là nhờ những công chức đã về ăn tết. Họ chiếm số đông, đa số còn trẻ. Hồ không muốn gặp mặt một vài đồng nghiệp địa phương lúc này. Hồ với họ không có những niềm chung nào để họ có thể hiểu việc biểu lộ lòng ái ngại của họ là vô lý.

Hồ vẫy một chiếc xích lô về nhà một bà chủ nhà hồi Hồ còn ở thị xã. Con đường nhỏ nhiều ổ gà và đăm trẻ nít nô giữa hoàng hôn nhầy rạt sang hai bên tránh xe vẫn không thay đổi. Hồ nghĩ mình sẽ về nhà trong chuyến xe đầu tiên năm mới. Lúc đó, những đồng nghiệp Hồ có thể đã lục tục tính chuyện trở về nhiệm sở. Tâm trạng Hồ lúc bước lên chiếc trục thẳng Hồ vẫn chưa quên. "Thoát". Hồ như sẽ không có ngày phải trở lại nơi đó nữa. Nếu không ở trong tuổi quân dịch, Hồ có thể bỏ ra ba, bốn... nếu cần nửa năm lương để không bao giờ còn bận tâm tới vùng đó. Gần trọn một tháng nay Hồ mong có máy bay về. Quần áo đã sửa soạn đầy đủ. Những câu tiếng Mỹ đề xin được lên phi cơ đã nằm lòng. Một tuần lễ châu trực ở sân quận với gia đình những viên chức hành chánh với vợ con quân đội với một hy vọng mong manh mình sẽ có ưu tiên. Những bộ mặt hoan hỉ sau cái gạt đầu của người Mỹ có thể đếm trên ngón tay và in đậm trong đầu người ở lại. Những vẻ lo lắng, mệt mỏi mỗi ngày một tăng. Người chờ máy bay mỗi ngày một nhiều. Hồ thấy một bà mẹ đứng sau đoàn người đồ xô lại gần viên phi công bấm móng tay sơn đỏ vào móng đứa con sáu tháng để thay cho tiếng nói quá nhỏ một quân nhân đã đứng nghiêm, thuật lại chín trận đánh có mình tham dự với Quận Trưởng, mắt lét thường trực về chiếc trục thẳng và đám đông. Hai thiếu nữ áo dài màu hường, màu trắng hồn dỗi với người Mỹ ngỡ ngác. Một đứa trẻ đã bị cả đám đông nguyên rủa đòi tát tai vì đã én trèo lên phi cơ làm người Mỹ nổi giận. Những ngày ngong ngóng chờ đợi tăng dần, lòng hy vọng vào sự may rủi giảm sút sau những lần bụng đói, uể oải khoác « sắc » đứng lên về nhà trọ trả thêm bên chục đồng tiền cơm để sáng mai lại đeo « sắc », lại nghe lời chúc may của chủ nhà. Trước những người dân ở đây, Hồ bị ám ảnh mình là người giàu có. Mua một con gà giò, hai trăm và một hực tiền « m rợn trẻ nhỏ đi bắt ». Gà chưa bắt được, lối xóm chạy tới bao lấy Hồ khen gà mập, thịt ngon, giá « bán cho người quen ». Đến nhà quen được mời ăn tu-ma ; Hồ phải gặng hỏi trả tiền chủ nhà mới chịu nói rõ năm đồng một trái.

Có người từ xa tới vào một căn nhà xin nước uống, chủ nhà đem gạo giấu một chỗ. Đồng tiền thành một liên lạc duy nhất giữa họ với người khác. Đời sống đương nhiên trở thành đơn giản. Nhưng với những người ở trong quận lại không thế. Nhiều lần Hồ đã ân hận vì quen biết họ. Một người dân về một đêm bỗng bỏ trốn về mấy hôm sau thành một « kháng chiến quân » thường xuyên đón xe ở cái dốc cách quận cỡ mười cây số. Trong quận không ai không biết có lần Hồ đã mời hẳn uống la de ăn bún bò. Những lần có việc phải vào quận, Hồ thấy có nhiều con mắt nhìn mình khác thường, những con mắt của mấy viên chức đã được Hồ mời cùng một bận với hẳn. Và hẳn cùng đồng chí chắc chắn sẽ có những con mắt tương tự và một phát súng thích hợp nếu Hồ gặp vào những hôm phải qua con đường dốc. Ban đêm, nằm ở những chỗ ngủ không nhất định, Hồ nghe chó sủa và lập lại dự đoán của mình.

Chiếc xe dừng trước một đầu ngõ nhiều bóng dứa. Hồ trả tiền, xách « sách » bước vào. Hồ đẩy một cánh cổng chẳng kềm gai. Hà — con gái út bà chủ nhà — đang phơi mẹt mứt bí ở ngoài sân, quay ra kêu kinh ngạc « anh Hồ ». Hồ hỏi :

— Má đâu ? Anh Tước đâu em ?

— Má ra dọn hàng cho chị Hòa. Anh Tước đi chơi. Anh không về nhà ăn tết ?

— Ở lại ăn tết với bà má với mấy em cho vui.

Hà đàn những miếng mứt đậm đường trắng thô lớn, cười :

— Anh chỉ ưa nói láo. Về nhà ăn tết với chị, anh buồn chắc ?

Hồ vừa vào trong nhà vừa nói :

— Anh nói lộn. Ăn tết ở đây cho nó lạ.

Căn phòng Hồ bước vào là một khúc nối của ngôi nhà trên. Một ngôi bàn thờ lư đồng sáng loáng, bánh xếp chõng, hoa huệ trắng muốt và một chiếc bàn phủ khăn sặc sỡ sau một chậu thược dược bông lớn chiếm hết căn phòng. Hồ vén tấm rideau nhạt màu nhìn xuống cái chái kế bên thấy có một góc trống. Chắc hàng của Hòa sẽ để đó. Mỗi năm Hòa dọn hàng về nhà hai lần. Vụ lụt và những ngày nghỉ tết. Ngày thường, Hòa về chợ như một nữ công chức về sở. Hàng trong gầm sạp khóa kỹ có cảnh binh coi ban đêm,

Hồ rót một ly nước, ra hiên ngồi sưởi nắng. Một hàng trụ gạch vuông mới quét vôi chạy tới đầu nhà trên.

— Mấy người thuê nhà về hết rồi sao em ?

Hồ hỏi.

— Mấy anh đó về từ hôm hai lăm. Năm bữa nay rồi.

Hà nhón một miếng mứt đưa cho Hồ :

— Mời lên anh một miếng. Anh ăn lạ, coi chừng bà má về la em.

Hồ bẻ đôi miếng mứt đưa cho Hà một nửa :

— Mỗi anh em một miếng cho công bình.

Hà ngồi tựa vào trụ gạch vừa cắn từng miếng nhỏ vừa nhìn Hồ, tủm tỉm cười. Nước da Hà nom thật mát. Còn kéo dài tình thế này, hai ba năm sau, về nhà này, Hồ ăn tết với một thiếu nữ có duyên. Hồ hỏi Hà chuyện học hành chuyện bà má. Hà nói huyền thiên, cười luôn miệng. Khi bà má về, thấy Hồ bà la từ ngoài cổng « Lỡ xe rồi ông ? Lỡ xe rồi ông ? ». Bà gánh hai bó hàng quét đất chân bước rậm rập, mồ hôi tháo đầy sống áo. Vào nhà nghe Hồ nói chuyện hết xe, bà vừa thở vừa cười lớn « mấy năm trước ở đây, có tết nào mà ông ở lại với mẹ con tôi đâu. Bây giờ xa xôi lại về đây ăn tết bắt tử. Muốn chuộc lỗi đó sao ông ? » Bà cụ thật ồn ào, Hồ chỉ cười gật đầu. Ngày còn ở đây mỗi khi muốn vui, Hồ chỉ việc gợi chuyện cho bà cụ nói, ngồi cười nghỉ việc đâu đâu. Không ai có thể nghe chuyện bà cụ được nhưng ngồi bên bà cụ đề thấy vui, không ai bị thất vọng. Nói chuyện một lát, Hồ lấy quần áo ra giăng tắm sợ hết nắng, trời lạnh.

Lúc bà má mở gà cúng giao thừa, Hà xách nước tưới những chậu bông trước sân. Hồ nói với ba mình ra phố có chút việc, không ăn tối. Trong các ngõ, trẻ con như đông hơn. Một vài đứa mặc áo mới năm dây bong bóng bay. Ngoài phố, có nhiều cửa tiệm lục-đục đóng cửa. Hồ mua một hộp bánh biếu bà cụ rồi ghé tiệm hớt-tóc. Tiệm vắng, không được quét dọn sạch sẽ. Ông già chủ tiệm đang ngồi trước gương vắt chân đọc một tờ báo xuân. Thấy Hồ, ông già lật đặt tụt xuống, tươi cười nhường chỗ Hồ cầm tờ báo kiểm một truyện ma đọc. Ông già yên lặng làm việc, không có vẻ vội vàng, Tóc Hồ hớt xuống cả đống trên khăn choàng. Hồ cười nhớ hồi còn nhỏ hớt tóc để ăn tết. Vợ Hồ chắc sẽ lại có chuyện đề nhạc Hồ, Hồ nhớ lần về trước cũng hớt tóc ở đây và phải lấy báo che mặt sợ đồng nghiệp nhận ra. Lần đó Hồ về ở nhà nửa tháng. Buổi sáng hôm ra đây, vợ Hồ dậy từ bốn giờ sửa soạn hành lý cho chồng. Hồ tỉnh giấc không thấy vợ bên cạnh tự nhiên thấy thất vọng. Lúc vợ Hồ ở ngoài nhà lên tiếng đánh thức, Hồ làm bộ ngủ. Vợ Hồ phải vào giường lay gọi. Hồ ngáp-ngừng kéo vợ nằm xuống giường. Vợ Hồ vùng-vẫy gât : « ... gì mà dữ vậy ? » Hai tay Hồ ôm vòng lưng vợ kéo xuống. Người vợ hai chân vẫn đứng dưới đất, một tay cố gỡ, một tay đẩy mạnh xuống ngực Hồ. Hồ bỏ lỏng vòng tay cho vợ thoát ra ngoài mùng, thấy đau ngực và giận ghen ngào. Lần đó ra tới đây, chờ xin máy bay về quận, Hồ bị gọi lên

Ty vì tội bỏ nhiệm sở cả tháng trời. Trước mặt ông Ty, Hồ nói, cặp mắt trừng sâu ngơ ngẩn : » Xa vợ cả năm trời, nhớ quá không chịu nổi. Khờ quá hóa liều, xin bác thương. » Bây giờ, thời gian đó đã xa đàng đàng. Vợ Hồ, đêm nay biết đâu chẳng khóc.

Hồ ra khỏi tiệm hớt-tóc, ông già bắt đầu đóng cửa tiệm. Mái tóc hớt cao, những chân tóc vừa cạo bắt lạnh. Hồ cầm hộp bánh băng ngang đường, sang một phố khác. Buổi chiều cuối năm có những giờ nắng chói, vàng rực. Bây giờ, đã dịu. Hơi lạnh bắt đầu trở nên đậm. Hồ bước mau qua những khu phố vừa đóng cửa có những chậu cúc, thực được bày trước nhà. Ở công-viên cuối thị xã có người đông. Người và xe hai bánh chật trên các lối sỏi. Một chiếc xe bán bong bóng bay đậu ngay lối ra vào. Những chùm bóng căng tròn rực-rỡ gió thổi muốn căng dây bay tung. Hồ nhìn đám đông, lưỡng lự bước vào. Có nhiều người đi ra khạc nhổ trên lối đi, trên cỏ. Hồ để hộp bánh sau lưng, len vào vòng người nhìn xác chết. Có phải hân đó không ? Hân nằm ngửa trên sỏi, đầu vẹo, hai tay úp lên rốn, hai chân dạng hai bên. Bộ mặt xanh khô hai đường xương gò má như cao. Hai mắt trừng như nứt phời một phần con người nhợt. Chiếc mồm nhô hàm răng hô. Kẽ mép do một kẻ tinh nghịch nhét một mẩu thuốc lá chỉ còn vòng giấy cháy đen và lớp tàn dính vào lợi. Tấm áo vải bố hai vạt nằm sang hai bên sườn để lộ cái bụng căng. Nơi thắt lưng một đầu ruột phòi tím bầm bên một đầu đạn đồng đỏ. Chiếc quần sà lòn xăn xước đậm máu khô và đất. Hai bên có những ô vuông tím. Hồ ra khỏi vòng người, cảm thấy buồn mưa. Mùi hân thật nặng nề đến nhức đầu. Người ta nói hân và hai tên nữa võ-trang súng « côn » chặn xe Lam-bét-ta ở cây số 7. Trong xe, có một quân nhân mang trung-liên. Hân là trung-đội-trưởng. Để đó cho đồng bào coi.

Hồ bước mau ra cửa công - viên, dừng lại bên xe bong bóng cúi xuống hông xe chằm một điếu thuốc. Hồ lên một chiếc xe bảo Chạy tiếp con út ông Hồ đi dở dang, Hồ xuống chỗ đầu xóm, đi bộ vào nhà ông lão có hai cây dừa. « Thầy uống la-de ? » ông lão hỏi, Hồ lắc đầu, kéo ghế ngồi. Ông lão xách nón ra ngoài ngõ. Căn phòng lợp lá, tường đất mới quét vôi có một tấm màn gió chia đôi. Những ngày châu chực chờ máy bay không phải chỉ để về đây bòn chòn nhớ vợ. Hồ nghĩ và thấy nhớ vợ nhiều hơn. Những ngày gần đây, vợ Hồ đã làm gì cho ngang với số thì giờ nghĩ về Hồ và đi ra đi vào trông đợi. Đêm nay có đám tam-cúc nào để một chân cho vợ Hồ không.

Ông lão trở về có hai người đàn bà áo ngắn theo sau. Người đàn bà mặc áo chửa lại gần Hồ, cúi xuống hôn má Hồ và cầm tay đặt lên bụng mình. Hồ xoa tay lên lớp áo mỏng hỏi :

— Bầu mấy tháng rồi ?

— Ba tháng... đang mọc tóc.

Hồ kéo ghế cho người đàn bà ngồi. Ông lão hỏi :

— Thầy chịu cô này ?

Hồ quay nhìn người đàn bà đứng ở ngoài cửa, hai tay chắp sau lưng, chân dùm dầy, nhìn bằng quơ.

— Chịu.

Hồ nói nhỏ giọng Ông già và người đàn bà kia đi ra. Người đàn bà có bầu vạch tấm màn gió nhìn vào rồi ra khóa cửa. Hồ cản lại :

— Có ra ngoài lấy . . . gì thì lấy đi. Ở đây tới tối được chứ ?

Người đàn bà ra gọi ông già vào. Ông già nói, Hồ gật liên-tiếp. Lúc ông già ra, người đàn bà đã sửa soạn xong, ra khóa cửa. Hồ dìu người đàn bà vào sau tấm màn gió. Bên người đàn bà, Hồ thấy mình quên được nhiều thứ. Tối khi người đàn bà đẩy tấm cửa nhỏ trên vách kêu « sắp tối », Hồ ngủ lơ mơ và không buồn mở mắt. Người đàn bà lưng quay vào vách chống tay tò mò nhìn Hồ. Mối Hồ hé mở, mặt Hồ nom dài, gầy guộc. Chiếc gối của Hồ đẩy phẩn và tóc vụn.

Lúc Hồ trở dậy, trời tối thui. Người đàn bà đã thắp một cây đèn bóng dài để ở giữa bàn. Hồ đưa tiền và chìa môi cho người đàn bà hôn rồi lại gần ánh đèn, tháo mấy sợi thung bao lại hộp bánh.

Hồ bước ra đường mới thấy rừng mình vì lạnh Hai bên ngõ, qua những hàng rào bóng cây tối thui. Hồ thấy những trang thơ ở ngoài trời, trong vườn, trước sân có ánh đèn, mùi nhang và hương hoa của Giày này vợ Hồ hết còn mong Hồ về. Có một sự yên-lặng lạ thường. Người đàn bà có bầu vừa rồi hay ý nghĩ vợ hết còn trông đợi bồn chồn đã tạo trong lòng Hồ nỗi bình thản vắng ngắt đó. Ý nghĩ chua xót nào, cảm tình đau đớn nào rồi ra cũng có lúc mệt mỏi ngã quỵ như một người đàn bà khóc chồng, mắt ướt khép dần theo giấc ngủ. Đã bao lâu nay Hồ dự tưởng một cái Tết xa vợ và sau những ngày rượt đón những chuyến xe muộn, dự tưởng đó trở về nhập với hiện-tại. Tâm-trạng Hồ lúc tưởng-tượng mình xa lạ với niềm vui ấm cúng của mọi người trong đêm giao-thừa đầy chua xót và sợ hãi. Bây giờ nỗi chua xót mỗi lúc lắng dần, lắng dần, chỉ còn khiến Hồ lơ mơ thấy bước chân mình có những bước ngậm-ngùi. Hồ mệt mỏi thấy mình không thể nghĩ tới ai được một lúc lâu như ngày thường. Taong nỗi bình thản vắng ngắt, mơ hồ những bước chân ngậm ngùi đó, Hồ thấy mình hiền khô như nhiều người vẫn nói và phải đợi đến đêm nay Hồ mới biết một đời mình chỉ là người lỡ đường tuy chẳng rõ về

dâu. Cơm giận ghen ngào vì bị vợ khước từ chuyện ân ái lần cuối có phải đã bắt nguồn từ một khao-khát tưởng như vợ Hồ là người có thể thỏa mãn ? Hồ thoáng rung động, thương vợ đột ngột.

Hồ băng qua những phố vắng ng rời. Mọi nhà đều đóng cửa. Mặt đường trở nên rộng. Những dãy nhà hai bên phố nhỏ thấp. Ánh điện trắng xanh đường ngang đường dọc. Hồ tưởng như mình là một gã khồng-lồ đi giữa những nguồn suối ánh sáng lúc nghe tiếng giầy nện quá rõ trên mặt nhựa. Hồ kẹp gói đồ vào nách, đứng giữa đường chằm một điệu thuốc. Một mùi trầm từ nhà nào gần đó thoảng trong không khí.

Hồ về tới nhà bà má lúc mọi người đã ăn cơm xong. Bà má đang sửa soạn bàn thờ, Hòa và Hà ngồi giữa những lọ, những mẹt mứt để trên mấy tờ báo trải dưới đất.

— Ngõ anh mai đánh bài ở nhà mấy người bạn mai mới về chớ.

Hà cười diều. Hòa phúi tay, kéo ghế cho Hồ :

— Anh về hồi chiều ? Ăn tất niên vui không anh ?

Hồ cười thấy đói :

— Lỡ hẹn với người ta. Nếu không tôi đã ở nhà ăn cơm cuối năm với bà má và các cô.

Hồ lật tờ giấy báo, đặt hộp bánh lên bàn thờ :

— Biểu bà má đề cúng các bác.

Bà má đập vào vai Hồ nói lớn :

— Mua bánh lúc này khác chi cho tiền nẫu. Mệt quá.

Mọi người cười ồn ào. Hòa rót cho Hồ một ly nước nói chuyện thẳng Tước kêu hời ở nhà dọn đĩa chén bỏ đi đánh cua cá. Mặt Hòa như thoa phấn, lúc cười, mớ hồ có nếp nhăn trên trán. Bà má gạt ngang câu khôi-hài của Hồ, chỉ tay lên nhà trên :

— Đêm nay ông ngủ trên đó. Hồi mấy ông về, tôi đã giao trước mở cửa trên đó ngày mồng một.

— Chưa tới giao-thừa bà má đã nói chuyện ngũ, kỳ quá.

Hà kêu. Bà má nạt Hà im, bảo Hồ :

— Ông lên trên đó mà thay quần áo. Đồ của ông tôi bỏ trên đó. Nhớ chớ cái « công tắc » chớ ?

— Lúc nào ngủ con thay cũng được. Đề con nói chuyện với cô Hòa đã.

Nghe Hồ, Hòa cười, mặt hơi cúi. Ở Hòa lúc nào cũng có sự khéo léo. Hòa lấy chồng năm 16, năm Hòa 23, chồng Hòa chết. Hòa chia cho cha mẹ chồng nửa số lương tử tuất để nuôi đứa con trai rồi về ở với mẹ. Những năm con lấy chồng xa, nghe nói con bị chồng và mẹ chồng hành hạ, bà má chỉ biết chửi thề. Thấy con về, bà mới yên tâm, mới đỡ kêu khổ. Hòa ở được tòng tất cả những người thuê nhà. Những người ở đây đều là những người xa gia đình, gọi bà cụ chủ nhà là bà má và tùy theo tuổi tác gọi Hòa là chị hay cô. Nhưng ai cũng đối với Hòa bằng sự thận trọng, vì nề. Họ kêu Hoà thông-cảm được sự bê bối của tuổi trẻ, không gay gắt như bà má mỗi lần họ đem gái về nhà. Hòa thành một người khéo léo và rộng lượng. Nụ cười Hòa sau một lớp người tới, sau một lớp người đi lại trăm thêm một lớp.

Tới mười giờ đêm, Tước huyết sáo trở về. Nó ồn ào kể chuyện vừa bị ông tỉnh bắt hụt. Ông bận đồ « si-vin » một mình dạo phố. Gặp những người đốt pháo ông tùm cồ bặt tai liền.

— Sao anh trốn được ?

Hà hỏi. Tước cười lớn, giơ hai tay xoay người một vòng

— Tao mà thềm trốn, nói giỡn. Tao có mặt báo, vẫn theo sau ông vẫn khơi- khơi coi mấy người bị bặt tai, đầu có sao.

Hà bêu môi :

— Sao anh nói bị bắt hụt ?

Tước rút một miếng thuốc của Hồ để trên bàn :

— Tao nói cho bà má giật gân... mà ủa, tao nói sai một lần không được sao ?

Tới gần giao-thừa, mọi người ra cả ngoài sân. Hỏa châu bắn rục trời để soi rõ bóng người ngoài ngõ. Mọi người ồn-ào trong một không khí bình minh, lạnh buốt. Ở các căn cứ quân sự súng nổ liên-hồi như giặc nhập thành phố. Ngoài đường người đi lại rầm rập. Chuông chùa, chuông nhà thờ đổ dồn, ngân nga. Hòa chạy vào trong nhà khoác thêm một manh áo ấm.

Y-UYÊN

(Còn tiếp một kỳ)

ĐÓN ĐỌC :

VƯỜN CỎ THỤ

lập truyện NGUYỄN THU GIAO — ĐẤT SỐNG xuất bản

SINH HOẠT

Triển lãm 100 năm báo chí

Cuộc triển lãm trên đây, do Tổng bộ Văn-Hóa Xã-hội hợp tác với Bộ Tâm lý chiến tổ chức, nhân dịp-kỷ niệm 100 năm báo chí V.N. đã khai mạc tại Nhà Văn-Hóa Sài Gòn từ ngày 8/1/66.

Phòng triển-lãm trưng bày đủ loại báo chí xưa và nay, từ những tờ báo đầu tiên *Gia-Định báo*, *Nhật-trình Nam Kỳ*, *Le Moniteur des Provinces*, *Lục-tỉnh Tân văn* đến *Đông Dương tạp chí*, *Nam Phong*, *Hữu Thanh*, *An nam tạp chí* những tờ báo nổi danh thời tiền chiến như: *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, *Tiểu Thuyết thứ Bảy*, *Trung Bắc Chủ Nhật*. đến các báo hiện đang xuất ngày nay. Người xem có thể thấy được những tờ báo *Canh nông*, *Khoa học*, *Y học*, *Phụ nữ*, *Thiếu nhi*... đầu tiên ở Việt Nam và nhận ra ở đó sự tiến triển của các loại báo chí này hàng mấy chục năm qua. Chung quanh phòng có treo những bức hình mẫu khổ lớn các vị «khai sơn phá thạch» của làng báo V.N. như: *Trương-Vinh-Ký*, *Nguyễn Văn Vinh*, *Phạm Quỳnh*, các nhà báo

lỗi lạc xưa và nay như: *Huỳnh-Thúc Kháng*, *Phan-Khôi*, *Nguyễn Tường Tam*, *Từ-Chung*, *Vũ-Nhất-Huy*... cùng các danh ngôn của các vị trên đây để lại.

Về tài liệu, người ta nhận thấy có tập: *Mục lục báo chí Việt ngữ* (1865-1965), in ronéo một mặt, dày chừng trên 150 trang, khổ 12x27, do ông *Lê Ngọc Trụ* và các vị trong Ban soạn thảo mục-lục thư tịch của Thư viện Quốc gia biên soạn, Nha-Văn-khố và thư viện quốc gia ấn hành. Ngoài ra còn bản *Thống-kê tình hình báo chí* các năm 1963, 64, 65. Theo bản Thống kê này thì năm 1963 nhật báo Việt ngữ có 16 tờ, Hoa ngữ 10 tờ, Anh, Pháp ngữ mỗi thứ 1 tờ, Báo định - kỳ

CHIA BUỒN

Được tin nhà văn: **TRẦN-ĐÌNH-KHẢI** đã mệnh-chung ngày 23-1-1966 tại nhà riêng ở Gia-Định,

Chúng tôi xin trân trọng chia buồn cùng tang quyến và cầu chúc hương hồn nhà văn **Trần-đình-Khải** sớm tiêu diêu miền cực-lạc.

Tạp-Chí BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

kể cả nội san của cơ quan đoàn thể có 40 tờ.

Sau khi chế độ cũ sụp đổ, sang năm 1964, nhật báo Việt ngữ lên tới 45 tờ, Hoa-ngữ 12 tờ, Anh Pháp ngữ mỗi thứ 2 tờ, Báo định - kỳ từ 50 đến 70 tờ. Đến năm 1965, nhật báo Việt ngữ nửa năm đầu 45 tờ, nửa năm sau 21 tờ. Hoa ngữ 14 tờ xuống 7 tờ, Anh Pháp ngữ không thay đổi, Báo định-kỳ từ 80 đến 100 tờ. Cũng nên ghi nhận

thêm - vẫn theo tài liệu trên nhật - báo Việt ngữ, năm 1963 và 64: phát hành trung bình 10 ngàn số và nhiều nhất là 30 ngàn số, năm 1965: phát hành trung bình 20 ngàn số và nhiều nhất là 120 ngàn số. Báo định-kỳ được phân loại như sau: Văn-hóa, Chánh-trị 10 tờ, Văn-nghệ, Tiều-thuyết, Mỹ-thuật 12 tờ, Nhi-đồng 15 tờ, Tôn giáo 12 tờ, Sinh việu 3 tờ, các loại linh tinh (?) từ 30 đến 50 tờ.

Tái băng ở Cộng-Hòa Dân-Chủ Đức (1)

Vụ Wolf Biermann,
nhà thơ bất-trị.

Wolf Biermann là một nhà thơ Đức hiện-đại, còn trẻ, hai mươi chín tuổi, sống ở Đông-Đức. Cha ông trước kia đã bị Phát-xít Đức giết, vốn thuộc thành phần công-nhân cộng-sản nên người ta không lấy làm ngạc-nhiên là Wolf Biermann gia-nhập Đoàn Thanh-niên Cộng-sản Đức năm mười-sáu tuổi. Từ buổi đó đến năm 1964, là năm ông bị trục-xuất ra khỏi Đảng, ông không ngừng ôm cây đàn từ buổi họp này qua buổi họp khác mà hát những bài thơ phổ nhạc của mình trước thành-phần khán-giả và thính-giả trẻ, và được số khán-giả và thính-giả trẻ này nhiệt-liệt hoan nghinh, đặc biệt là những bài thơ, những bài hát bộc lộ một khía-cạnh chống

công-thức, đòi hỏi một nền xã-hội cộng sản biết tôn-trọng nhân-cách và nhân-phẩm, thường thiếu ở những đường lối lãnh-đạo khắc-nghiệt.

Người ta nhận thấy ngay rằng lối bộc lộ tâm-tình tự-do như vậy, cho dầu là do một nhà thơ cộng sản phát-biểu, cũng không thể dính-liu xa gần gì tới đường lối gọi hiện-thực xã-hội quen-thuộc từ thời Iđanov đến nay cả (2). Dù là một nhà thơ cộng-sản, Wolf Biermann cũng không tài nào biến những bài xã-thuyết chánh-trị trên tờ *Neues*

(1) Cũng gọi là Đông-Đức.

(2) Andreï Iđanov (1865-1948), tay mặt của Xtalin. Nổi tiếng đặc biệt trong địa-hạt văn-chương và nghệ-thuật nhờ ở nguyên-tắc gọi là chủ-nghĩa hiện-thực xã-hội, do ông đề-xướng và bắt các văn nghệ-sĩ phải tuân theo.

Deutschland (Tân-Đức, cơ-quan ngôn-luận của Đảng Xã-hội Đức) thành thơ hay thành văn vần như một Xuân-diệu thời nay ở Việt-Nam chẳng hạn. Mà ngược lại, chẳng những Wolf Biermann không tài nào ngâm được những câu văn vần đại-loại như mấy câu này của một Xuân Diệu hôm nay :

*Bọn chúng cười ta làm thơ chánh-trị,
Nếu hình-thức có hơi non một tý,
Chúng vui-mừng la-ó vỗ tay ran ;
Mặc chúng kêu lá rụng, hoa tàn,
Tôi thẳng-thắn ngợi ca nền chuyên-chính ! (3)*

Mà thật tình lòng ông cũng không mong - muốn như thế ; và ông đã hát nhịp theo điệu nhạc tâm-tình, ao-ước một ngày mai sống trong bầu khí đã được biến hóa (ý nói trong một chế-độ không còn chuyên-chánh nữa), ngõ hầu ai-ai cũng được hưởng chút hạnh-phúc ấm-êm.

Cái tư tưởng chống công-thức tiềm-ẩn trong hầu hết mọi bài thơ, bài hát của ông đã khiến những nhà lãnh-đạo văn-hóa Đảng bực-dọc nên sau rớt Wolf Biermann, đã bị trục-xuất ra khỏi Đảng đầu năm 1963. Kể từ năm này đến nay, ông bị cấm không được công-khai sử-dụng tài-năng của mình trước công-chúng nữa, và đồng-thời, ông cũng không ngừng bị báo-chí Đảng, nhưt là tờ *Neues Deutschland*, chỉ-trích, đả-

kích, và phê bình gắt-gao ; tờ báo này còn tố-cáo ông như là :

(...) *Một trong những kẻ, tuy ăn cơm của nhân-dân, vẫn hằng ngày gieo-rắc chủ-nghĩa hoài-nghi vào đầu óc công-chúng và truyền-bá thái-độ ngờ-vực hệ ý-thức cộng sản tốt-đẹp của chúng ta (...)*

Bị cấm trình-bày thơ ca của mình trước mặt công-chúng, bị khiển-trách

(3) Xuân-Diệu : **Riêng-Chung** (Nhà xuất-bản Văn-hóa, Hà-nội, 1960). Mấy câu trên trích trong bài : **Vô-sản chuyên-chính**, c. c. 54-58, tr. 94.

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Luyện lý trí** (Thuật suy luận trong đời sống hằng ngày) của Nguyễn-hiến-Lê, loại sách "Học làm người" do soạn-giả gửi tặng. Sách dày 230 trang gồm 10 chương, bản đặc biệt, không đề giá.

— **Quay trong gió lốc**, tập truyện của Lê-tất-Điêu, do Thời-Mới xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 128 trang, gồm 5 truyện ngắn, bản đặc biệt. Giá bản thường 44 đ.

— **Đồng-Nai văn-tập**, tập 2, do An-Cư chủ-trương và nhóm Đồng-Nai xuất-bản, tháng 12-65 với mục đích phát-huy văn-hóa dân-tộc. Mỗi số dày 92 trang, khổ 21 x 27, giá 24đ.

thậm-tệ một cách công-khai trên báo-chí, Wolf Biermann vẫn một mực không chịu tự-phê như phần đông các nhà văn, nhà thơ ở khối Đông thường đã phải làm. Hơn nữa, những bài thơ, những đĩa hát chống đối của ông còn được kin đáo lưu hành trong giới độc giả và thính giả trẻ Đông Đức; trong số bài thơ, đĩa hát này, có một bài đặc biệt đáp lại những lời chỉ trích ông.

— *Các người bảo tôi ca ngợi hạnh phúc, ca ngợi ngày mai, nhưng các người chỉ đọc diễn văn, diễn văn, tại không còn nghe thấy gì nữa... Tốt hơn là hãy tạo ra hạnh phúc cụ thể đi... Còn tôi, là nhà thơ, tôi chỉ biết làm thơ, tôi nào phải là một bao đường ngọt...*

Đến nay, vào đầu năm 1966, vụ Wolf Biermann vẫn còn dang dở, chưa phân giải dứt khoát. Dầu vậy, chúng ta cũng có thể vui mừng đôi chút khi nhận thấy rằng vụ này không phải là một vụ án âm thầm như những vụ án văn nghệ trước kia ở khối Đông, và hiện nay, đã có ít ra là hai nhà văn cộng sản Đức đã dám công khai bênh vực Wolf Biermann: nhà văn phái nữ Anna Seghers (4), hiện sống ở Đông Bá Linh và là nhà văn trụ tá của Đông Đức, đã nhiều lần lên tiếng phản đối các bài báo chỉ trích Wolf Biermann, nhưng vô hiệu; kịch tác-gia Peter Weiss, hiện sống ở Thụy Điển, nhân vụ này, đã tuyên bố như sau:

— *Xã-hội, xã-hội chủ-nghĩa phải biết chấp-nhận những tiếng nói phê bình. Với tư cách nhà văn và nhà nhân bản, tôi tuyên-bố hoàn toàn liên đới với Wolf Biermann.*

Vụ Erich Apel, thứ-trưởng bộ Kế-hoạch.

Đầu tháng Mười-hai 1965, một nguồn tin đặc-biệt loan ra từ Đông Bá - linh cho hay rằng ông Erich Apel, thứ-trưởng bộ Kế-hoạch chánh-phủ Cộng-hòa Dân-chủ Đức, vừa ở Matxcova về, đã tự-vẫn ngày 3 tháng Mười-hai. Bản tin chỉ vắn-tắt có bấy nhiêu làm mọi người đều lấy làm sửng-sốt vì ông Erich Apel có tiếng là một kẻ yêu đời, tánh-tình vui-vẻ, công-tác nhiệt thành, đương ở trong thời sung-sức của một người 48 tuổi, và đã làm nên một sự-nghiệp rạng-rỡ và mau chóng.

Sau đó người ta được biết rằng, vào tháng Mười-một 1965, ông Erich Apel được chánh-phủ Cộng-hòa Dân-chủ Đức ủy-thác cho nhiệm vụ thương-lượng với chánh-phủ Liên-xô để đi tới một hợp đồng thương-mãi giữa hai nước được gọi là bạn. Trong cuộc thương-lu^ung này, chánh-phủ Liên-xô đòi được độc quyền nhập-cảng mọi hàng-hóa do Đông

(4) Về nhà văn phái nữ hiện-đại Đức Anna Seghers, bạn đọc có thể xem Trần-Thiện-Đạo, giới-thiệu, dịch và chú-giải: *Tình-hình văn-nghệ Đức hiện-tại*, phỏng-văn Anna Seghers của Claudine Chonez (Văn, số 41, ngày 1/IX/1965).

Đức xuất-cảng ra ngoại-quốc, tức là, trên thực-tế, đòi chánh-phủ Đức ngưng mọi liên-hệ thương mại với các nước tư bản.

Ông Erich Apel, với tư cách trưởng phái đoàn Đức, không chịu chấp-nhận điều khoản đó, và như vậy, là không chịu kí bản hợp-đồng thương-mại nọ. Nhưng rồi đến ngày 3 tháng Mười hai 1965, bản hợp đồng nọ, với điều-khoản nói trên, cũng được kí-kết giữa hai nước Đông Đức và Liên xô chỉ thiếu chữ kí của ông trưởng phái-đoàn Đức; và ngay ngày hôm đó, Erich Apel từ-giã cõi đời.

Đào sâu vào các sự việc cụ thể trên đây, người ta có thể nhận thấy rằng ông Erich Apel, trong cuộc thương lượng nọ muốn chủ-trương một đường-lối kinh-tế độc-lập đối với Liên-xô, tương-tự như đường lối kinh-tế của nước Cộng-hóa Nhân-dân Lô-ma-ni. Máy năm gần đây Đông Đức đã giải quyết xong được nhiều khó-khăn về mặt kinh-tế, và mãi lực của quần chúng cũng được nâng cao.

Có lẽ ông Erich muốn lợi dụng tình-trạng phát-triển kinh-tế này của nước mình mong tách rời lẫn-lẫn sự tùy-thuộc đường lối kinh tế của Liên xô để có thể khước từ những đòi-hỏi và nhu cầu của Liên-xô, vốn kể từ sau trận Thế-chiến thứ Hai, một mặt thật tình viện trợ cụ-thể để tái-dựng nền kinh tế đổ vỡ ở miền Đông nước Đức, bại trận, mặt khác lại luôn luôn xem Đông Đức (và các nước Đông-Âu) như một trường khai

thác kinh-tế bồ-túc cho những thiếu thốn ở Liên xô.

Bằng vào những sự việc trên đây chúng ta có thể tin rằng vụ Erich Apel (sự thất-bại của ông trong ý-muốn độc-lập kinh tế đối với Liên-xô, cái chết bất-

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được

— **Mười bài tâm ca**, tập ca nhạc của Phạm-Duy, do Lá-Bối xuất-bản và tác giả gửi tặng. Tâm ca số 1 đến Tâm ca số 10 mà buổi trình diễn của nhạc sĩ Phạm-Duy trước một số đồng sinh viên học sinh đã được tường thuật trong mục sinh hoạt trên BK TĐ số ngày Sách dày 60 trang, khổ 21 x 27, trình bày mỹ-thuật, Giá 70đ.

— **Thư mục về Nguyễn-Du** (1765-1820) của Lê-ngọc-Trụ và Bưu-Cầm, thuộc tủ sách Viện-khảo Cổ, số XI to Bộ Giáo-Dục xuất bản nhân dịp lễ kỷ-niệm 200 Ng. Du, và ô. Lê-ngọc-Trụ gửi tặng. Sách dày 140 trang, không đề giá bán.

— **Mục lục báo-chí Việt-ngữ** (1865-1965) do ô. Lê-ngọc-Trụ và Ban Soạn-Thảo Mục-lục Thư-tịch biên soạn, Nha Văn-Hóa và Thư-Viện Quốc-gia ấn hành, nhân tuần lễ kỷ-niệm 100 năm báo chí Việt-Ngữ, Ô. Lê-ngọc-Trụ gửi tặng. Sách dày khoảng 180 tờ, khổ 20 x 26, in Ronéo một mặt, không đề giá bán.

ngờ của ông, bản hợp-đồng có-lợi cho Liên-xô) xuất-hiện như một dấu hiệu đậm nét cho đường-lối tái lập bầu không khí giá băng na ná với đường-lối của Xtalin trước kia; những triệu chứng của đường-lối này nổi bật rõ rệt trong loạt bài báo đăng trên tờ *Neues Deutschland*, cơ-quan ngôn-luận chính-thức của Đảng Xã-hội Đức (tức là đảng Cộng sản Đức) từ hơn năm nay, nằm trong phong trào do hai ông Walter Ulbricht và Erich Honecker, trụ-cốt của Đảng và cũng là trụ-cốt của Chính-quyền, khởi-xướng và thúc đẩy chống lại mọi hình thức cởi mở về mọi ngành ở nước cộng-hòa Dân chủ Đức. (5)

Vụ Robert Havemann, giáo-sư Đại-học.

Ngày thứ bảy 8 tháng Giêng 1966, Trung-ương Đảng Xã-hội Đức (tức là Đảng Cộng-sản Đông-Đức) cho truyền ra một thông-cáo, trong đó Trung-ương Đảng lặp lại một số điểm đã được phát biểu trong một bài báo đăng trên tờ *Neues Deutschland* số ra ngày 21 tháng mười hai 1965, đả-kích những đề-thuyế-t của giáo-sư Robert Havemann về sự nên thành-lập một Đảng Cộng-sản mới ở Tây Đức.

Giáo sư Robert Havemann chuyên ngành hóa-học, tiếng-tâm vượt ra ngoài biên giới Đông Đức, vừa giảng-dạy ở viện Đại-học Humboldt Đông Bá Linh, vừa giữ chức-vụ Giám-đốc Viện Hóa-học ở Đông Bá Linh. Ông gia nhập Đảng từ lúc thiếu thời, hoạt động cho

Đảng ngay từ thời Quốc-xã Hitler và cũng đã trải mấy năm tù trong lao ngục phá-xít. Nhưng kể từ trung tuần tháng Giêng 1966 này, ông Robert Havemann đã không còn là Đảng Viên, không còn giảng-dạy ở Viện Đại Học Humboldt và cũng không còn giữ chức vụ Giám-đốc Viện Hóa-học Đông-Bá Linh nữa!

Nguyên-cớ của những sự thay đổi bất buộc này là một bài báo của Robert Havemann đăng trên tuần báo *Der Spiegel* (Phản ảnh) (6), cơ-quan ngôn luận độc lập, xuất bản ở Bonn, thủ đô Tây Đức. Đề hiệu tư tưởng chủ yếu lồng trong bài báo này, chúng ta nên nhớ rằng Đảng Cộng sản bị chính-quyền Tây Đức loại ra vòng pháp luật ở toàn lãnh thổ Tây Đức. Trong bài báo của Robert Havemann, tác giả nhận định rằng sở dĩ Đảng Cộng sản bị đối xử như vậy ở Tây Đức là vì Đảng không theo đường lối quốc-gia mà tự gò bó trong chủ nghĩa quốc ế. Từ nhận định phần nào khách quan này, ông đưa ra đề nghị giải tán Đảng Cộng sản bí mật ở Tây Đức, và đồng thời thành lập một đảng Cộng sản mới với một chủ trương quốc gia và như vậy đảng mới này ắt sẽ được chính quyền Tây Đức chấp nhận cho hoạt động tự do (người ta đồn rằng trước khi gửi bài báo của mình cho

(5) Một điều khiến chúng ta ngạc nhiên là ám tang Erich Apel đã được cử hành trọng thể ở Đông Bá Linh ngày thứ sáu 14 tháng Giêng 1966.

tờ *Der Spiegel*, ông Robert Havemann có hỏi ý kiến ông thứ trưởng Erich Apel và được ông tán thành).

Phần khác, kết luận bài báo, trở về với tình hình chính trị ở Đông Đức, nhất là về vấn đề Độc-Đảng (tuy bề ngoài khoác bộ áo đa đảng) Ông Robert Havemann đã chằng ngại búa rìu của Đảng viết mấy dòng sau :

— Ở nước Cộng hoà dân chủ Đức có nhiều đảng phái chính trị mỗi kì bầu cử đều có đưa ra ứng-cử-viên, nhưng lại trên một bảng ứng-cử duy nhất. Tình trạng này có còn nên kéo dài mãi như vậy không? Phải chăng là đã đến lúc, ở một nước xã hội chủ nghĩa, có thể chấp-nhận một phe đối lập trong quốc-hội?

Như bạn đọc nhận thấy trên, những tư-tưởng và ý-kiến của Robert Havemann quả tình là của một kẻ bất

kham đối với Đảng buộc tội ông : 1/ cho đăng bài tiểu-luận nọ trong một tuần báo tư bản ở Tây Đức. 2/ đòi thiết lập một nền xã-hội cộng-sản quốc gia, 3/ đòi thực thi chính thể đa đảng ở Đông Đức. Những lời buộc tội của Đảng đã được thi hành một cách cụ thể : 1/ ông Robert Havemann đã bị khai trừ khỏi Đảng, 2/ mất ghế giáo sư Hóa-học trong viện Đại-học Humboldt ở Đông Berlin, 3/ mất chức giám-đốc Viện Hóa-học ở Đông-Berlin. Chẳng những thế, tên ông còn thường được nhắc trên báo chí Đông Đức cùng với tên của Wolf Biermann nói trên.

TRẦN MAI LAN

(6) *Der Spiegel* (Phản ảnh) là một tuần-báo chính-trị, xã-hội, văn-hóa, xuất bản ở Bonn, thủ-đô Tây Đức. Đối-lập với chính phủ. Có thể bảo tờ *Der Spiegel* là tuần báo có được nhiều tin tức thường làm chấn-động dư-luận và chính phủ Tây-Đức.

Báo chí trong việc xây dựng văn hóa

Đề tài trên đây do ông Nghiêm-Xuân Thiện, chủ nhiệm nhật báo *Thời luận*, trình bày tại trường Quốc gia âm nhạc và Kịch nghệ Sài-gòn. do Hội đồng Báo chí tổ chức, chiều chủ nhật 9-1-1966.

Thuyết trình viên cho rằng : « Báo chí là hình ảnh của đời sống tinh thần của dân tộc. Giữa báo chí và đời sống tinh thần của dân tộc, có một mối tương quan khăng khít vô cùng quan trọng. « Báo chí mà tiến, tức là dân tộc tiến... Báo chí mà thoái tức là Dân tộc thoái. » Ông

đứng về phương diện văn hóa đề xét về Văn hóa của người ký giả và Văn hóa của người độc giả, hai vấn đề liên quan mật thiết với nhau.

Độc giả có Văn hóa cao, thì kí giả phải sâu sắc trong ý tưởng và trau chuốt trong lời văn. Mà người làm báo có Văn học cao mới có thể viết những bài có ích cho độc giả.

Báo chí có ảnh hưởng lớn trong việc tạo ra tiếng mới, giản dị hóa các danh từ mượn hoặc dịch của người, đặt vài

viên đá trong cuộc xây dựng ngôn ngữ. Ngoài việc xây dựng về hình thức, Báo chí còn có nhiệm vụ nêu cao tinh thần tôn trọng sự thật, thành thật và độc lập.

Ở các nước tân tiến, báo chí đã trở thành một kĩ nghệ. Ông nói sơ qua về làm báo, người viết báo, tờ báo và độc giả Âu, Mi, đề đến kết luận : Báo chí phải hướng dẫn dân chúng trong việc hiểu biết và xét đoán thời cuộc, và trong việc tìm những cái đẹp, cái hay để thưởng thức một cách tế nhị, tức là góp phần xây dựng văn hóa cho quảng đại quần chúng.

Rồi so sánh báo chí nước người với báo chí nước ta, ông thấy báo chí nước nhà còn ở trong thời kì ấu trĩ, phẩm cũng như lượng. Và ông bình vực những người trí thức không đọc báo nước mình mà tìm đọc báo ngoại quốc.

Đề góp phần vào việc xây dựng văn hóa, Báo chí phải làm sao để ra khỏi tình trạng kém cỏi ngày nay ? Kĩ giả đa số sống thiếu thốn, không thể học hỏi thêm và mất tinh thần độc lập, nhà báo thì thiếu phương tiện. Dân chúng thường không hiểu vai trò quan trọng của báo chí : lại nữa giữa chánh quyền và báo chí, thiếu sự thông cảm chân thành. Vậy phải làm gì để nâng cao trình độ báo chí, khi báo chí có thể là một dụng cụ để cho những người không còn đi học ở nhà trường nữa vẫn còn hằng ngày nhờ báo chí mà trau giồi trí thức.

Người kĩ giả có lương tâm nhà nghề cần phải luôn luôn học hỏi, mà học ngoại ngữ để xem sách, báo và nghe đài phát thanh ngoại quốc là một điều cần. Một điều cần phải làm nữa, là tổ chức các lớp tu nghiệp kĩ giả. Những buổi nói chuyện thường xuyên về những vấn đề mà một người làm báo cần phải biết là điều có thể và nên tổ chức ngay

Đây là phần kĩ giả còn phần chánh phủ, nên tổ chức những lớp ngoại ngữ cho người làm báo. Chánh phủ cũng nên giúp cho kĩ giả nước nhà có dịp đi ra nước ngoài, để tiếp xúc với các dân tộc xa lạ, mở rộng kiến văn, quan sát nghề làm báo ở các nước tân tiến ; và nếu có thể, giúp họ tập sự vài tháng ở những tờ báo lớn.

Nhìn lại báo chí nước nhà, ông thấy phần đả phá nhiều hơn phần xây dựng, và ông cho vì trình độ của kĩ giả còn thấp kém.

Báo chí có thể không đồng ý với chánh phủ, nhưng cũng phải thẳng thắn ủng hộ mọi chánh sách ích lợi cho dân. Cái thái độ liêm khiết trong nghề nghiệp này, do văn hóa của người làm báo tạo nên. Ở nước ta, tình trạng văn hóa của một số nhà báo khiến chánh phủ thường thường có một quan niệm rằng báo chí lệ thuộc chính quyền.

Trong khi đó, các nước tân tiến, báo chí là một quyền, *quyền thứ tư*, ngang hàng với quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp. Quyền ấy là quyền hướng dẫn dư luận.

Điều này, báo chí nước nhà chưa thực hiện nổi.

Sau cùng, diễn giả nhấn mạnh :

« Báo chí ảnh hưởng đến tư tưởng dân chúng — Bởi báo chí là một cơ quan của dân chúng, để đi sâu vào dân chúng, nên báo chí có ảnh hưởng lớn trong việc xây dựng văn hóa. Do đó bổn phận của mọi người là phải cải tiến nghề làm báo, để cải tiến nền văn hóa và tinh thần của dân tộc. Đất để vun trồng những báo đứng đắn là hoàn cảnh xã hội. Người làm vườn trồng nom vun xới là dân chúng và chánh quyền. — Muốn xây dựng dân chủ, cốt nhiên phải xây dựng những cơ sở của dân. Và trong những cơ sở này, báo chí là một cơ sở rất quan trọng. »